



ISSN: 1859 - 042X
Số 6
2016

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

NGÀY MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI 05

Lào Cai, ngày 04 tháng 6 năm 2016



**Chung tay bảo vệ môi trường
vì một hành tinh xanh**



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)

GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TS. Nguyễn Thế Đồng

TS. Hoàng Dương Tùng

TS. Mai Thanh Dung

TS. Hoàng Văn Thúc

GS. TS. Đặng Kim Chi

GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng

GS. TS. Nguyễn Văn Phước

TS. Nguyễn Ngọc Sinh

PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn

PGS. TS. Lê Kế Sơn

PGS. TS. Lê Văn Thắng

GS. TS. Trần Thục

PGS. TS. Trương Mạnh Tiến

GS. TS. Lê Văn Trình

GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (04) 61281438

TÒA SOẠN

Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phòng Trị sự: (04) 66569135

Phòng Biên tập: (04) 61281446

Fax: (04) 39412053

Email: tcbvmt@yahoo.com.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: Lễ phát động
Tháng hành động vì môi trường

Ảnh: TTXVN

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thiết kế In thương mại T&V

Số 6/2016

Giá: 15.000đ



4



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [4] • Chung tay bảo vệ môi trường vì một hành tinh xanh
- [6] • Ghi nhận "Tháng hành động vì môi trường" hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2016
- [8] • Việt Nam tham dự Hội nghị Tăng trưởng xanh toàn cầu 2016



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [9] HỒNG QUÂN: Dừng triển khai Dự án đầu tư xây dựng thủy điện Đăng Phôk - Đắc Lắc do tác động tiêu cực đến môi trường
- [10] HOÀNG VĂN VY: Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực môi trường
- [12] DƯƠNG VĂN HOẠT: Chính sách và giải pháp thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam
- [14] LƯU TRỌNG QUANG: Thanh Hóa: Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường
- [16] NGUYỄN THỊ MINH QUỲ: Nghệ An: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

16





TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [20] ĐẶNG HUY HUỲNH - ĐỖ LÊ THỊ MINH:
Phát huy ý thức trách nhiệm người cao tuổi trong sự nghiệp bảo
tồn đa dạng sinh học
- [22] LÊ HOÀNG LAN: Quản trị môi trường trong giai đoạn phát triển mới
- [24] PHẠM THỊ VUI - NGUYỄN ĐÌNH VIỆT:
Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về BVMT
- [26] NGUYỄN HỮU KHUÊ - LÊ TRẦN CHẤN:
Đánh giá tác động của việc chuyển đổi rừng khộp
sang trồng cao su tại Đắk Lắk
- [28] LÊ VĂN MINH: Tiềm năng phát triển du lịch
sinh thái tại Việt Nam



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [30] VƯƠNG TIẾN MẠNH: Giá trị sinh thái của bãi bồi, bãi giữa
sông Hồng và đề xuất giải pháp bảo tồn
- [32] NGUYỄN MINH HẠNH: Thực trạng và giải pháp bảo vệ nguồn
lợi thủy sản vùng đất ngập nước ven biển tỉnh Phú Yên
- [34] NGUYỄN THANH NGÂN: Hiệu quả xử lý nước thải bằng
công nghệ vi sinh



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [42] LÊ THANH THỦY: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của
phụ nữ Thủ đô trong công tác bảo vệ môi trường
- [44] NGUYỄN HẰNG: Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội: Bảo
tồn, nhân nuôi sinh sản các loài động vật hoang dã
- [45] MINH NGUYỆT: Bảo tồn và sử dụng bền vững rừng cây pơ mu di sản
tại Quảng Nam
- [46] TRẦN THÁNH: Sức hấp dẫn của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù
Lao Chàm
- [47] CAO VĂN KHIÊM: Tiềm năng phát triển nguồn dược liệu từ các loài
sinh vật biển của khu vực Đông Bắc Việt Nam
- [48] NGUYỄN THỊ LIÊN: Thúc đẩy tín dụng xanh vì sự phát triển bền vững
đất nước



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [36] GIÁNG HƯƠNG: Công ty CP Phân lân Ninh Bình:
Sản xuất kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường
- [38] NGUYỄN VĂN PHƯƠNG: Tăng cường vai trò của các
doanh nghiệp trong phát triển công nghiệp môi trường
- [39] TRƯƠNG VIỆT TRƯỜNG: Triển khai Cơ chế tín chỉ
chung và cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam
- [41] PHẠM THANH TUẤN: Công ty CP Xi măng Bim
Sơn tích cực đổi mới công nghệ thân thiện môi trường



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [50] LƯU TRANG: Cải thiện môi trường
vì sức khỏe con người
- [51] HỒNG ĐIỂN: Cần bảo vệ môi trường
sống cho loài hổ

THÔNG TIN TUYỂN SINH 2016
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là Trường đại học công lập, thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ: 1,5 năm; Đại học: 04 năm; Cao đẳng: 03 năm.

Năm 2016, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Ký hiệu: DMT) tuyển sinh đại học, cao đẳng theo kết quả kỳ thi THPT QG và theo kết quả kỳ thi ĐGNL do Đại học Quốc gia tổ chức, cụ thể như sau:

I. Thạc sĩ (125 chỉ tiêu):

- Các ngành đào tạo: Khoa học môi trường, Kỹ thuật Trắc địa bản đồ, Thủy văn học; Dự kiến tuyển sinh tháng 11 năm 2016: Quản lý đất đai, Khí tượng và khí hậu học.
- Trường tổ chức 02 đợt thi vào tháng 4 và tháng 11 hàng năm;

2. Đại học, cao đẳng chính quy (2880 chỉ tiêu)

TT	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
I. Đại học chính quy				
1	Quản lý đất đai	D850103	A00, A01, B00, D01	2780
2	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D510406	A00, A01, B00	450
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	D850101	A00, A01, B00, D01	320
4	Khí tượng học	D440221	A00, A01, B00, D01	50
5	Thủy văn	D440224	A00, A01, B00, D01	60
6	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	D520503	A00, A01, B00	100
7	Kỹ thuật địa chất	D520501	A00, A01, B00, D01	50
8	Quản lý biển	D850199	A00, A01, B00, D01	60
9	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	D440298	A00, A01, B00, D01	120
10	Khí tượng thủy văn biển	D440299	A00, A01, B00, D01	50
11	Kế toán	D340301	A00, A01, D01	500
12	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	D850102	A00, A01, D01	180
13	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103	A00, A01, D01	120
14	Công nghệ thông tin	D480201	A00, A01, D01	300
15	Khoa học đất	D440306	A00, A01, B00, D01	50
16	Quản lý tài nguyên nước	D850198	A00, A01, B00, D01	120
II. Cao đẳng chính quy				
1	Quản lý đất đai	C850103	A00, A01, B00, D01-D06	40
2	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	C515902	A00, A01, B00	30
3	Công nghệ kỹ thuật môi trường	C510406	A00, A01, B00	30

Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển đại học, cao đẳng chính quy theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia (cụm thi do các trường đại học tổ chức): 2380 chỉ tiêu;
- Xét tuyển đại học chính quy theo kết quả kỳ thi ĐGNL do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức (500 chỉ tiêu): Thi sinh có kết quả thi ĐGNL năm 2016, đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với học sinh phổ thông ở khu vực 3 là 70 điểm (bao gồm: TĐDL + TĐDT + KHTN hoặc KHXH) có thể ĐKKT theo các hình thức: Đăng ký trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trường. Thời gian xét tuyển đợt 1 từ ngày 13/6 đến 26/6/2016; đợt 2 từ ngày 16/8 đến 25/8/2016.

Trường có 3 khu ký túc xá (cơ sở 1, cơ sở 2, khu ký túc xá Mỹ Đình) có thể bố trí khoảng 2000 chỗ ở. Trong đó ký túc xá Mỹ Đình 2 có chỗ ở rộng rãi, hiện đại, có nhà ăn phục vụ sinh viên, có phòng tự học, nhà tập thể dục, thuận tiện giao thông, giá theo quy định.

Thi sinh học chương trình đại học ngành 1 sau 1 học kỳ, nếu có nguyện vọng có thể học chương trình đại học chính quy ngành thứ 2 theo quy định của Trường.

Địa chỉ: Số 41 A, đường Phủ Diễn, phường Phủ Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Thông tin chi tiết thi sinh theo dõi trên website: <http://huu.edu.vn>

Hoặc liên hệ bộ phận tuyển sinh: 0167 908 5468; 0984.602.628

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢ GIỐNG KINH MÔN
Địa chỉ: Xã Hiệp Hòa, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Chào Mừng
Kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám
Và Quốc khánh 2/9

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY LIÊN TỈNH
Địa chỉ: Km 14 đường 21H, Xã Nam Hồng, Huyện Nam Trực, Nam Định

Chào Mừng
Kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám
Và Quốc khánh 2/9



Chung tay bảo vệ môi trường vì một hành tinh xanh

Trong hai ngày 4 - 5/6/2016, tại Lào Cai, Bộ TN&MT phối hợp với Trung ương Hội Cựu chiến binh (CCB) Việt Nam, Trung ương Hội Người cao tuổi (NCT) Việt Nam, UBND tỉnh Lào Cai tổ chức Lễ phát động “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2016 và các sự kiện liên quan. Tham dự Lễ phát động có Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng; Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà; Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai Nguyễn Văn Vịnh; Đại diện Lãnh đạo Trung ương Hội CCB, Trung ương Hội NCT Việt Nam, các Bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và đông đảo người dân tỉnh Lào Cai.

Tại Lễ phát động, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà nhấn mạnh, trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật và triển khai các chương trình, nhiệm vụ nhằm ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường. Tuy nhiên, công cuộc BVMT cần sự chung tay của toàn dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong cả quá trình lâu dài. Trên cơ sở đó, Bộ TN&MT phát động “Tháng hành động vì môi trường”, nhằm kêu gọi cộng đồng bằng những hành động thiết thực cùng BVMT. Bộ trưởng tin tưởng, với ý chí, quyết tâm của Đảng, Nhà nước, sự nỗ lực của các cấp chính quyền, chung tay hành động của cả cộng đồng và hỗ trợ tích cực từ các tổ chức quốc tế, Việt Nam sẽ đạt được nhiều thành tựu về BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), góp phần giữ gìn hành tinh xanh của toàn nhân loại.

Phát biểu chỉ đạo tại Lễ phát động, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng khẳng định, BVMT, bảo tồn ĐDSH, ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) là nhiệm vụ luôn được Đảng, Nhà nước,



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà phát biểu tại Lễ phát động

Chính phủ quan tâm và đã cụ thể hóa tại Nghị quyết số 41/NQ-TW của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 24/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT, Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội qua các giai đoạn...

Hiện nay, các cấp, các ngành đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác BVMT, bảo tồn ĐDSH, ứng phó với BĐKH và coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị. Nhờ đó, công tác quản lý nhà nước về TN&MT dần được hoàn thiện, các vấn đề bức xúc về môi trường từng bước được giải quyết. Song, Việt Nam đang chịu ảnh hưởng nặng nề của vấn đề ô nhiễm môi trường và BĐKH, làm thay đổi, suy thoái các nguồn tài nguyên, hệ sinh thái và ĐDSH. Điển hình trong 3 tháng qua, ô nhiễm nguồn nước nghiêm

trọng tại các sông, hồ và một số vùng ven biển, gây ảnh hưởng sâu sắc đến hình ảnh của đất nước, đời sống nhân dân và an sinh xã hội.

Để thực hiện thành công, hiệu quả “Tháng hành động vì môi trường”, Phó Thủ tướng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tiến hành rà soát, báo cáo, đề xuất Chính phủ các giải pháp đồng bộ nhằm kiện toàn, tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về môi trường; Đặt yếu tố môi trường lên hàng đầu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và là trụ cột bình đẳng với phát triển kinh tế; Tăng cường thanh, kiểm tra chuyên ngành môi trường, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường và áp dụng biện pháp xử lý hình sự đối với các cơ sở cố tình vi phạm. Bên cạnh đó, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư trong công tác BVMT, nhất là nhiệm vụ giám sát thực thi pháp luật,



▲ Các đại biểu tham gia trồng cây và thả động vật về rừng

tham vấn cộng đồng về môi trường theo Luật BVMT; Đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách cho BVMT phù hợp với tỷ trọng đầu tư phát triển, đồng thời, tăng cường các nguồn lực xã hội hóa công tác BVMT và yêu cầu các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện trách nhiệm BVMT.

Nằm trong chuỗi sự kiện hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới đã diễn ra các Hội thảo: Vai trò của Hội CCB trong bảo tồn ĐDSH và bảo vệ các loài nguy cấp, quý, hiếm tại Việt Nam; Khởi động Dự án Trình diễn áp dụng phương pháp BAT/BEP trong hoạt động đốt ngoài trời nhằm

thực hiện Công ước Stốckhôm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP); Tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ truyền thông về BVMT hệ thống lưu vực sông Hồng - sông Thái Bình.

Tại Vườn quốc gia Hoàng Liên đã diễn ra Lễ trồng cây và thả gần 80 cá thể động vật hoang dã (ĐVHD) gồm các

loài chim, rắn, mèo... về với thiên nhiên, nhằm truyền tải thông điệp “sự suy tồn của các hệ sinh thái ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự suy tồn của loài người hôm nay và mai sau”, góp phần tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về bảo tồn ĐDSH, chống buôn bán ĐVHD.

BÙI HẰNG





Ghi nhận “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2016



▲ Lãnh đạo Bộ GD&ĐT tham gia trồng cây xanh hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường

Nhằm tăng cường hiệu quả truyền thông, tạo sự lan tỏa trên diện rộng, góp phần nâng cao nhận thức về BVMT cho toàn xã hội, từ năm 2016, Bộ TN&MT thực hiện chủ trương đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6. Theo đó “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới được thực hiện trên phạm vi cả nước với các hoạt động thiết thực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, tổ chức cộng đồng và mỗi người dân.

Hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, tạo thành chuỗi hoạt động trong “Tháng hành động vì môi trường”, từ đầu tháng 5 đến hết tháng 6/2016, các Bộ, ban/ngành, đoàn thể Trung ương, địa phương đã tổ chức quán triệt, triển khai các nội dung của Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học (ĐDSH) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Công ước về ĐDSH (CBD) và Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES); Luật BVMT năm 2014; Luật ĐDSH; Luật Bảo vệ rừng; các văn bản pháp luật về BVMT... cùng

với các hoạt động hưởng ứng thiết thực thu hút sự tham gia đông đảo của cộng đồng.

Mở đầu “Tháng hành động vì môi trường” là Lễ phát động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, diễn ra trong 2 ngày 4 - 5/6/2016, tại TP. Lào Cai do Bộ TN&MT phối hợp Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, UBND tỉnh Lào Cai tổ chức. Với Chủ đề “Tiếng gọi thiên nhiên và hành động của chúng ta”, Ngày Môi trường thế giới năm 2016 truyền cảm hứng cho toàn nhân loại hướng tới các hành vi sống thân thiện với môi trường, giảm thiểu áp lực ngày càng gia tăng đối với các hệ sinh thái tự nhiên của Trái đất.

Từ đầu tháng 5/2016, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã chỉ đạo, hướng dẫn Mặt trận các địa phương trong

việc huy động cộng đồng tham gia hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo. Tại 63 tỉnh, thành trên cả nước, các khu dân cư xây dựng mô hình “Lồng ghép nhiệm vụ BVMT vào cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Khu dân cư tự quản BVMT” và “Khu dân cư thực hiện hài hòa giảm nghèo bền vững và BVMT”.

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã tăng cường các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, giảng viên, giáo viên, sinh viên và học sinh đối với công tác BVMT, ứng phó với BĐKH; bảo tồn ĐDSH với nhiều hoạt động được tổ chức như: Tổ chức Lễ mít tinh, các cuộc thi, ngày hội tái chế, ngày hội sống xanh; trồng và chăm sóc cây xanh; thu gom rác thải, quét dọn vệ sinh môi trường... Thời gian tới, ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức, nhận thức, trách nhiệm của mọi người dân đối với công tác BVMT, ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng biển, động vật hoang dã, tăng cường sử dụng sản phẩm công nghệ thân thiện với môi trường.

Ngành NN&PTNT tổ chức Lễ mít tinh kết hợp với hội thảo nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức về BVMT, tạo diễn đàn chia sẻ thông tin về các vấn đề môi trường nổi cộm của ngành như hạn hán, xâm nhập mặn, an toàn vệ sinh thực phẩm,



ô nhiễm môi trường..., đồng thời đưa ra các giải pháp cụ thể đem lại hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

Từ đầu tháng 6/2016, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động trên toàn quốc Chiến dịch “Hãy làm sạch biển” triển khai thí điểm tại 4 tỉnh ven biển miền Trung: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Đến nay, Chiến dịch được triển khai ở 28 tỉnh, TP ven biển trên cả nước, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên, các tầng lớp nhân dân về vai trò của biển đối với đời sống con người và ý thức trách nhiệm đối với việc BVMT biển, cũng như môi trường sống.

Hà Nội là một trong những địa phương đầu tiên triển khai “Tháng hành động vì môi trường” trên toàn TP. Các quận, huyện, thị xã đồng loạt ra quân, diễu hành, cổ động, tuyên truyền BVMT, bảo tồn ĐDSH, sử dụng công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, ít tiêu hao nhiên liệu, năng lượng; lên án hành vi gây ô nhiễm môi trường; tích cực trồng cây xanh, duy tu, duy trì hệ thống vườn hoa, công viên, thảm cỏ, hồ nước. Bên cạnh đó, Thành đoàn Hà Nội và Báo Nhi Đồng tổ chức Cuộc thi vẽ tranh “Thiếu nhi Việt Nam vì môi trường” tại Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam nhằm tuyên truyền tới các em thiếu nhi trên cả nước về việc giữ gìn môi trường, thiên nhiên, thông qua đó kêu gọi toàn xã hội chung tay BVMT.



▲ Hà Nội tổ chức Cuộc thi vẽ tranh “Thiếu nhi Việt Nam vì môi trường” thu hút nhiều học sinh tham gia

Từ ngày 25/5 - 25/6/2016, TP. Đà Nẵng đã tổ chức nhiều hoạt động thực hiện “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới, kết hợp phát động phong trào Ngày chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp; Diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu; Ra quân làm sạch bãi biển; Tổ chức chương trình nâng cao nhận thức “Chung tay bảo vệ

ĐDSH tại Bán đảo Sơn Trà”; “Nâng cao nhận thức cho phụ nữ về BDKH và an toàn trước thiên tai”...

Triển khai “Tháng hành động vì môi trường”, nhiều hoạt động thiết thực được các đoàn viên thanh niên TP. Cần Thơ tích cực thực hiện như diễu hành qua các tuyến đường nội đô, vớt rác, vệ sinh môi trường trên các kênh, rạch... Bên cạnh đó, trưng bày các hình ảnh với chủ đề “Bảo vệ động vật hoang dã và biển đảo quê hương” tại công viên Lưu Hữu Phước nhằm truyền cảm hứng cho cộng đồng sống thân thiện với môi trường, ngăn chặn nạn buôn bán động vật hoang dã, đồng thời giúp người dân nâng cao hiểu biết về vấn đề BVMT biển, đảo hiện nay.

Năm đầu tiên, “Tháng hành động vì môi trường” được phát động nhưng đã trở thành phong trào rộng khắp trên phạm vi cả nước, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về BVMT, bảo tồn ĐDSH, phát triển bền vững và ứng phó với BDKH.

HỒNG NHUNG (Tổng hợp)



▲ Hàng nghìn bạn trẻ thuộc ĐTNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Nam tham gia Chiến dịch Hãy làm sạch biển



Việt Nam tham dự Hội nghị Tăng trưởng xanh toàn cầu năm 2016

Trong hai ngày 6 - 7/6/2016, tại Copenhagen, Đan Mạch đã diễn ra Hội nghị Tăng trưởng xanh toàn cầu (3GF) với chủ đề “Kêu gọi hành động - Tìm giải pháp quy mô và kịp thời” nhằm tập trung thảo luận những vấn đề ưu tiên bao gồm việc loại bỏ các rào cản cấp quốc gia, cấp địa phương và cấp doanh nghiệp; Cách thức chuyển đổi nền kinh tế, chia sẻ kinh nghiệm tăng trưởng xanh trong mối quan hệ ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) với các nội dung về thành phố, tài nguyên và năng lượng.

Hội nghị có sự tham dự của các nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp các nước đối tác, bao gồm: Chi lê, Đan Mạch, Ethiopia, Hàn Quốc, Kenya, Mêxicô, Trung Quốc và Việt Nam. Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà dẫn đầu đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị với tư cách là thành viên chính thức.

Bộ trưởng Trần Hồng Hà đã có bài phát biểu quan trọng tại phiên khai mạc của Hội nghị. Bộ trưởng khẳng định, Việt Nam cam kết là một thành viên trách nhiệm, tích cực của 3GF. Việt Nam phối hợp chặt chẽ và hợp tác hiệu quả với các nước thành viên, định chế tài chính, doanh nghiệp đối tác để triển khai thực hiện các sáng kiến, giải pháp do 3GF đưa ra; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để các Bộ, ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam tăng cường tham gia vào 3GF cũng như tích cực đề xuất, triển khai thực hiện các dự án đồng lợi ích trong khuôn khổ 3GF.

Bộ trưởng đã nêu 3 đề xuất nhằm thúc đẩy hoạt động của 3GF trên



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà phát biểu tại 3GF 2016

phạm vi toàn cầu, bao gồm: Tạo lập cơ chế hỗ trợ hiệu quả về xúc tiến đầu tư, thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa nhà nước và khối doanh nghiệp tư nhân trong 3GF để thúc đẩy tăng trưởng xanh, hỗ trợ tăng cường năng lực thể chế, xóa bỏ các rào cản về thể chế và thị trường, phát triển và chuyển giao công nghệ cho các nước thành viên, đặc biệt là các nước đang phát triển, nhằm góp phần thực hiện thành công các Mục tiêu phát triển bền vững cũng như Thỏa thuận Pari về BĐKH; Xây dựng các hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng đề xuất dự án, tìm kiếm nguồn đầu tư cho chính quyền các TP và cộng đồng doanh nghiệp của các nước thành viên với các định chế tài chính toàn cầu, các trung tâm phát triển và chuyển giao công nghệ, nhằm khuyến khích họ tham gia xây dựng và thực hiện thành công

những dự án đồng lợi ích có tính khả thi cao, phù hợp với năng lực, nhu cầu và ưu tiên của các quốc gia thành viên; Tăng cường phổ biến, chia sẻ thông tin về các cơ chế hợp tác trong 3GF, kinh nghiệm về triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, dự án tăng trưởng xanh với hình thức đa dạng như diễn đàn toàn cầu, diễn đàn khu vực thường niên và các cuộc họp chuyên gia kỹ thuật với chủ đề và nội dung phù hợp theo hình thức luân phiên tổ chức ở các nước thành viên.

Cũng tại Hội nghị, Bộ trưởng Trần Hồng Hà đã có cuộc gặp song phương với Giám đốc Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI), Bộ trưởng Bộ Môi trường và Thực phẩm Đan Mạch để thảo luận tăng cường hợp tác trong lĩnh vực môi trường, tăng trưởng xanh và ứng phó với BĐKH.

ĐỨC ANH



Dừng triển khai Dự án đầu tư xây dựng thủy điện Đăng Phôk - Đắc Lắc do tác động tiêu cực đến môi trường

Ngày 3/6/2016, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà đã ký Công văn số 2169/ BTNMT-TCMT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đồng ý với đề xuất của UBND tỉnh Đắc Lắc về việc không tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng thủy điện Đăng Phôk tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắc Lắc.

Thực hiện Luật BVMT năm 2014, ngày 26/5/2016, Bộ TN&MT đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án thủy điện Đăng Phôk (Dự án), tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắc Lắc, do Công ty CP Đầu tư và Ứng dụng công nghệ mới làm chủ đầu tư. Sau khi xem xét hồ sơ và các tài liệu liên quan, Bộ TN&MT đã có kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ đồng ý với đề xuất không tiếp tục triển khai Dự án của UBND tỉnh Đắc Lắc.

Theo nội dung Báo cáo ĐTM, Dự án có công suất lắp máy 26 MW, nằm trên bậc thang thủy điện cuối cùng của dòng sông Srêpôk trước khi chảy sang Campuchia. Dự án sẽ chiếm dụng 308,7 ha đất, trong đó có 295,4 ha đất thuộc Vườn quốc gia (VQG) Yok Đôn (khoảng 63 ha thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt) và 28,88 ha rừng đặc dụng phải chuyển đổi mục đích sử dụng. Việc triển khai Dự án tại địa điểm nêu trên sẽ vi phạm một số quy định của pháp luật và gây ra những tác động tiêu cực tới môi trường rất khó khắc phục.

Tại Khoản 16 Điều 3 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 giải thích rõ “Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng là khu vực được bảo toàn nguyên vẹn, được quản lý, bảo vệ chặt chẽ để phục hồi, tái sinh tự nhiên”. Cũng tại Khoản 2 Điều 7 Luật Đa dạng sinh học (ĐDSH) năm 2008 nêu rõ việc “xây dựng công trình, nhà ở trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh” là “hành vi bị nghiêm cấm về ĐDSH”. Điểm a khoản 1 Điều



▲ Khu vực dự kiến xây dựng Nhà máy thủy điện Đăng Phôk

19 Nghị định số 117/2010/ NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/12/2010 về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng quy định rõ “Trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt chỉ được áp dụng các biện pháp bảo vệ, bảo tồn để duy trì diễn thế tự nhiên”.

Tuy nhiên, khu vực dự kiến triển khai Dự án có hệ sinh thái đặc thù với rừng cây họ dầu (rừng khộp) chiếm ưu thế, tính ĐDSH độc đáo với nhiều loài động thực vật bậc cao thuộc diện quý hiếm có giá trị bảo tồn cao; đặc biệt đây là khu vực thường xuyên cư ngụ và là hành lang di chuyển của các đàn voi rừng. Việc thi công xây dựng sẽ phải chặt phá rừng, mở đường, tập trung với lượng lớn trang thiết bị, vật tư, con người sẽ gây tác động tiêu cực tới môi trường sống, công tác bảo tồn của các loài động thực vật cũng như không thể kiểm soát được tình trạng săn bắn thú, khai thác lâm sản trái phép.

Việc xây đập, chặn dòng trên sông Srêpôk sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới hệ sinh thái thủy sinh, đặc biệt các loài có tập tính di cư. Đồng thời, việc thay đổi cơ bản chế độ dòng chảy của sông Srêpôk (sông thành hồ chứa) sẽ làm thay đổi chế độ dòng chảy bùn cát/phù sa về vùng hạ du đập và thay đổi lớn về nước dưới đất; tác động tới một số quá trình địa chất, địa chất công trình; gây sạt lở, tái tạo lòng hồ; làm thay đổi cảnh quan, địa hình, địa mạo cũng như làm xáo trộn diễn thế sinh thái không chỉ trong phạm vi khu vực Dự án. Ngoài ra, khu vực Dự án nằm gần biên giới Việt Nam - Campuchia (cách biên giới khoảng 8 km) nên có những tác động tiêu cực tới an ninh - quốc phòng. Việc phá vỡ cân bằng sử dụng nước với chế độ vận hành hồ chứa phục vụ phát điện sẽ tác động tiêu cực tới vùng hạ du, đặc biệt đối với phía Campuchia.



Hiện nay, trên dòng sông Srêpôk đã có 12 công trình thủy điện đang hoạt động. Do tình trạng hạn hán, sản lượng điện của các nhà máy giảm rõ rệt. Với ảnh hưởng ngày càng gay gắt của biến đổi khí hậu và lại nằm ở bậc thang thủy điện cuối cùng của dòng sông này, thủy điện Đăng Phôk sẽ gặp nhiều khó khăn về sản lượng và khó đạt được công suất như thiết kế.

Trước đó, ngày 19/5/2016, Bộ NN&PTNT đã có Công văn số 4037/BNN-TCLN gửi Văn phòng Chính phủ kiến nghị xem xét, dừng thực hiện Văn bản số 1479/TTg-KTN ngày 25/8/2009 về việc chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp của VQG Yok Đôn để xây dựng Nhà máy thủy điện Đăng Phôk. Theo nhận định của Bộ NN&PTNT, khi xây dựng thủy điện Đăng Phôk sẽ phải chuyển mục đích sử dụng 63 ha đất có rừng, trong đó, chuyển đổi vĩnh viễn 53 ha, chuyển đổi tạm thời để phục vụ thi công 10 ha (chưa bao gồm nhu cầu sử dụng đất, rừng để xây dựng đường dây tải điện từ Nhà máy đến trạm biến áp hòa với hệ thống điện quốc gia, theo dự tính hành lang tuyến và các trụ cột điện khoảng 27 ha). Hiện trạng khu vực này là rừng tự nhiên, trong đó có 3 ha rừng giàu, 11 ha rừng trung bình và 49 ha rừng nghèo. Ngoài việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng thì quá trình thi công xây dựng, vận hành Nhà máy sẽ ảnh hưởng

trực tiếp đến sinh cảnh sống của các loài động vật hoang dã, đặc biệt là voi, hổ có thể bỏ đi nơi khác. Trong quá trình thi công và vận hành Nhà máy sẽ tạo thêm áp lực bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên của VQG Yok Đôn, nhất là việc dâng nước lòng hồ Đăng Phôk sẽ tạo thuận lợi hơn cho các hoạt động vận chuyển gỗ trái phép bằng đường thủy.

Cũng theo Bộ NN&TPNT, hiện nay, rừng Tây Nguyên đang bị suy giảm nghiêm trọng cả về diện tích, chất lượng. Trong 5 năm qua, độ che phủ rừng đã giảm 6,1%, đặc biệt khu vực tiếp giáp với VQG Yok Đôn, rừng đã bị suy giảm rất nghiêm trọng, nhiều khu vực không còn rừng. Cùng với đó, tác động ngày càng gay gắt của biến đổi khí hậu, làm cho diễn biến thời tiết cực đoan, tình trạng khô, hạn kiệt diễn ra khốc liệt, tác động tiêu cực đến đời sống của người dân và phát triển kinh tế - xã hội, môi trường bền vững ở Tây Nguyên.

Như vậy, đến thời điểm hiện nay, UBND tỉnh Đắk Lắk, Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT đều đã có văn bản báo cáo Chính phủ xem xét, dừng triển khai thực hiện Dự án Nhà máy thủy điện Đăng Phôk dự kiến xây dựng giữa vùng lõi của VQG Yok Đôn. Sự vào cuộc và có ý kiến kịp thời của các cơ quan chức năng đã nhận được sự đồng tình ủng hộ của người dân địa phương, các chuyên gia và nhà khoa học về môi trường.

HỒNG QUÂN

Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường

HOÀNG VĂN VY

*Phó Cục trưởng, Cục Kiểm soát hoạt động BVMT
Tổng cục Môi trường*

Thời gian gần đây đã xảy ra một số vụ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận, đòi hỏi hoạt động thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực môi trường cần phải đẩy mạnh, đảm bảo tính thống nhất, tập trung và xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, nhằm ngăn chặn những hành vi hủy hoại môi trường, thiên nhiên, nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật.

TẬP TRUNG TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TRA VỀ BVMT

Trong những năm qua, Bộ TN&MT luôn xác định hoạt động thanh tra, kiểm tra về TN&MT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chuyên ngành năm 2016 về môi trường, trong 6 tháng đầu năm 2016, Tổng cục Môi trường đã tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động BVMT và bảo tồn đa dạng sinh học của một số tổ chức tại 7 tỉnh, TP: Lai Châu, Yên Bái, Ninh Bình, Thái Bình, Đồng Tháp, Bình Phước, Quảng Ninh. Qua thanh tra, kiểm tra đã ban hành 74 quyết định xử phạt vi phạm hành chính (VPHC), với số tiền hơn 14 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Tổng cục cũng tập trung triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (ÔNMTNT) một cách quyết liệt, hiệu quả. Kết quả cho thấy, các cơ sở gây ÔNMTNT theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cơ bản đã hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để.

Để tránh chống chèo với kế hoạch thanh tra của địa phương, Tổng cục Môi trường phối hợp với Thanh tra Bộ TN&MT rà soát, tổng hợp để đề xuất



với lãnh đạo Bộ điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2016 cho phù hợp; đồng thời, tiến hành rà soát, mở rộng các cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất các cơ sở có nguồn xả thải ra biển và triển khai thanh tra, kiểm tra trên diện rộng. Sau khi xảy ra vụ việc hàng loạt hải sản chết bất thường tại 4 tỉnh ven biển miền Trung (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế), trong những ngày đầu tháng 4/2016, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Lãnh đạo Bộ TN&MT về kiểm tra công tác BVMT, Tổng cục Môi trường đã thành lập Đoàn kiểm tra về BVMT đối với các đơn vị đang hoạt động tại Khu kinh tế (KKT) Vũng Áng (Kỳ Anh, Hà Tĩnh). Thành phần Đoàn kiểm tra bao gồm đại diện các Bộ, ngành, nhà khoa học trong lĩnh vực môi trường, một số đơn vị thuộc Tổng cục Môi trường, các cơ quan có liên quan tại địa phương. Đoàn kiểm tra đã thực hiện việc kiểm tra đối với 3 cơ sở hoạt động tại KKT Vũng Áng. Hiện tại, Đoàn đang hoàn thiện hồ sơ pháp lý để ban hành kết luận kiểm tra đối với các cơ sở theo đúng quy định pháp luật.

Từ ngày 4 -7/5/2016, tại Thanh Hóa cũng xảy ra hiện tượng cá chết trên sông Bưởi. Ngay sau khi sự việc xảy ra, Tổng cục Môi trường đã tham mưu cho Bộ trưởng Bộ TN&MT ký ban hành Quyết định số 1058/QĐ-BTNMT ngày 10/5/2016 thanh tra việc chấp hành pháp luật BVMT đối với các cơ sở trên địa bàn xã Tân Mỹ (Lạc Sơn, Hòa Bình). Theo đó, Đoàn đã tiến hành thanh tra và ban hành Quyết định xử phạt VPHC đối với 3 cơ sở là Công ty CP Mía đường Hòa Bình, Công ty TNHH Tân Hiếu Hưng (Nhà máy chế biến tinh bột sắn Hòa Bình) và Trang trại chăn nuôi gia công heo của ông Nguyễn Ngọc Sáng, với số tiền 3.904.165.200 đồng, đồng thời yêu cầu các cơ sở thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm. Ngoài ra, Bộ TN&MT đã có Văn bản số 70/BTNMT-TCMT chỉ đạo các địa phương ven biển khẩn trương kiểm tra, đánh giá các nguồn thải ra biển và cửa sông ven biển có khối lượng từ 1.000 m³/ngày, đếm trở lên. Bên cạnh đó, Tổng cục Môi trường đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành thống kê, rà soát, tổng hợp các nguồn thải từ 200 m³/ngày, đếm trở lên để tập trung thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm trong năm 2016. Đến nay, Tổng cục đã thống kê, rà soát trên 1.300 cơ sở.

Trong 6 tháng đầu năm 2016 đã xảy ra một số vụ việc ÔNMTNT, gây ra những hậu quả nặng

nề cho kinh tế - xã hội và môi trường. Trước những thách thức đó, Tổng cục Môi trường đã tham mưu, triển khai các hoạt động rà soát, khoanh vùng, hỗ trợ xác định nguyên nhân cá chết, xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường, hỗ trợ tích cực cho việc khắc phục ô nhiễm, xử lý thảm họa môi trường có hiệu quả.

Đối với công tác xử lý đơn thư, kiến nghị về môi trường, Tổng cục Môi trường đã quan tâm, xử lý theo đúng trình tự, thẩm quyền, với 9 hồ sơ đơn thư khiếu nại, đề nghị và 251 báo cáo giải trình, khắc phục hậu quả vi phạm.

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TRA VỀ BVMT

Thời gian qua, Tổng cục Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương, tổ chức, cá nhân và các cơ quan thông tin đại chúng trong hoạt động thanh, kiểm tra về môi trường. Thông qua hoạt động

thanh, kiểm tra đã phát hiện những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp (DN) trong quá trình thực thi các quy định BVMT; kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật về môi trường để có biện pháp chấn chỉnh, răn đe và xử lý vi phạm theo quy định, tạo tính nghiêm minh, công bằng trong việc tuân thủ chính sách pháp luật BVMT.

Tuy nhiên, từ thực tế hoạt động thanh, kiểm tra vẫn tồn tại một số khó khăn như: Việc xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT còn kéo dài do nhiều đối tượng vi phạm trốn tránh, hoặc không hợp tác; Các vi phạm về BVMT ngày càng tinh vi, khó phát hiện, đặc biệt là các hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường của DN; Việc xả thải của DN có thể xảy ra ở mọi lúc, mọi nơi, thường che giấu rất tinh vi và xả vào ban đêm; Việc tiếp cận các vi phạm xả thải gặp nhiều khó khăn (đường ống xả ngầm dưới đất, dưới lòng sông, ống khói cao, không có điểm để quan trắc, đo đạc mẫu môi trường).



▲ Cán bộ thanh tra lấy mẫu nguồn thải của Công ty TNHH Tân Hiếu Hưng tại Tân Mỹ, Lạc Sơn, Hòa Bình

(Xem tiếp trang 33)



Chính sách và giải pháp thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Ngày 18/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 428/QĐ-TTg phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII điều chỉnh), với quan điểm phát triển năng lượng tái tạo (NLTT) là khâu đột phá giúp bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với TS. Dương Duy Hoạt, Ủy viên Hội đồng Khoa học, Viện Khoa học Năng lượng về vấn đề này.

***Xin ông cho biết nội dung ưu tiên phát triển NLTT trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh?**

TS. Dương Duy Hoạt: Quy hoạch điện VII là quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1.208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011. Sau 5 năm thực hiện, bên cạnh những đóng góp tích cực đảm bảo cung cấp điện cho nền kinh tế thì Quy hoạch cũng bộc lộ nhiều tồn tại, không phù hợp với thực tế của Việt Nam và thế giới. Mặt khác, Quy hoạch không tính đến xu hướng chống phát thải khí nhà kính, làm nóng khí quyển Trái đất, do đó, Quy hoạch điện VII cần phải được điều chỉnh để phù hợp thực tế. Sau khi tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và các nhà khoa học, Đề án điều chỉnh Quy hoạch điện VII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Với mục tiêu cung cấp nhu cầu điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016-2030, Quy hoạch điện VII điều chỉnh sẽ ưu tiên phát triển nguồn NLTT cho sản xuất điện; từng bước gia tăng tỷ trọng điện năng sản xuất từ nguồn NLTT (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối...) trong cơ cấu nguồn điện, đạt khoảng 7% năm 2020 và trên 10% năm 2030. Cụ thể, ưu tiên phát triển các nguồn thủy điện, nhất là các dự án lợi ích tổng hợp (chống lũ, cấp nước, sản xuất điện); nghiên cứu đưa nhà máy thủy điện tích năng vào vận hành phù hợp với phát triển của hệ thống điện quốc



▲ TS. Dương Duy Hoạt
Ủy viên Hội đồng Khoa học,
Viện Khoa học Năng lượng

gia nhằm nâng cao hiệu quả vận hành. Tổng công suất các nguồn thủy điện (bao gồm cả thủy điện vừa và nhỏ, thủy điện tích năng) từ gần 17.000 MW hiện nay lên khoảng 21.600 MW vào năm 2020, 24.600 MW vào năm 2025 (thủy điện tích năng 1.200 MW) và khoảng 27.800 MW vào năm 2030 (thủy điện tích năng 2.400 MW). Điện năng sản xuất từ nguồn thủy điện chiếm tỷ trọng khoảng 29,5% vào năm 2020, 20,5% vào năm 2025 và 15,5% vào năm 2030.

Quy hoạch cũng nêu rõ, đưa tổng công suất nguồn điện gió từ 140 MW hiện nay lên khoảng 800 MW vào năm 2020 (điện năng sản xuất chiếm tỷ trọng 0,8%), 2.000 MW (1%) vào năm 2025 và 6.000 MW (2,1%) vào năm 2030.

Mặt khác, phát triển điện sử dụng nguồn năng lượng sinh khối tại các nhà máy đường, chế biến lương thực, thực phẩm; thực hiện đồng đốt nhiên liệu sinh khối với than tại các nhà máy điện than; phát điện từ chất thải rắn... Tỷ trọng điện năng sản

xuất từ nguồn năng lượng sinh khối đạt khoảng 1% vào năm 2020, 1,2% vào năm 2025 và 2,1% vào năm 2030.

Cùng với đó, đẩy mạnh phát triển nguồn điện sử dụng năng lượng mặt trời, bao gồm cả nguồn tập trung lắp đặt trên mặt đất và nguồn phân tán lắp đặt trên mái nhà: Đưa tổng công suất nguồn điện mặt trời từ mức không đáng kể hiện nay lên khoảng 850 MW (chiếm tỷ trọng 0,5%) vào năm 2020, 4.000 MW (1,6%) vào năm 2025 và 12.000 MW (3,3 %) vào năm 2030.

***Trong quá trình thực hiện chính sách tăng nhanh tỷ trọng nguồn điện từ NLTT, Việt Nam đối mặt với cơ hội, thách thức gì thưa ông?**

TS. Dương Duy Hoạt: Về những cơ hội phát triển NLTT, nước ta là một quốc gia có nhiều nguồn NLTT, trong đó một số nguồn như năng lượng gió, mặt trời và sinh khối có tiềm năng lớn. Việt Nam cũng đã có các cam kết quốc tế phát triển nguồn NLTT để giảm khí phát thải và có đủ các điều kiện để tiếp thu kinh nghiệm, áp dụng



▲ Sử dụng và phát triển góp phần bảo vệ môi trường

công nghệ NLTT tiên tiến của nhiều nước trên thế giới. Ngoài ra, Việt Nam còn nhận được sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế về tài chính trong phát triển NLTT.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đối mặt với các thách thức như: Việc đầu tư phát triển NLTT chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh sẵn có. Mặc dù, các nguồn NLTT là nguồn năng lượng sạch, nhưng vẫn có những tác động tiêu cực về môi trường, do đó, trong quá trình phát triển NLTT, cần phải có đầu tư nghiên cứu, giảm thiểu những yếu tố tiêu cực, cụ thể như tác động của thủy điện tới môi trường.

Ngoài ra, Việt Nam chưa có cơ chế, chính sách thích hợp để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển NLTT; Chưa có nguồn nhân lực khoa học được đào tạo chính quy, có trình độ cao về NLTT...

★ Ông có đề xuất gì để khuyến khích phát triển các nguồn NLTT?

TS. Dương Duy Hoạt: Để phát triển NLTT của Việt Nam một cách bền vững và hiệu quả, cần có sự thống nhất về quan điểm phát triển NLTT. Đồng thời, Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương lập quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn NLTT. Trên cơ sở dự báo nhu cầu năng lượng và khả năng cung cấp của nguồn NLTT trong cả nước, xây dựng quy hoạch phát triển các nguồn NLTT.

Bên cạnh đó, cần xây dựng Luật NLTT. Hiện nay, nước ta đã có Luật Điện lực, Luật Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, do đó cần xây dựng Luật NLTT. Từ kinh nghiệm

thành công của nước ngoài cho thấy, xây dựng Luật NLTT sẽ là giải pháp có tính then chốt, tiên quyết cho việc phát triển NLTT. Nên giao cho Bộ KH&CN chủ trì, xây dựng Luật NLTT.

Ngoài ra, công tác xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về NLTT là cần thiết; Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về NLTT.

Đồng thời, thành lập Quỹ phát triển năng lượng bền vững sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn thu từ phí môi trường đối với nhiên liệu hóa thạch, các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm hỗ trợ tài chính cho hoạt động khuyến khích phát triển NLTT trên phạm vi toàn quốc. Có thể dùng nguồn vốn của Quỹ này để hỗ trợ cộng đồng phát triển mô hình sử dụng NLTT, thực hiện thí điểm, tiến tới nhân rộng các mô hình ngôi nhà xanh, tòa nhà xanh, đô thị xanh và nông thôn (làng, xã) xanh.

Mặt khác, cần khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thị trường này. Nhà nước cần có cơ chế hỗ trợ vốn cho những doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa các loại thiết bị như bình đun nước nóng, tủ điện nhỏ, động cơ gió, hầm bioga khí sinh học...; Ưu đãi thuế nhập thiết bị, công nghệ mới, thuế sản xuất, lưu thông các thiết bị; bảo hộ quyền tác giả cho các phát minh, cải tiến kỹ thuật về lĩnh vực NLTT; Công khai danh mục các dự án đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực NLTT.

Cuối cùng, cần đẩy mạnh tuyên truyền và phổ biến kiến thức đến mọi người dân về tầm quan trọng, hiệu quả kinh tế - xã hội và BVMT của việc phát triển và sử dụng NLTT trong quá trình phát triển bền vững, từ đó có những hành động thiết thực đóng góp cho việc phát triển và sử dụng nguồn năng lượng này■

CHÂU LOAN (Thực hiện)



THANH HÓA:

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường

Thời gian qua, Thanh Hóa tập trung nhiều giải pháp phát triển kinh tế gắn với BVMT, đảm bảo phát triển nhanh và bền vững. Theo đó, tỉnh chú trọng khai thác những tiềm năng của vùng theo hướng Tăng trưởng xanh, từng bước nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và nhân dân về sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Để hiểu rõ hơn việc triển khai kế hoạch này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Lưu Trọng Quang - Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Thanh Hóa.

***Xin ông cho biết tình hình thực hiện quy định pháp luật về BVMT tại khu kinh tế (KKT), khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh thời gian qua?**

Ông Lưu Trọng Quang: Thanh Hóa là tỉnh nằm ở khu vực Bắc Trung bộ, có 27 huyện, thị, thành phố; 637 xã, phường, thị trấn với tổng diện tích là 1.112.948 ha, chiếm 3,37% tổng diện tích tự nhiên của cả nước, dân số hơn 3,4 triệu dân. Trên địa bàn tỉnh, KKT Nghi Sơn được thành lập năm 2006 tại huyện Tĩnh Gia có hệ thống cảng Nghi Sơn thu hút được 67 doanh nghiệp vào hoạt động; 5 KCN (Lễ Môn, Bim Sơn, Đình Hương - Tây Bắc Ga, Lam Sơn - Sao Vàng và Hoàng Long) thu hút 136 doanh nghiệp; 57 CCN được quy hoạch. Trong đó, 10/57 CCN cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng, hiện có 86 doanh nghiệp vào đầu tư (tỷ lệ lấp đầy 75,48%); 24/57 CCN đang xây dựng hạ tầng và có 211 doanh nghiệp vào đầu tư (tỷ lệ lấp đầy 42,44 %); 23/57 CCN chưa có doanh nghiệp vào đầu tư và đang xây dựng hạ tầng.

Việc hình thành và phát triển mạnh mẽ của KKT, các KCN, CCN đã tạo điều kiện để thu hút khối lượng lớn vốn đầu tư công nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội; tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, góp phần nâng cao đời sống của người dân địa phương. Tuy nhiên, hiện trạng môi trường và việc thực thi chính sách, pháp luật về môi trường tại KKT, KCN, CCN cũng là một vấn đề quan tâm.



▲ Ông Lưu Trọng Quang - Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Thanh Hóa

Cho đến thời điểm hiện nay trên địa bàn tỉnh mới có KCN Lễ Môn có hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tập trung và đi vào vận hành từ năm 2010, KCN Tây Bắc Ga, CCN Thiệu Dương (TP. Thanh Hóa) được đầu tư hệ thống XLNT tập trung nhưng chưa hoàn chỉnh và đi vào hoạt động; số KCN, CCN còn lại chưa được đầu tư xây dựng công trình XLNT tập trung.

Trong khi đó, các KCN, CCN đều chưa có khu xử lý chất thải rắn (CTR) tập trung; CTR sản xuất và sinh hoạt được các đơn vị tự thu gom, xử lý sơ bộ hoặc thu gom, vận chuyển đến bãi rác của các địa phương. CTR sản xuất được thu gom, phân loại nhưng chưa triệt để, một phần sau phân loại bán cho cơ sở tái chế; CTR sinh hoạt và sản xuất còn lại được xử lý bằng biện pháp chôn lấp trong khuôn viên hoặc thải ra môi trường.

Qua kiểm tra công tác BVMT tại các đơn vị đang hoạt động trong các KCN, CCN, làng nghề cho thấy, hầu hết các cơ sở, doanh nghiệp mới dừng lại ở việc chấp hành lập các hồ sơ về môi trường theo quy định như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), đề án BVMT, cam kết BVMT, kế hoạch BVMT...; tuy nhiên, việc xây dựng các công trình xử lý chất theo như cam kết trong hồ sơ về môi trường đã được phê duyệt và xác nhận mới đạt khoảng 30%; phần còn lại chưa đầu tư xây dựng đồng bộ hoặc có xây dựng nhưng không đúng tiêu chuẩn, không vận hành thường xuyên, chất thải chưa được thu gom và xử lý triệt để...

Do vậy, trong thời gian tới, Sở sẽ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về môi trường tại các doanh nghiệp trong KKT, các KCN, CCN; Tuyền



truyền, phổ biến pháp luật về môi trường cho các doanh nghiệp trong KKT, KCN, CCN; Tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào công tác BVMT các KCN; Khuyến khích xã hội hóa hoạt động BVMT.

★Sau hơn 1 năm triển khai thi hành Luật BVMT 2014, công tác quản lý môi trường tại địa phương đã có chuyển biến như thế nào, thưa ông?

Ông Lưu Trọng Quang: Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 25/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật BVMT, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 22/4/2015 triển khai thi hành Luật BVMT năm 2014 trên địa bàn. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị tập huấn, tuyên truyền giới thiệu nội dung cơ bản của Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành tới lãnh đạo chủ chốt các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố và doanh nghiệp trên địa bàn. Sau Hội nghị, căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND cấp huyện mở các lớp tập huấn phổ biến tới các đơn vị trực thuộc; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền phổ biến nội dung của Luật đến nhân dân trong tỉnh.

Từ đó, các phong trào BVMT ngày càng thu hút được sự tham gia của cộng đồng dân cư; công tác BVMT tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh từng bước được thực hiện; số vụ việc vi

phạm pháp luật về BVMT có xu hướng giảm, những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có ý thức tuân thủ, chấp hành tốt hơn các quy định pháp luật về BVMT. Đặc biệt, những quy định về kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình BVMT, quản lý chất thải nguy hại, chế độ thông tin, báo cáo, xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng... đi vào nề nếp.

★Xin ông cho biết kết quả 5 năm triển khai Quyết định 1946/QĐ-TTg về Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu (Quyết định 1946) trên địa bàn tỉnh?

Ông Lưu Trọng Quang: Tỉnh Thanh Hóa có 10 điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật (HCBVTV) nằm trong danh mục cần phải xử lý. Triển khai Quyết định 1946 tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND về việc thực hiện Chương trình MTQG khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015. Trong đó Sở TN&MT tham mưu cho UBND tỉnh

thành lập Ban chỉ đạo Chương trình, đồng thời chủ trì lập 7 dự án xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường 7 điểm tồn lưu HCBVTV gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành xử lý trước năm 2015.

Đồng thời, Sở phối hợp với UBND các huyện trên địa bàn tỉnh cùng với đơn vị tư vấn tiến hành điều tra, khảo sát, xác định chi tiết mức độ ô nhiễm và phạm vi ô nhiễm các điểm tồn lưu HCBVTV phát sinh ngoài Quyết định 1946. Sau khi điều tra, khảo sát lấy mẫu đất phân tích dư lượng HCBVTV, Sở đã trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 8/1/2014 đưa 35 điểm tồn lưu HCBVTV vào danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần phải xử lý trên địa bàn tỉnh.

Sau 5 năm thực hiện Quyết định 1946, tỉnh Thanh Hóa đã thu được một số kết quả cụ thể: Công tác tuyên truyền nâng cao được nhận thức của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân về tác hại của HCBVTV tại các điểm tồn lưu đến sức khỏe được tăng cường. Từ đó có nhiều giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu những tác động xấu do tác động của các điểm tồn lưu HCBVTV; các điểm tồn lưu HCBVTV khác nằm ngoài Quyết định 1946 được các cơ quan chức năng của tỉnh khảo sát, khoanh vùng, cô lập và cảnh báo cho nhân dân biết để tránh không tiếp xúc với khu vực bị ô nhiễm; Tiến hành xử lý triệt để được 6/7 điểm tồn lưu HCBVTV (nằm trong danh mục Quyết định 1946) có mức độ ô nhiễm nặng, nằm gần các khu dân cư ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và đời sống của nhân dân. Hiện



▲ Hệ thống xử lý nước thải tại KCN Lễ Môn



các khu vực đã được bàn giao cho địa phương sử dụng để trồng hoa màu lâu năm; 8 dự án xử lý HCBVTV tồn lưu đang được Trung ương hỗ trợ kinh phí để triển khai thi công.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong việc xử lý các điểm tồn lưu HCBVTV trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn, vướng mắc như: Việc xử lý ô nhiễm môi trường tại các điểm tồn lưu HCBVTV đòi hỏi chi phí lớn, số lượng các điểm tồn lưu trên địa bàn tỉnh nhiều, phân kinh phí hỗ trợ của Trung ương để xử lý ô nhiễm có hạn, trong khi nguồn ngân sách của tỉnh Thanh Hóa không đủ dẫn đến nhiều dự án đã được phê duyệt nhưng thiếu kinh phí để thực hiện;

Mặt khác, các điểm tồn lưu HCBVTV thuộc đối tượng công ích, do đó kinh phí cho việc xử lý các xử lý ô nhiễm tại các điểm tồn lưu này chỉ trông đợi vào ngân sách của nhà nước, trong khi đó các nguồn huy động khác từ ngoài ngân sách nhà nước không có.

***Ông có đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BVMT?**

Ông Lưu Trọng Quang: Chính phủ cần ban hành cơ chế, trợ giá mua điện từ hoạt động xử lý rác thải; tăng tỷ lệ % ngân sách cho công tác BVMT. Đồng thời, bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ cho thanh tra chuyên ngành về môi trường thuộc Chi cục BVMT - Sở TN&MT (tương đương với thanh tra quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường - Sở Công Thương; Thanh tra An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế; Thanh tra bảo vệ thực vật Chi cục Bảo vệ thực vật - Sở NN&PTNT...)

Đồng thời, Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), đặc biệt là hướng dẫn cụ thể về cơ chế chính sách ưu đãi đối với hình thức hợp tác này, trong đó có lĩnh vực BVMT; Thông tư hướng dẫn chi tiết Nghị định số 3/2015/NĐ-CP ngày 6/1/2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường; Thông tư hướng dẫn các quy định về BVMT đối với cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại Điều 67, Luật BVMT năm 2014.

Ngoài ra, cần xây dựng chính sách hỗ trợ cho các dự án xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng...

***Xin cảm ơn ông.**

P. ĐÌNH - B. HẰNG (Thực hiện)

Nghệ An: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, phát triển kinh tế - xã hội của Nghệ An đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, đời sống nhân dân từng bước được nâng lên. Đồng thời, công tác BVMT được tỉnh chú trọng, với nhiều chủ trương, chính sách về BVMT được ban hành, qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT.

Năm 2015, Sở TN&MT Nghệ An đã trình UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với 47 dự án, 25 đề án cải tạo phục hồi môi trường; tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM của 61 dự án và 33 phương án cải tạo phục hồi môi trường; thẩm định đề án BVMT chi tiết của 7 cơ sở; cấp 36 sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và thông báo thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp cho 395 đơn vị, thu được 932 triệu đồng.

Trong công tác khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, Sở đã tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc trên địa bàn tỉnh, với 268 điểm ô nhiễm do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV). Tính đến năm 2015, tỉnh đã thực hiện 22 đề án điều tra, khảo sát xác định phạm vi mức độ ô nhiễm của 178 điểm tồn lưu hóa chất BVTV. Hiện tỉnh đã điều tra xong 102

điểm, trong đó có 40 điểm phải xử lý, 61 điểm phải cải tạo phục hồi môi trường, 1 điểm thực hiện quan trắc theo dõi. Ngoài ra, tỉnh cũng đang thực hiện điều tra, khảo sát, đánh giá phạm vi mức độ ô nhiễm 76 điểm và triển khai 20 dự án (21 điểm) xử lý ô nhiễm môi trường do tồn lưu thuốc BVTV. Đến nay, có 6 dự án đã hoàn thành nghiệm thu và hoàn trả mặt bằng cho địa phương, 5 dự án đã hoàn thành các hạng mục công trình xử lý, 7 dự án đang trong quá trình triển khai, 2 dự án thuộc Chương trình Dự án POP (hỗ trợ bốc xúc phần đất ô nhiễm nặng mang đi xử lý bằng phương pháp đốt nhiệt độ cao) cũng đang được triển khai.

Bên cạnh đó, công tác quản lý, thu gom, xử lý chất thải rắn (CTR) nói chung và chất thải sinh hoạt nói riêng trên địa bàn tỉnh đã có chuyển biến tích cực. Hiện tại, một số địa phương như TP. Vinh, thị xã Cửa Lò, Diễn Thành (Diễn Châu), Quỳnh Phương (Quỳnh Lưu), Khu di tích Kim Liên (Nam Đàn)... đã ban hành và thực hiện các quy chế về BVMT; xây dựng mô hình quần chúng tham gia BVMT ở các phường, xã; vận động nhân dân không đổ rác, phế thải ra đường, nơi công cộng; thành lập tổ thu gom rác tại cụm dân cư,



▲ Thị xã Cửa Lò - điểm sáng về xây dựng mô hình quần chúng tham gia BVMT

thực hiện công tác vệ sinh môi trường tại các trục đường, khu dân cư, khu vực công cộng và bãi biển. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của các khu dân cư, đô thị mới, khu công nghiệp và điểm du lịch... là nguyên nhân phát sinh CTR sinh hoạt. Trong khi đó, cơ sở hạ tầng và phương thức thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc xử lý chất thải y tế, đặc biệt là chất thải y tế nguy hại chưa triệt để, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

Về công tác BVMT làng nghề, hiện tỉnh có gần 500 làng nghề và làng có nghề, trong đó có 111 làng nghề đã được UBND tỉnh công nhận. Tuy nhiên, quy hoạch của các làng nghề vẫn mang tính tự phát, công nghệ lạc hậu, tác động xấu tới chất lượng môi trường. Trước thực trạng trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở TN&MT và các ban, ngành liên quan tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng làng nghề; kiên quyết xóa bỏ làng nghề gây ô nhiễm nghiêm trọng, đồng thời ngăn chặn không để phát sinh các điểm ô nhiễm mới.

Để nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước, giảm nguy cơ phát sinh các điểm nóng ô nhiễm môi trường (ÔNMT), Sở TN&MT đã ban hành Chương trình công tác năm 2016, với mục tiêu tiếp tục nâng cao hiệu quả

quản lý, sử dụng tài nguyên, BVMT, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ÔNMT. Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm:

Kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách pháp luật về TN&MT; Tăng cường giám sát, xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 1/10/2013 và Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 1/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Rà soát và bổ sung Danh mục các cơ sở ÔNMT nghiêm trọng mới phát sinh; Tập trung thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

Nâng cao chất lượng thẩm định ĐTM đối với các dự án đầu tư xây dựng hệ thống biogas xử lý chất

thải chăn nuôi; Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề... Đẩy mạnh thực hiện các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường như thu phí BVMT đối với chất thải rắn, nước thải, khí thải, các hình thức đặt cọc, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường. Thúc đẩy xã hội hóa hoạt động BVMT, phát triển dịch vụ môi trường; nghiên cứu và đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về hỗ trợ, ưu đãi trong lĩnh vực BVMT.

Tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả về công tác thanh tra, kiểm tra; chấn chỉnh các vi phạm trong hoạt động khoáng sản; kiên quyết thu hồi đối với những dự án chậm tiến độ, chỉ cho phép hoạt động khi đã hoàn thành các công trình về BVMT; Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về TN&MT tại các cấp huyện, xã; Phối hợp với Cục thuế và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ thuế cũng như các nội dung liên quan đối với lĩnh vực TN&MT, nhằm chống thất thu ngân sách.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ÔNMT; thực hiện công khai thông tin các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về BVMT theo quy định; Nâng cao năng lực, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải; Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân...

NGUYỄN THỊ MINH QUÝ



TẠP CHÍ VỚI BẠN ĐỌC

★ Trong thời gian qua, có không ít doanh nghiệp đã không thực hiện đúng các cam kết BVMT, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Bộ TN&MT đã có những giải pháp gì để kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp?

CỬ TRI TỈNH HÀ NAM

Trong những năm qua, công tác BVMT nước ta đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT đã được xây dựng và hoàn thiện, đang ngày càng phát huy hiệu lực và hiệu quả. Tổ chức chuyên môn về BVMT đã được kiện toàn từ Trung ương đến địa phương và tại các Bộ, ngành. Nguồn kinh phí cho công tác BVMT ngày càng đa dạng và sử dụng có hiệu quả. Nhiều điểm nóng về môi trường đã được giải quyết, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường đang từng bước được kiểm chế, đẩy lùi.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật BVMT luôn được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước của Bộ TN&MT. Qua đó, có thể thấy các vi phạm nghiêm trọng về môi trường thời gian qua không chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà còn có cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Để từng bước giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ngăn chặn kịp thời các vi phạm, ngoài nỗ lực của cơ quan nhà nước các cấp, không thể thiếu sự tham gia giám sát của xã hội, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân tại cơ sở. Bên cạnh đó, với vai trò là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước về TN&MT, Bộ TN&MT đã và đang tích cực tham mưu cho Chính phủ tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT theo hướng quy định chặt chẽ hơn việc kiểm soát xả thải, xử lý chất thải... tạo hành lang pháp lý để kiểm soát có hiệu quả việc thực hiện công tác BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, yêu cầu phải có hệ thống quan trắc tự động 24/24h (đối với cơ sở có lượng xả nước thải, khí thải lớn), tăng khung và mức phạt lên 2 tỷ đồng đối với một hành vi vi phạm... Trong thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật BVMT, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tập trung xử lý dứt điểm những điểm nóng về môi trường, công khai thông tin vi phạm theo quy định của pháp luật để tạo áp lực buộc các doanh nghiệp thực hiện nghiêm các quy định về BVMT. Bên cạnh đó, Bộ cũng sẽ tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về BVMT của UBND cấp tỉnh để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương.

- Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về BVMT, trước mắt khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 179/2013/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT nhằm tăng cường hơn nữa tính răn đe của các chế tài xử lý vi phạm.

- Hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tăng cường năng lực hệ thống thanh tra về BVMT từ Trung ương đến địa phương.

● Thành lập Ban Chỉ đạo Dự án Quản lý an toàn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và hóa chất nguy hại

Ngày 14/6/2016, Bộ TN&MT ban hành Quyết định số 1323/QĐ-BTNMT thành lập Ban chỉ đạo Dự án “Quản lý an toàn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và hóa chất nguy hại tại Việt Nam”. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, giám sát việc thực hiện Dự án bảo đảm mục tiêu, tiến độ, chất lượng và nguồn lực đã được phê duyệt.

Dự án do Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tài trợ từ nguồn viện trợ của Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), được thực hiện trong 3 năm (2015 - 2018) với mục tiêu giảm thiểu các rủi ro môi trường và sức khỏe con người thông qua việc giảm phát thải và phơi nhiễm các chất POP, thủy ngân và hóa chất nguy hại.

● Hà Tĩnh ban hành Kế hoạch hành động áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

Ngày 16/5/2016, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch hành động áp dụng sản xuất sạch hơn (SXSH) trong công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020.

Theo đó, Kế hoạch đề ra mục tiêu đẩy mạnh áp dụng SXSH tại các cơ sở sản xuất công nghiệp (SXCN) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người và đảm bảo phát triển bền vững.

Để thực hiện mục tiêu trên, Kế hoạch đã đề ra các giải pháp: Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy áp dụng SXSH trong công nghiệp; Tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao năng lực chủ động nghiên cứu, áp dụng SXSH cho các cơ sở SXCN; Xây dựng, phổ biến các hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng SXSH cho các ngành nghề sản xuất, ưu tiên các ngành công nghiệp mũi nhọn và các ngành nghề sản xuất có nguy cơ ô nhiễm cao; Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ xây dựng kế hoạch thực hiện SXSH...



● Bộ TN&MT công nhận sáng kiến năm 2015

Ngày 1/6/2016, Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Quyết định số 1249/QĐ-BTNMT về việc công nhận sáng kiến năm 2015. Theo đó, công nhận 34 sáng kiến cấp toàn quốc cho 14 cá nhân và 242 sáng kiến cấp Bộ cho 215 cá nhân.

Các sáng kiến cấp toàn quốc và cấp Bộ nổi bật trong năm 2015 như: Xây dựng kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu (BĐKH), kịch bản BĐKH và nước biển dâng; Chỉ đạo thành công chuẩn bị Báo cáo và tham dự Hội nghị của Liên hợp quốc về BĐKH lần thứ 21 (COP21) được tổ chức tại Paris; Xây dựng Chương trình hành động phát triển bền vững ngành TN&MT giai đoạn 2016 - 2020...

Việc ghi nhận và tôn vinh các sáng kiến là động lực mạnh mẽ phát triển các phong trào thi đua yêu nước của toàn ngành TN&MT trong công cuộc xây dựng phát triển đất nước.

● Bộ TN&MT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi

Ngày 29/4/2016, Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 4/2016/TT-BTNMT quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (QCVN 62-MT:2016/BTNMT). Theo đó, đối tượng áp dụng Quy chuẩn là các tổ chức, cá nhân liên quan đến

hoạt động xả nước thải chăn nuôi (NTCN) ra nguồn tiếp nhận nước thải. NTCN xả vào hệ thống thu gom của nhà máy xử lý nước thải (XLNT) tập trung tuân thủ theo quy định của đơn vị quản lý, vận hành nhà máy XLNT tập trung.

Quy chuẩn quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong NTCN khi thải ra nguồn tiếp nhận là: BOD₅ đạt mức A (40mg/l), mức B (100mg/l); COD đạt mức A (100mg/l), mức B (300mg/l); chất rắn lơ lửng đạt mức A (50mg/l...).

Ngoài ra, Quy chuẩn cũng quy định, các cơ sở chăn nuôi có tổng lượng nước thải nhỏ hơn 2 m³/ngày, phải có hệ thống thu gom và lắng, ủ nước thải hợp vệ sinh; cơ sở chăn nuôi có tổng lượng nước thải lớn hơn 2 m³/ngày đến dưới 5m³/ngày, phải có hệ thống thu gom và hệ thống XLNT đủ công suất như biogas, hay đệm lót sinh học phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia.

● Hướng dẫn thu, nộp, quản lý sử dụng phí BVMT đối với khai thác khoáng sản

Ngày 29/4/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 66/2016/TT-BTC hướng dẫn thu, nộp, quản lý sử dụng phí BVMT đối với khai thác khoáng sản theo Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/2/2016 của Chính phủ.

Thông tư quy định phương pháp tính phí BVMT đối với khai thác khoáng sản phải nộp trong kỳ nộp phí, theo công

thức: $F = [(Q1 \times f1) + (Q2 \times f2)] \times K$. Trong đó: F là số phí BVMT phải nộp trong kỳ; Q1 là số lượng đất đá bốc xúc thải ra trong kỳ nộp phí (m³); Q2 là số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ (tấn hoặc m³); f1 là mức phí đối với số lượng đất đá bốc xúc thải ra: 200 đồng/m³; f2 là mức phí tương ứng của từng loại khoáng sản khai thác (đồng/tấn hoặc đồng/m³); K là hệ số tính phí theo phương pháp khai thác.

Đối với số lượng đất đá bốc xúc thải ra trong quá trình khai thác than, không thu phí đến hết năm 2017. Trong quá trình khai thác mà thu được thêm loại khoáng sản khác loại khoáng sản được cấp phép thì người nộp phí phải nộp phí BVMT đối với quặng khoáng sản (Q2) theo mức thu của loại khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác.

Về thủ tục khai và nộp phí, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp hồ sơ khai phí BVMT với cơ quan Thuế quản lý trực tiếp cùng nơi kê khai nộp thuế tài nguyên. Thời hạn kê khai phí BVMT với cơ quan thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo.

Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản, không kể dầu thô và khí thiên nhiên, khí than là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Luật BVMT và Luật Ngân sách Nhà nước.



Phát huy ý thức trách nhiệm người cao tuổi trong sự nghiệp bảo tồn đa dạng sinh học Việt Nam

GS.TSKH ĐẶNG HUY HUỲNH

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

ĐỖ LÊ THỊ MINH

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội

Tri thức truyền thống bản địa là những tri thức được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử của con người với môi trường tự nhiên và xã hội; được lưu truyền từ đời này qua đời khác bằng trí nhớ và thực hành xã hội. Tri thức truyền thống bản địa đã và đang được tích lũy trong các thế hệ người cao tuổi (NCT), do đó cần phát huy các tri thức bản địa quý báu của NCT trong sự nghiệp BVMT và bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH).

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NCT TRONG BẢO TỒN ĐDSH

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, trong cơ cấu dân số có thành phần NCT. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, cộng đồng NCT đã tích lũy nhiều kinh nghiệm trong khai thác, bảo vệ ĐDSH phục vụ cho cuộc sống. Đây là nguồn trí tuệ to lớn cần được nghiên cứu, khám phá để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và BVMT.

Theo các nhà khoa học, từ kinh nghiệm, tri thức truyền thống của thổ dân cao tuổi thuộc Tây Ấn Độ trong sử dụng rễ cây ba gạc mà ngành dược đã sản xuất thành công thuốc an thần và hạ huyết áp Reserpine; hay các dân tộc thiểu số cao tuổi ở Bắc Âu sử dụng lá cây thông nấu nước uống vào mùa đông để tăng cường sức đề kháng của cơ thể đã giúp các nhà khoa học đương đại sản xuất thành công vitamin C; hoặc kinh nghiệm chữa trị bệnh ung thư bằng các bộ phận của cây thông đỏ của thổ dân cao tuổi Bắc Mỹ.

Việt Nam được đánh giá là 1/16 nước trên thế giới có tính ĐDSH cao với 16.928 loài thực vật và 21.918 loài động vật phân bố trong các hệ sinh thái (HST) trên cạn, đất ngập nước, vùng biển, cùng với hàng nghìn loài cây trồng,



▲ Người Dao đỏ đã tích lũy những tri thức bản địa trong sử dụng các loài thực vật làm thuốc chữa bệnh

vật nuôi trong các HST. Việt Nam có 54 dân tộc anh em cùng sinh sống trong các môi trường tự nhiên khác nhau, vùng lãnh thổ có tính ĐDSH cao, nhiều loài sinh vật có giá trị kinh tế và ý nghĩa bảo tồn cao. Đây cũng là nơi chứa đựng kho tàng tri thức bản địa độc đáo. Tuy nhiên, cho đến nay ở Việt Nam chưa có sự đầu tư nghiên cứu để phát huy những tri thức bản địa trong cộng đồng NCT. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc giữ gìn phát huy các kinh nghiệm, các tri thức quý báu của NCT đã trải nghiệm, tích lũy trong quá trình sản xuất và cuộc sống.

Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, các già làng dân tộc Thái, Mường, Nùng, H.Mông, Ba Na, Ê đê, Zai rai... bằng các kinh nghiệm trong dân gian đã sử dụng các loài lá cây để chữa trị bệnh sốt rét, cảm cúm hoặc làm lành vết thương... cho bộ đội. Để bảo vệ rừng cây và những

giá trị ĐDSH của rừng, các già làng, trưởng bản còn đưa ra các bộ luật, các quy ước, hương ước quy định hành vi của con người đối với thiên nhiên, góp phần tích cực, hiệu quả trong việc bảo tồn ĐDSH. Cụ thể người dân tộc Ê đê - M.Nông có quy ước dân làng không được mang củi cháy vào rừng “Ai có con phải dạy con, ai có cháu phải dạy cháu, không được cầm theo những đầu cây cháy vào rừng có thể làm cháy, hủy diệt rừng, không còn nơi để ẩn náu, không còn nước để uống...”; “Đi trong rừng thấy cây thẳng không được chặt, thấy cây to không được hạ, rừng già không được phát rẫy, rừng có cây to không được làm nương. Mất rừng, con chồn, con nhím không còn chỗ để trú, không còn nơi để kiếm ăn. Con người không còn rừng để sống...”.

Người dân tộc Lào, M.Nông, Ê đê có kinh nghiệm trong việc sử dụng 243 loài thực vật làm thức ăn và thuốc



chữa bệnh. Người Ba Na có bài học quý từ việc sử dụng 82 loài lâm sản ngoài gỗ, trong đó 55 loài có nguồn gốc từ các loài thực vật, 27 loài có nguồn gốc từ động vật; người Za rai biết chất lọc 145 loài cây cỏ trong tự nhiên để làm thuốc chữa bệnh.

Trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, để bảo vệ nguồn giống trong tự nhiên, các già làng, trưởng bản có hương ước, quy ước quy định việc khai thác các sản phẩm của rừng hợp lý theo mùa vụ như khai thác tre, giang, chọn các cây đến tuổi trưởng thành, chặt cách gốc khoảng 80-100cm, phần gốc để lại làm chỗ tựa cho măng khỏi bị gió làm gãy, đồng thời tránh sự phá hoại của thú rừng; khi khai thác măng không thu hái lứa măng đầu bởi chất lượng măng chưa tốt, còn đắng, chát. Việc khai thác rau rừng, bắt cá, bắt ếch được quy định “Suối nuôi cá là của chung mọi nhà; cá dưới suối ai xúc cũng được; bắt cá lớn phải chừa cá con; bắt con ếch phải chừa con mẹ; chặt cây tre phải chừa lại cây con; bắt tổ ong phải chừa ong chúa”. Việc trồng trọt trên HST nương rẫy theo phương thức ruộng bậc thang, luân canh xen canh, gối canh với nhiều giống loài khác nhau phù hợp đặc điểm HST rừng nhiệt đới, việc thờ cúng bảo vệ các khu rừng thiêng, rừng đầu nguồn, các bến nước, các suối thần... nhằm bảo vệ nguồn nước, bảo vệ ĐDSH.

Trên thực tế, các cộng đồng NCT trên mọi miền Tổ quốc đã tích lũy một hệ thống tri thức trong việc khai thác, bảo vệ, sử dụng ĐDSH thông qua các luật tục, tập quán. Bảo tồn và

phát huy các tri thức bản địa truyền thống của NCT còn là triết lý về đạo đức, văn hóa ứng xử với thiên nhiên, ĐDSH.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ NCT TRONG BẢO VỆ ĐDSH

Các thế hệ NCT trên khắp mọi miền Tổ quốc từ đồng bằng đến miền núi, biển đảo, các vùng biên giới với lòng yêu quê hương đất nước, quý trọng thiên nhiên đã tích lũy nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và đời sống. Đây là lực lượng tuy tuổi đã cao nhưng nếu biết phát huy thì sẽ có những đóng góp lớn trong sự nghiệp bảo tồn, phát triển bền vững ĐDSH Việt Nam. Để phát huy vai trò của NCT trong bảo vệ ĐDSH, cần thực hiện một số giải pháp:

Các cấp chính quyền từ Trung ương tới địa phương cần nhận thức, hành động đúng về vai trò của NCT, đặc biệt tri thức truyền thống bản địa trong bảo tồn ĐDSH để có các chính sách phù hợp, khai thác, sử dụng khoa học

công nghệ bình đẳng, minh bạch trong chia sẻ lợi ích có được từ vốn tri thức của họ.

Các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, các doanh nghiệp cần giúp những NCT đăng ký bản quyền vốn tri thức, giải pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo quyền lợi của NCT.

Có chính sách động viên, khen thưởng kịp thời cá nhân, tập thể hội NCT có ý thức truyền đạt cho thế hệ trẻ, cho cộng đồng về những tri thức bản địa có giá trị trong quản lý, bảo tồn và phát triển.

NCT phải làm gương cho con cháu trong dòng họ, trong cộng đồng về ý thức bảo vệ rừng, chăm sóc cây xanh, cây cổ thụ, cây di sản, bảo vệ động vật, thực vật hoang dã và nuôi trồng.

NCT truyền đạt những tri thức bản địa có lợi trong bảo tồn ĐDSH cho con, cháu, cộng đồng xung quanh, phục vụ cho công tác bảo tồn, phát triển bền vững ĐDSH.

Thế hệ trẻ cần có thái độ tôn trọng, tìm hiểu, ghi chép những tri thức quý báu của NCT trong sản xuất và đời sống để áp dụng■



▲ Người dân Tây Nguyên bảo vệ ĐDSH các khu rừng thiêng, rừng đầu nguồn



Quản trị môi trường trong giai đoạn phát triển mới

TS. LÊ HOÀNG LAN

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế nhưng vẫn chưa thật sự bền vững, chất lượng tăng trưởng còn thấp, tài nguyên thiên nhiên chưa được coi là nguồn lực đặc biệt quan trọng cần khai thác hợp lý và hiệu quả để đảm bảo duy trì giá trị sử dụng cho thế hệ tương lai.

Theo báo cáo Phát triển Việt Nam 2010 về Quản lý tài nguyên thiên nhiên của Nhóm các Đối tác phát triển cho Việt Nam, phần lớn tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay dựa trên khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất gia tăng không kiểm soát; tài nguyên nước ngày càng bị suy giảm cả về số lượng và chất lượng; rừng tự nhiên bị tàn phá để lấy gỗ; trữ lượng cá bị đánh bắt cạn kiệt; tài nguyên khoáng sản ngày càng bị khai thác nhiều hơn. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng chung của nền kinh tế, tăng trưởng dân số, đô thị hóa và công nghiệp hóa dẫn đến sự gia tăng ô nhiễm nước, không khí và suy thoái tài nguyên thiên nhiên. Nếu tình trạng này không thể cân bằng thông qua tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên và áp dụng các tiến bộ công nghệ thì kết quả cuối cùng sẽ là sự gia tăng áp lực đối với phát triển của toàn xã hội, khi các lợi ích tăng trưởng kinh tế không đủ bù đắp tổn thất về sức khỏe con người, suy thoái chất lượng môi trường và suy giảm khả năng sản xuất của hệ sinh thái trong dài hạn.

Mặt khác, cùng với những tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) như nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng, xâm nhập mặn, sự thay đổi



▲ Khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo giá trị sử dụng cho thế hệ tương lai

lượng mưa làm cho hạn hán và lũ lụt trở nên trầm trọng hơn, hay các sự kiện khí hậu cực đoan có thể xảy ra thường xuyên và khắc nghiệt hơn... Bên cạnh đó, ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên bức xúc đã và đang tác động tiêu cực đến nền kinh tế, đòi hỏi phải có những giải pháp khả thi, tìm kiếm những công cụ mới, chuyển đổi mô hình tăng trưởng để có thể biến những thách thức thành cơ hội phát triển bền vững.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang trở thành một trong những xu thế chủ đạo của quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại. Thế giới ngày nay đang sống trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ. Quá trình này thể hiện không chỉ trong lĩnh vực thương mại mà cả trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, tài chính, đầu tư cũng như các

lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường với các hình thức đa dạng và mức độ khác nhau. 5 năm tới là thời kỳ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO; tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như TPP với phạm vi rộng hơn, bao gồm cả các thể chế, pháp lý trong các lĩnh vực môi trường, lao động, doanh nghiệp nhà nước, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ... do đó sẽ hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước.

Tự do hóa thương mại đối với hàng hóa và dịch vụ môi trường sẽ góp phần hỗ trợ Việt Nam với chi phí thấp để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và ứng phó với BĐKH, đồng thời gia tăng các cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội. Tuy nhiên Việt Nam



cũng sẽ đối diện với nguy cơ bị cạnh tranh khốc liệt ngay tại thị trường nội địa, có thể kèm theo nguy cơ gia tăng nguồn tiềm tàng trực tiếp gây thảm họa môi trường...

Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều nhận thấy các chính sách thương mại, TN&MT có vai trò hỗ trợ lẫn nhau, nhằm thúc đẩy phát triển bền vững và góp phần giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và BVMT. Do đó, một quốc gia để đạt được mục tiêu trở thành một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định, bền vững, cần khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực, đặc biệt là nguồn tài nguyên thiên nhiên. Trong xu thế toàn cầu hóa, tự do hóa thương mại, các nước đang phát triển rất quan tâm tới việc loại bỏ khả năng tiếp cận thị trường của các sản phẩm nhập khẩu không tuân thủ các quy trình sản xuất, các sản phẩm không phù hợp với yêu cầu BVMT.

Hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực khai thác sử dụng tài nguyên và BVMT phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa. Tham gia hội nhập, chính sách và pháp luật và khai thác, sử dụng tài nguyên và BVMT của Việt Nam sẽ chịu tác động và ảnh hưởng của pháp luật các nước thành viên khác. Những ràng buộc đó góp phần định hướng cho chính sách điều tiết của Việt Nam ngày càng hài hòa với các quy tắc và tiêu chuẩn được thừa nhận rộng rãi ở các nước khác.

Trong bối cảnh đất nước ngày càng gia nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu, rõ ràng là Việt Nam cần có một chiến lược quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững và hợp lý để đảm bảo nguồn lực phát triển lâu dài.

Chính sách pháp luật về TN&MT cần có những quy định cụ thể đối với các hoạt động kinh tế trong nước nhằm định hướng và thúc đẩy sử dụng tối ưu và bảo vệ nguồn tài nguyên và hỗ trợ hàng hóa trong nước xâm nhập được những thị trường khó tính, vượt qua được các rào cản về môi trường của các quốc gia; đồng thời ngăn cản được những hàng hóa không thân thiện với môi trường xâm nhập từ bên ngoài vào Việt Nam. Cơ chế pháp lý phải thay đổi và điều chỉnh sao cho phù hợp và hài hòa với yêu cầu của các hiệp

định môi trường đa phương của các khối kinh tế mà Việt Nam đã và sẽ tham gia. Bên cạnh đó, cần nỗ lực nghiên cứu kinh nghiệm của các nhà xuất khẩu để tìm hiểu về các rào cản thương mại nảy sinh từ các tiêu chuẩn môi trường của nước ngoài. Việt Nam cần áp dụng triệt để nguyên tắc phát triển bền vững thể hiện ở đường lối và chính sách, pháp luật nói chung và về khai thác sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, BVMT nói riêng.

Việt Nam đã ban hành các văn bản luật và quy định liên quan đến khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên điều quan trọng là cần có các quy định về mối liên kết của các cấp từ quốc gia đến địa phương, đặc biệt là vai trò của cộng đồng nông thôn nơi sinh kế phụ thuộc nhiều vào nguồn tài nguyên thiên nhiên. Sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng trong công tác BVMT cần phải được tăng cường thông qua minh bạch hóa quá trình xây dựng và ban hành chính sách. Cộng đồng sẽ có vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn cạnh tranh thương mại không lành mạnh, thúc đẩy sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

Sản xuất và tiêu thụ không bền vững là nguyên nhân chính làm gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên và BĐKH. Việc thay đổi mẫu hình sản xuất và tiêu dùng là một hành động đảm bảo sự phát triển lâu dài, bền vững và là xu hướng tất yếu của tương lai. Chính sách, pháp luật cũng cần định hướng

và giáo dục người tiêu dùng Việt Nam quan tâm hơn tới vấn đề khai thác, sử dụng tài nguyên BVMT, chuyển dần sang lựa chọn và tiêu thụ những sản phẩm thân thiện với môi trường và tạo điều kiện cho đất nước đi theo con đường phát triển bền vững. Đồng thời, thông qua việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ trên cả hai phương diện là chất lượng hàng hóa và hình ảnh của công tác BVMT có liên quan đến hoạt động sản xuất, cơ chế chính sách “Xanh hóa sản xuất” sẽ góp phần thúc đẩy hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam xâm nhập vào các thị trường nước ngoài, đặc biệt là những thị trường khó tính, nhạy cảm về vấn đề môi trường.

Sau 30 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới sự phát triển vì con người. Những yếu tố đó được thực hiện trong môi trường chính trị ổn định, là cơ hội cho triển khai thực hiện “Tăng trưởng xanh”, trụ cột hướng tới phát triển bền vững.

Nếu biết phát huy lợi thế nguồn vốn tự nhiên, khắc phục được những tồn tại hạn chế của các nước trên thế giới đã gặp phải, Việt Nam không chỉ đạt mục tiêu phát triển bền vững mà còn có thể rút ngắn khoảng cách phát triển, tạo ra thể ổn định về mặt chính trị, góp phần xóa đói giảm nghèo, vừa đạt được hiệu quả kinh tế cao vừa đạt được sự bền vững môi trường cũng như sự công bằng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên■



Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường

ThS. PHẠM THỊ VUI

Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương

ThS. NGUYỄN ĐÌNH VIỆT

Học viện Chính trị Công an nhân dân

Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu (BĐKH) cùng với suy thoái tài nguyên là những thách thức lớn của nhân loại trong thế kỷ 21, làm thay đổi các hệ sinh thái tự nhiên, quá trình phát triển, đe dọa nghiêm trọng đối với an ninh môi trường. Để phòng ngừa, ứng phó với vấn đề trên, các quốc gia đã thảo luận, thống nhất đưa ra những quy định chung làm căn cứ để mỗi nước có nghĩa vụ chấp hành, tuân thủ. Căn cứ vào luật pháp quốc tế và điều kiện thực tế về tự nhiên, kinh tế - xã hội, phong tục tập quán riêng... mỗi nước đã xây dựng, ban hành Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, để các văn bản pháp luật mới ban hành đi vào cuộc sống thì cần phát huy vai trò của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về BVMT.

Trong gần 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, đường lối, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT như Khoản 1 Điều 6, Luật BVMT năm 2014 nêu rõ một trong những hoạt động được khuyến khích là “truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia BVMT, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học” hay “phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT phải được thực hiện thường xuyên và rộng rãi” (Điều 154). Khoản 1 và 2 Điều 155 của Luật quy định cụ thể công tác giáo dục về môi trường, đào tạo nguồn nhân lực: “Chương trình chính khóa của các cấp học phổ thông phải có nội dung giáo dục về môi trường”, “Nhà nước ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực

BVMT; khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục về môi trường và đào tạo nguồn nhân lực BVMT”...

Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước xác định, giải pháp quan trọng để BVMT đó là “đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm BVMT”. Mới đây nhất, tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 về Chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT được Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI thông qua, đã nhấn mạnh nhóm giải pháp chính để BVMT là: “Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với BĐKH, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và BVMT”.

Trong thời gian qua, hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về BVMT đã được các cấp, ngành, địa phương quan tâm và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng về BVMT. Các sự kiện lớn về môi trường như Giờ Trái đất, Ngày Trái đất (22/4), Ngày Môi trường thế giới (5/6); Ngày quốc tế Đa dạng sinh học (22/5), Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn... được phát động ở cả Trung ương và địa phương. Hàng năm, Giải thưởng Môi

trường Việt Nam được tổ chức nhằm khuyến khích các tập thể, cá nhân trong và ngoài nước có nhiều thành tích trong sự nghiệp BVMT. Tại Lễ trao tặng Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2015, 50 tổ chức, cá nhân và cộng đồng có thành tích xuất sắc trong công tác BVMT được lựa chọn và vinh dự đón nhận phần thưởng hay tại Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV, 70 điển hình tiên tiến về BVMT giai đoạn 2011 - 2015 đã được tôn vinh...

Bên cạnh đó, nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng cũng được tổ chức thông qua các tư liệu, tranh ảnh, chiến dịch truyền thông đại chúng, phương tiện truyền thông (báo chí, phát thanh, truyền hình), các cuộc thi sáng tác, viết, vẽ, tìm hiểu pháp luật về môi trường, các cuộc vận động quần chúng tham gia BVMT... Năm 2015, các phong trào, hoạt động có ý nghĩa về BVMT đã được tổ chức, huy động đông đảo nhân dân tham gia như: Cuộc thi Sáng tác ảnh về môi trường; Ngày hội tái chế chất thải hưởng ứng Giờ Trái đất năm 2015; Hội thi tuyên truyền về nước sạch, vệ sinh môi trường và thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở Bắc Giang...

Để trang bị cho cộng đồng những kỹ năng hành động BVMT hiệu quả, nhiều chương trình giáo dục bao gồm cả chính khóa và ngoại khóa đã được triển khai tới các cấp học trong hệ thống



▲ Các hoạt động giáo dục ngoại khóa về môi trường luôn được học sinh tích cực hưởng ứng

giáo dục. Trong đó, những tài liệu, ấn phẩm, sách giáo khoa, sách tham khảo về BVMT đã được biên soạn và phát hành trong cả nước...

Tuy nhiên, hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về BVMT vẫn còn những hạn chế như chưa có sự phối hợp kịp thời và chặt chẽ giữa các cơ quan thông tin, báo chí; Công tác triển khai các hoạt động tuyên truyền pháp luật BVMT chưa thường xuyên; Việc vận động các tầng lớp nhân dân nâng cao kiến thức môi trường qua các chiến dịch chưa thường xuyên, liên tục... Nguyên nhân của tình trạng trên là do ý thức BVMT của cộng đồng dân cư chưa cao; nhận thức về nguy cơ ô nhiễm môi trường và những tác động tiêu cực của tình trạng ô nhiễm môi trường đến đời sống kinh tế - xã hội và sức khỏe người dân của nhiều cấp chính quyền, cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân ở nhiều địa phương chưa đầy đủ; nguồn ngân sách đầu tư cho BVMT chưa đáp ứng được yêu cầu...

Nhằm tiếp tục triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về BVMT cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp:

Tăng cường sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo các cấp, ngành, đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền pháp luật về BVMT. Hàng năm, tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình phối hợp đã ký kết của Bộ TN&MT, Sở TN&MT với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên...).

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về BVMT thông qua các phương tiện thông tin và truyền thông cũng như hoạt động giáo dục pháp luật về môi trường. Xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường trên cơ sở đổi mới tư duy, cách làm, hành vi ứng xử, ý thức trách nhiệm với thiên nhiên, môi trường. Đây là giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội nước ta hiện nay và mang tính chiến lược, lâu dài.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động BVMT, tạo cơ sở pháp lý và cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia. Hình thành các loại hình tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, công nhận, chứng nhận về BVMT; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác. Chú trọng xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước, cam kết về BVMT và các mô hình tự quản về môi trường của cộng đồng dân cư, nhất là ở khu

vực nông thôn. Phát triển các phong trào quần chúng, vận động nhân dân tích cực tham gia BVMT. Phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động BVMT; gắn nội dung BVMT với phong trào Toàn dân tham gia BVMT.

Các cơ quan truyền thông đại chúng phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chuyên mục, chuyên đề, phóng sự về môi trường; đa dạng hóa hình thức và nội dung truyền thông môi trường; đưa tin chính xác, thường xuyên và kịp thời; phát hiện và kiên quyết đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về BVMT.

Có thể nói, giáo dục môi trường là việc làm không thể thiếu để giúp mọi người hiểu biết về môi trường. Vì thế, chỉ có việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục với sự tham gia tích cực của các cấp, ngành, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng là giải pháp quan trọng trong công tác BVMT, góp phần phát triển bền vững đất nước■



Đánh giá tác động của việc chuyển đổi rừng khộp sang trồng cao su tại Đắk Lắk

ThS. NGUYỄN HỮU KHUÊ

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

TS. LÊ TRẦN CHẤN

Trung tâm Đa dạng và An toàn sinh học

Rừng khộp là một kiểu rừng đặc trưng với các cây họ dầu, lá rộng (Dipterocarpaceae), chiếm ưu thế tại Việt Nam và một số nước Đông Nam Á như Lào, Campuchia, Thái Lan và Myanmar. Tại Việt Nam, rừng khộp phân bố chủ yếu ở các tỉnh thuộc Tây Nguyên và Ninh Thuận, Bình Thuận, tập trung ở độ cao từ 300 - 400 m so với mực nước biển.

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2006), diện tích rừng khộp (rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo và rừng phục hồi) của cả nước là 678.513 ha, trong đó, Gia Lai là 282.398 ha, Đắk Lắk (271.417 ha), Bình Thuận (54.637 ha), Đắk Nông (43.726 ha), Lâm Đồng (18.988 ha), Ninh Thuận (4.444 ha) và Kon Tum (2903 ha). Mặc dù, Đắk Lắk xếp thứ hai về diện tích rừng khộp nhưng xét về chất lượng rừng khộp thì Đắk Lắk hơn Gia Lai vì có tới 912 ha được xếp vào loại rừng giàu, trong khi Gia Lai chỉ có 576 ha.

Hiện nay, Việt Nam có duy nhất Vườn quốc gia (VQG) Yok Đôn còn có rừng khộp, với diện tích 102.105 ha, chiếm 88% diện tích VQG. Đây cũng là nơi còn lưu giữ một số diện tích rừng khộp nguyên sinh.

Theo Quy hoạch phát triển cao su đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020, để ổn định diện tích cao su vào khoảng 280.000 ha, Tây Nguyên sẽ phải trồng mới từ 95.000 - 100.000 ha, trong đó riêng Đắk Lắk là 42.530 ha. Điều này dẫn đến việc phải chuyển đổi một số diện tích rừng tự nhiên, chủ yếu là rừng khộp sang trồng cao su. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là phải khẳng định giữa “được” và “mất” khi chuyển đổi từ rừng khộp sang trồng cao su. Câu trả lời chỉ có được khi sử dụng công cụ kinh tế môi trường.

GIÁ TRỊ CỦA RỪNG KHỘP

Để so sánh giữa “được” và “mất” khi chuyển đổi từ rừng khộp sang trồng cao su cần phải xác định giá trị của rừng khộp. Qua nghiên cứu cho thấy, rừng khộp có các giá trị:



▲ Rừng khộp ở VQG Yok Đôn

Giá trị về đa dạng sinh học (ĐDSH): Rừng khộp của VQG Yok Đôn có thể đại diện cho rừng khộp ở Tây Nguyên với các đặc trưng nổi bật. Về hệ thực vật, đã thống kê được 566 loài, 290 chi thuộc 108 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch, trong đó một số loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam như giáng hương, tuế, gỗ cà te, cẩm lai, trắc mật... Hệ thực vật Yok Đôn còn đa dạng về yếu tố địa lý, với 43 loài đặc hữu Yok Đôn và 27 loài đặc hữu Việt Nam. Về hệ động vật của Yok Đôn, chỉ tính riêng động vật có xương sống trên cạn và dưới nước đã thống kê được 489 loài, 115 họ thuộc 39 bộ của 5 lớp: Thú, chim, bò sát, ếch nhái và cá, trong đó 39 loài thú được ghi trong Sách đỏ Thế giới và Sách đỏ Việt Nam (2007), 17 loài chim đang bị đe dọa toàn cầu, 2 loài cá và 9 loài bò sát, ếch nhái có trong Sách đỏ Việt Nam (2007).

Rừng khộp là một kiểu rừng đặc biệt, hàng năm phải trải qua thời gian dài hạn hán, khô kiệt. Về mặt môi trường,

sự tồn tại của rừng khộp góp phần duy trì cân bằng sinh thái nhờ sự phục hồi rất nhanh vào mùa mưa. Những tác động làm suy thoái, hay mất rừng đồng nghĩa với việc thúc đẩy nhanh quá trình sa mạc hóa, hình thành đồng cỏ, là giai đoạn cuối cùng của chuỗi diễn thế thứ sinh rừng nhiệt đới. Hệ sinh thái khộp là nơi cư trú của nhiều loài thú lớn như voi, bò rừng, bò tót, nhiều loài chim quý như công, gà lôi.... Đồng thời, rừng khộp cũng có giá trị về mặt cảnh quan. Dòng sông Sêrêpôk bắt nguồn từ dãy núi Chư - Yang Sin chảy ngược lên phía Bắc với 60 km chảy qua VQG Yok Đôn, qua các bậc thềm đã hình thành thác ghềnh giữa bạt ngàn rừng khộp, tạo nên những cảnh đẹp đặc trưng cho Đắk Lắk.

Hơn nữa, rừng khộp còn đem lại những lợi ích kinh tế - xã hội cho Yok Đôn do có những loài cây gỗ mang lại giá trị kinh tế cao như giáng hương, trắc, gụ, cẩm lai, cà te, sao đen, táu thơm... và nhiều cây thuốc quý khác. Ven các



khu rừng khộp, gần nguồn nước là nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc M'Nông, Êđê... Mất rừng đồng nghĩa với việc mất nguồn nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của người dân. Vì vậy, rừng khộp chính là một trong những yếu tố quan trọng góp phần đảm bảo cuộc sống của người dân, đồng thời, duy trì, bảo tồn văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói chung và Đắc Lắc nói riêng.

Mặt khác, phần lớn diện tích rừng khộp ở Đắc Lắc nằm dọc biên giới Việt Nam - Campuchia. Với điều kiện địa hình tương đối bằng phẳng, rừng thưa là yếu tố thuận lợi cho việc phát hiện kịp thời sự xâm nhập, vượt biên trái phép góp phần đảm bảo an ninh biên giới.

Với những giá trị của rừng khộp trên đây, để có được quyết định đúng đắn, cần thiết phải ứng dụng công cụ kinh tế môi trường để đánh giá tác động tổng hợp việc chuyển đổi đất rừng khộp sang trồng cao su.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC CHUYỂN ĐỔI ĐẤT RỪNG KHỘP SANG TRỒNG CAO SU TẠI ĐẮC LẮC

Để đánh giá tác động môi trường của một dự án phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng thường ứng dụng công cụ phân tích chi phí - lợi ích (CBA). CBA là công cụ kỹ thuật cho phép đưa ra một tính toán định lượng, quy đổi tất cả các chi phí và lợi ích về một đơn vị đo lường thống nhất là giá trị tiền tệ giúp cho người đưa ra quyết định dễ dàng lựa chọn phương án trong quyết định

chính sách công. Để có được kết quả phân tích chi phí - lợi ích đúng cần có dữ liệu chính xác về 2 nhóm đối tượng: Đối tượng bị tác động (rừng khộp và các yếu tố liên quan) và đối tượng thuộc dự án (trồng cao su). Lợi ích của dự án trồng cao su là doanh thu từ việc thu hoạch mủ cao su, tạo việc làm cho người dân còn những cái mất là mất về giá trị ĐDSH, môi trường, cảnh quan, xã hội...

Trong giai đoạn 2009 - 2011, khi giá mủ cao su đạt mức cao, trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc đã xảy ra tình trạng phát triển cao su ồ ạt, vượt quy hoạch, thậm chí trồng cao su trên diện tích đất chuyển đổi từ rừng khộp. Do điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và rừng khộp lại phân bố trên các loại đất xấu, nghèo dinh dưỡng, tầng mỏng, trong khi cao su là cây kén đất, tầng dày, giàu dinh dưỡng nên ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây cao su. Những năm đầu mới trồng, cao su phát triển tốt, nhưng sau 5 - 6 năm, cây kém phát triển, sản lượng mủ thấp.

Hậu quả là việc chuyển đổi không đạt được mục tiêu kinh tế mà rừng thì bị mất.

Ngoài ra, khác với hệ sinh thái rừng ôn đới, phần chính lượng dự trữ dinh dưỡng của hệ sinh thái rừng khộp ở Đắc Lắc nằm trong sinh vật (thực vật và động vật), chỉ một phần rất nhỏ nằm trong thành phần của đất. Lá cây, hoa, quả và các bộ phận khác của cây cùng với động vật, hàng ngày cung cấp cho mặt đất một lượng chất hữu cơ đáng kể. Những chất hữu cơ này bị phân hủy nhanh để giải phóng chất dinh dưỡng và chuyển vào cây rừng trong quá trình sinh trưởng. Nếu không có rừng thường xuyên bồi dưỡng cho đất thì đất sẽ nhanh chóng bị thoái hóa.

Đặc biệt, rừng khộp ở Đắc Lắc phong phú về tài nguyên, đa dạng về sinh học, với nhiều nguồn gen quý hiếm. Việc chuyển đổi rừng khộp sang trồng cao su dẫn đến thay đổi hệ sinh thái tự nhiên đặc thù, suy giảm ĐDSH, làm biến mất nhiều loài thú đặc hữu quý hiếm như heo vòi, bò sát... đồng thời, làm giảm sinh kế và mai một tri thức bản địa.



▲ VQG Yok Đôn có nhiều loài động vật quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Thế giới và Sách đỏ Việt Nam

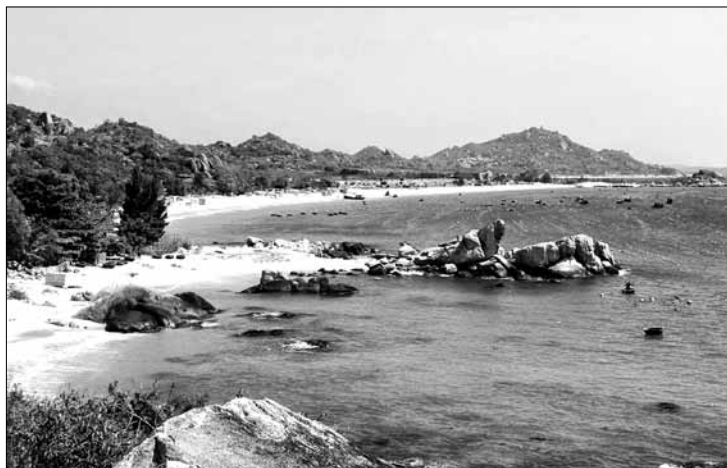


Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam

TS. LÊ VĂN MINH

Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch

Lãnh thổ Việt Nam có 3/4 là địa hình đồi núi và cao nguyên, với hơn 3.200 km đường bờ biển, hàng nghìn hòn đảo... là nơi sinh sống của các cộng đồng dân tộc giàu truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa độc đáo, cũng như các hệ sinh thái (HST) đặc trưng... Đó là những điều kiện thuận lợi để du lịch sinh thái (DLST) phát triển tại Việt Nam.



▲ Vẻ đẹp hoang sơ của vịnh Bái Tử Long (Quảng Ninh)

GIÁ TRỊ TỰ NHIÊN VÀ NHÂN VĂN ĐẶC SẮC

Việt Nam có sự đa dạng sinh học (ĐDSH) cao, với 14.624 loài thực vật thuộc gần 300 họ; về động vật, có 11.217 loài và phân loài... cùng với các HST đặc trưng như HST san hô; HST đất ngập nước, nổi bật là các HST ngập mặn ven biển trải dài dọc bờ biển từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Mũi Nai (Kiên Giang); HST vùng cát ven biển với 60 vạn ha, chủ yếu ở ven biển miền Trung (30% tổng diện tích)...

Ngoài ra, Việt Nam có nền văn hóa giàu bản sắc, với nhiều nghề thủ công truyền thống độc đáo, nhiều lễ hội gắn liền với các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian đặc sắc cùng với nghệ thuật ẩm thực tinh túy và các kiến trúc phong cảnh có giá trị triết học phương Đông, tạo cho du lịch Việt Nam sức hấp dẫn lớn.

TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CHO HOẠT ĐỘNG DLST

Tại Việt Nam, DLST vẫn còn mới cả về khái niệm lẫn tổ chức quản lý và khai thác sử dụng tài nguyên phục vụ cho mục đích du lịch. Trong khi, công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản và quy hoạch phát triển DLST còn hạn chế. Mặc dù, nhiều địa phương, công ty lữ hành đã xây dựng các chương trình, tuyến du lịch mang sắc thái của DLST, nhưng quy mô và hình thức còn đơn điệu, sản phẩm và đối tượng thị trường chưa rõ nên chưa thu hút được khách du lịch. Mặt khác, việc đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ điều hành quản lý, hướng dẫn viên DLST chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

Tuy nhiên, tại một số nơi hoạt động DLST đã hình thành dưới các hình thức khai thác tiềm năng tài nguyên du lịch tự nhiên như du lịch tham quan, nghiên cứu ở một số vườn quốc gia (Cát Bà, Cúc Phương, Ba Bể, Nam Cát Tiên, Tam Nông, U Minh...); du lịch thám hiểm, nghiên cứu vùng núi cao (Fansipan); du lịch tham quan miệt vườn, sông nước đồng bằng sông Cửu Long; du lịch lặn biển (Hạ Long, Cát Bà, Nha Trang); thám hiểm hang động (Phong Nha)... Thị trường khách của loại hình DLST ở Việt Nam còn rất hạn chế. Hàng năm, chỉ có 5 - 8% du khách quốc tế đến Việt Nam tham gia vào các tour DLST tự nhiên và khoảng 40 - 45% du lịch tham quan - sinh thái nhân văn.

Nhận thức được vai trò của DLST đối với sự phát triển của ngành du lịch và bảo vệ tài nguyên, môi trường, từ tháng 9/1999, Tổng cục Du lịch Việt Nam đã phối hợp với Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên thế giới (IUCN) và Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) tổ chức Hội thảo quốc tế về xây dựng

khung chiến lược phát triển DLST làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, cũng như đẩy mạnh hợp tác phát triển DLST của Việt Nam với các nước trong khu vực và quốc tế. Hội thảo đã đưa ra định nghĩa DLST: "DLST là loại hình du lịch dựa vào tự nhiên và văn hóa, có giáo dục môi trường, đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương". Đây là cơ sở quan trọng, tạo tiền đề cho phát triển DLST trong thời gian tới.

Để đẩy mạnh phát triển DLST tại Việt Nam, căn cứ vào sự phân bố của các vùng sinh thái đặc thù với các loài sinh vật đặc hữu, cũng như các điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng..., việc tổ chức không gian cho hoạt động DLST có thể thực hiện theo các hướng sau:

Vùng núi và ven biển Đông Bắc: Ở khu vực này, các giá trị DLST là các HST trên núi đá vôi, đất ngập nước, san hô... Tiêu biểu là Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Sơn, Hữu Liên - Lạng Sơn; VQG Ba Bể - Bắc



▲ VQG Tràm Chim được xem là Đồng Tháp Mười thu nhỏ với HST đặc trưng của vùng đất ngập nước

Kạn; hồ Núi Cốc - Thái Nguyên; VQG Bái Tử Long - Quảng Ninh; VQG Cát Bà - Hải Phòng; HST san hô ở khu vực Hạ Long và Cát Bà... Các loại hình DLST có thể tổ chức là tham quan nghiên cứu các HST đặc thù, du lịch mạo hiểm, du lịch lặn biển.

Vùng núi Tây Bắc - Hoàng Liên Sơn: Không gian hoạt động DLST chủ yếu ở phía Tây của 2 tỉnh Lào Cai và Lai Châu với vùng sinh thái núi cao Sapa - Fansipan có nhiều loài sinh vật ôn đới, trong đó, VQG Hoàng Liên có 38 loài động vật thuộc loài quý hiếm cần được bảo vệ. Các loại hình DLST có thể tổ chức như tham quan nghiên cứu các HST vùng núi cao, du lịch mạo hiểm.

Đồng bằng sông Hồng: Trên phạm vi không gian vùng DLST này có 4 VQG (Ba Vì, Tam Đảo, Xuân Thủy và Cúc Phương). Căn cứ vào đặc điểm sinh thái tự nhiên và điều kiện liên quan, có thể tổ chức hoạt động DLST theo hình thức tham quan nghiên cứu các HST đặc thù, kết hợp với thắng cảnh và du lịch văn hóa.

Bắc Trung bộ: Địa bàn này có tính ĐDSH cao với nhiều VQG (Bến En, Pù Mát, Vũ Quang, Phong Nha - Kẻ Bàng, Bạch Mã) là những khu rừng nguyên sinh rộng lớn. Đây cũng là vùng mới phát hiện 3 loài thú quý hiếm là sao la, mang lớn và voọc Hà Tĩnh. Riêng VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đã được công nhận là Di sản thế giới. Các loại hình DLST có thể tổ chức ở khu vực này là tham quan nghiên cứu các HST, du lịch mạo hiểm, lặn biển...

Nam Trung bộ và Tây Nguyên: Các HST

điển hình của vùng bao gồm HST rừng khộp mà tiêu biểu ở Yok Đôn, HST đất ngập nước ở hồ Lắk, HST vùng núi cao ở Ngọc Linh, Bidoup - Núi Bà, HST san hô ở Nha Trang, HST cát ở Mũi Né... Vùng này tập trung nhiều HST điển hình, có tính ĐDSH cao, là nơi duy nhất ở Việt Nam và Đông Nam Á có đủ 4 loài bò xám, bò sừng xoắn và nhiều loài chim, thú, bò sát, cá, cùng các loài thực vật quý hiếm, đặc hữu. Các loại hình DLST có thể tổ chức: tham quan nghiên cứu các HST, du lịch mạo hiểm, lặn biển.

Đông Nam bộ: Bao gồm khu vực VQG Cát Tiên (Lâm Đồng - Bình Phước - Đồng Nai), VQG Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Khu Dự trữ sinh quyển Cẩn Giời (TP. Hồ Chí Minh)... Tính ĐDSH nơi đây cao với nhiều HST điển hình, đáng chú ý là các HST ở Cát Tiên với loài tê giác Java... Các loại hình DLST chủ yếu có thể tổ chức là tham quan nghiên cứu các HST điển hình, du lịch mạo hiểm...

Đồng bằng sông Cửu Long:

Với 2 HST điển hình là đất ngập nước và rừng ngập mặn, không gian hoạt động DLST tập trung ở các tỉnh dọc sông Mê Kông, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang. Tiêu biểu như rừng ngập mặn Cà Mau; VQG Tràm Chim - Đồng Tháp - nơi bảo tồn loài sếu cổ trụi; các VQG U Minh Thượng, Phú Quốc là những nơi có giá trị đặc biệt cho hoạt động DLST. Ngoài ra, các miệt vườn dọc sông Tiền, sông Hậu... là những điểm DLST hấp dẫn. Tính độc đáo của hoạt động du lịch DLST ở vùng này là du lịch sông nước, miệt vườn.

Để đảm bảo sự phát triển bền vững của du lịch nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung, hoạt động DLST cần được đẩy mạnh trên cơ sở khai thác hợp lý thế mạnh, tiềm năng của tài nguyên du lịch Việt Nam. Muốn vậy, cần phải có sự kết hợp đồng bộ giữa chủ trương đường lối chính sách của Nhà nước, quản lý điều hành của chính quyền và tham gia của cộng đồng dân cư địa phương■



Giá trị sinh thái của các bãi bồi, bãi giữa sông Hồng và đề xuất giải pháp bảo tồn

VƯƠNG TIẾN MẠNH

Phó Giám đốc - Cơ quan CITES Việt Nam

Sông Hồng với tổng chiều dài trên 1.149 km, đoạn qua lãnh thổ Việt Nam dài trên 510 km, có nhiều phụ lưu, với lưu lượng nước bình quân 2.640 m³/s (tại cửa sông) mang lại nguồn phù sa trù phú cho đồng bằng Bắc bộ, trung bình khoảng 100 triệu tấn/năm tức là gần 1,5 kg phù sa/1m³ nước. Sông Hồng góp phần quan trọng trong đời sống sinh hoạt, sản xuất của cư dân hai bên bờ sông.

Tại Hà Nội, sông Hồng đóng vai trò quan trọng trong giao thông đường thủy, cung cấp nước tưới tiêu, nuôi trồng thủy hải sản... Bên cạnh đó, sông Hồng còn cung cấp các giá trị dịch vụ sinh thái, cảnh quan, du lịch, điều hòa khí hậu và hình thành đời sống văn hóa đậm đà bản sắc cư dân ven sông. Các bãi bồi, bãi giữa sông Hồng đoạn qua khu vực Hà Nội còn cung cấp đất để trồng các loại cây nông nghiệp, cây thuốc, cây gia vị và cây lấy gỗ. Ngoài ra, khu vực này còn là sinh cảnh sống của nhiều loài chim sống cố định, các loài bò sát, lưỡng cư, cá và côn trùng. Hiện có khoảng 1.900 hộ dân dọc hai bên bờ sông chịu ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp của hệ sinh thái sông Hồng.

HỆ SINH THÁI ĐA DẠNG, PHONG PHÚ CỦA BÃI BỒI, BÃI GIỮA SÔNG HỒNG

Sông Hồng, đoạn chảy qua khu vực Hà Nội có chiều dài khoảng 120 km, với nhiều bãi bồi, bãi giữa do phù sa bồi đắp cùng với sự biến động của dòng chảy. Các phân tích ảnh vệ tinh cho thấy, tổng diện tích các bãi giữa sông Hồng khoảng 5 km². Qua nhiều năm diễn thế sinh thái tự nhiên, các bãi bồi, bãi giữa tạo thành các sinh cảnh độc đáo và trở thành nơi trú ngụ của nhiều loài động, thực vật hoang dã, đặc biệt là khu hệ chim di trú. Theo nghiên cứu của các chuyên gia thuộc Cơ quan quản lý Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) Việt Nam, trong giai đoạn 2011-2014, các khu vực bãi giữa sông Hồng đoạn chảy qua Hà Nội có 166 loài chim di trú, trong đó có nhiều loài có tên trong Sách đỏ và danh mục các loài động

vật hoang dã được bảo vệ theo quy định pháp luật Việt Nam như cú lợn lưng nâu, diều Ấn Độ, diều mào, cắt lớn, ưng Ấn Độ, ưng lưng đen, đại bàng, bìm bịp, yến cọ, bồng chanh... Từ tháng 3 - 6/2016, các chuyên gia đã thực hiện quan

sát và ghi nhận bổ sung thêm các loài mới, nâng tổng số lên trên 170 loài chim phát hiện được tại các khu vực bãi giữa sông Hồng như: Cò lạo xám, cun cút, le hoi, diệc xám, choi choi khoang cổ, choắt bụng trắng, chìa vôi đầu vàng...



▲ Loài chim diều Ấn Độ tại bãi giữa sông Hồng, ảnh chụp tháng 4/2016

Bên cạnh khu hệ chim di trú, các bãi giữa, bãi bồi sông Hồng còn là nơi cư ngụ của một số loài thú gặm nhấm, bò sát, lưỡng cư, côn trùng và là bãi đẻ của một số loài cá nước ngọt. Trong đó, loài phổ biến là nhông hàng rào, ăng các loại côn trùng và động vật có xương nhỏ, bao gồm cả động vật gặm nhấm và thằn lằn. Do bị săn bắt để ngâm thuốc và chế biến các món ăn nên số lượng ngày càng bị suy giảm và đang có nguy cơ tuyệt chủng.

Ngoài ra, gần đây, loài mèo gấm do người dân phát hiện cũng được ghi nhận là loài mới tại khu vực bãi giữa sông Hồng. Loài mèo gấm thuộc họ mèo, bộ ăn thịt. Chúng có lông mềm màu vàng trắng, điểm nhiều đốm

đen không đều, quanh các đốm đen có viền màu vàng nâu. Bụng và chân của mèo gấm có màu xám trắng, đầu có sọc màu đen, trắng chạy dọc từ đỉnh đầu xuống mũi. Mèo gấm sống ở rừng thứ sinh nghèo, trên các cây bụi hay các bãi cây ven sông, không có nơi ở cố định. Đặc điểm đặc trưng của loài mèo này là vận động nhanh nhẹn, leo trèo và bơi lội. Ban ngày, mèo gấm ngủ ở trong các hốc cây, hang đá, bụi rậm hay trên cây to, ban đêm chúng bắt đầu đi kiếm ăn. Thức ăn chủ yếu của mèo gấm là chuột, sóc, chim, lưỡng cư và các loại côn trùng. Ngoài ra, loài thú này có da, lông đẹp, cho nguyên dược liệu và có giá trị thương mại. Tại Việt Nam, số lượng mèo gấm



thống kê được không còn nhiều, chúng nằm trong nhóm động vật hoang dã quý hiếm cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

Không chỉ phong phú về các loài động vật, khu bãi giữa sông Hồng còn là nơi trồng nhiều cây nông nghiệp như ngô, khoai, sắn, các loại rau màu và một số loài cây thuốc quý có giá trị kinh tế cao, trong đó phổ biến nhất là gừng bằg. Theo Đông y, gừng bằg có vị cay, đắng, tính hàn, có tác dụng trừ phong nhiệt, thanh nhiệt giải độc, thông phổi, làm mọc ban chẩn, tiêu thũng và sát khuẩn.

MỘT SỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HỆ SINH THÁI BÃI BỒI, BÃI GIỮA SÔNG HỒNG

Trong 5 năm trở lại đây, các bãi giữa, bãi bồi ven sông Hồng đang bị tác động mạnh bởi các hoạt động của con người, trong đó có hoạt động khai thác cát, xâm canh nông nghiệp và săn, bắt chim, động vật hoang dã. Do đó, làm xói lở đất dẫn đến mất bãi bồi cũng như góp phần đẩy một số loài chim đến nguy cơ tuyệt chủng; việc săn bắt chim thú, khai thác cát còn làm mất các giá trị sinh học, sinh thái (dịch vụ sinh thái học), ảnh hưởng cảnh quan và cây trồng nông nghiệp.

Tác động của việc phát triển hạ tầng: Trong 10 năm qua, ngoài cầu Thăng Long, Long Biên và Chương Dương, đã có thêm ba cây cầu lớn bắc qua sông Hồng đoạn qua khu vực Hà Nội gồm cầu Nhật Tân, Thanh Trì và Vĩnh Tuy. Các tác động của việc xây dựng các cây cầu này làm ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, hoạt động sinh tồn của các loài chim di trú và làm mất tính nguyên vẹn của sinh cảnh nơi đây.

Hoạt động khai thác cát và vận chuyển đường thủy: 5 năm trở lại đây, hoạt động khai thác, vận chuyển cát tại các bãi giữa sông Hồng, đặc biệt tại các khu vực thuộc xã

Liên Hồng, Liên Hà và một số địa điểm dọc sông Hồng đã tạo thành các điểm xói lở nghiêm trọng. Bên cạnh đó, hoạt động của thuyền bè, đặc biệt là xà lan chở cát, sỏi đã tác động mạnh đến sự biến đổi của các bãi giữa, bãi bồi, làm mất sinh cảnh của các loài động vật, thực vật hoang dã.

Xâm lấn đất nông nghiệp và vấn đề sử dụng hóa chất: Hiện tại, người dân ven sông đang hàng ngày mở rộng diện tích đất canh tác để trồng các loại cây như chuối, ớt, các loại đỗ, cây thuốc, ngô... Việc sử dụng hóa chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu tại khu vực này không những làm mất sinh cảnh của nhiều loài động vật như cú lợn lưng nâu, các loài gặm nhấm, côn trùng mà còn làm nguyên nhân gây chết chim di trú do ăn phải thức ăn nhiễm độc.

Hoạt động săn bắt động vật hoang dã, đặc biệt là các loài chim: Đây là nguyên nhân trực tiếp làm suy giảm quần thể chim di trú. Hoạt động này diễn ra phổ biến vào mùa di cư của các loài chim trong giai đoạn từ tháng 9 - 11 và từ tháng 3 - 6 hàng năm. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, sông Hồng, đoạn qua Hà Nội là một điểm dừng chân quan trọng của chim di trú, chính

vì vậy, hoạt động săn, bắt chim, động vật hoang dã đã tác động mạnh đến việc bảo tồn các loài ở khu vực này. Người dân địa phương đã sử dụng súng, lưới và các loại bẫy để săn, bắt chim khuở, vành khuyên, vẹt, yểng, quạ... nhằm phục vụ thú chơi của người dân. Việc săn, bắt chim thú còn tiềm tàng làm lây lan dịch bệnh từ chim hoang dã sang gia cầm và con người.

Sinh vật ngoại lai: Hai loài thực vật phân bố nhiều nhất trong khu vực là trinh nữ thân gỗ và cây xấu hổ đang tác động đến hệ sinh thái bãi giữa, bãi bồi sông Hồng. Tại các khu ngập nước trên bãi bồi, hoặc khu vực ven bờ phát hiện nhiều cá thể cá dọn bể có kích thước lớn, gây tác động tiêu cực đến các loài thủy sinh bản địa.

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để bảo tồn và sử dụng bền vững các giá trị hệ sinh thái của các bãi giữa, bãi bồi sông Hồng, các chuyên gia thuộc Cơ quan CITES Việt Nam xin đề xuất một số giải pháp:

Cần quy hoạch sử dụng đất đai các khu vực bãi bồi, bãi giữa, ven sông Hồng và giao chính quyền địa phương giám sát việc thực hiện quy hoạch này, nghiêm cấm khai

(Xem tiếp trang 36)



▲ Hiện tượng xói lở tại khu vực xã Liên Hồng, Liên Hà năm 2014



Thực trạng và giải pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng đất ngập nước ven biển tỉnh Phú Yên

NGUYỄN MINH HẠNH

Học viện Nông nghiệp

Vùng đất ngập nước ven biển của tỉnh Phú Yên có diện tích 504,2 ha, phân bố trên 3 thủy vực là đầm Cù Mông (226 ha), vịnh Xuân Đài (95,7 ha) và đầm Ô Loan (182,5 ha). Đây là vùng có ý nghĩa quan trọng đối với sinh kế của nhân dân địa phương, cung cấp ngư trường và mặt nước cho hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy hải sản. Đặc biệt, diện tích rừng ngập mặn ven đầm, vịnh còn góp phần điều hòa khí hậu, BVMT và đa dạng sinh học. Tuy nhiên, những năm gần đây, vùng đất ngập nước ven biển của Phú Yên đang chịu nhiều tác động từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội cũng như thiên tai, làm suy thoái sinh cảnh và tài nguyên thủy sinh, gây ô nhiễm môi trường...

Theo báo cáo của Chi cục Bảo vệ nguồn lợi (BVNL) thủy sản Phú Yên, với ưu thế và những tiềm năng về điều kiện tự nhiên và tài nguyên vùng ven bờ, hệ thực, động vật nơi đây đa dạng, phong phú bao gồm 263 loài tảo phù du, 9 loài cỏ biển, 35 loài thực vật ngập mặn, 90 loài động vật phù du, 14 loài động vật thân mềm, 224 loài cá. Trong đó, có nhiều loài quý hiếm, giá trị kinh tế cao như sò huyết, hàu cửa sông, điệp seo, ngao đầu... nên vùng đất ngập nước là nguồn lợi thủy sản quan trọng của cư dân sinh sống ven đầm, vịnh.

Ngoài ra, Phú Yên đã phát triển vùng nuôi thủy sản lớn với diện tích gần 3.000 ha mặt nước và thả hơn 27.000 lồng nuôi thủy, hải sản. Mỗi năm, vùng cho sản lượng trên dưới 9.000 tấn, trong đó có từ 600 - 650 tấn tôm hùm và 7.800 tấn tôm sú, tôm thẻ chân trắng. Tuy nhiên, do việc nuôi



▲ Một số hộ dân chở cát, xây dựng nhà trái phép trên đầm Ô Loan làm hủy hoại môi trường, cảnh quan

trồng thủy sản tự phát, chưa được quản lý chặt chẽ nên dẫn đến tình trạng các loài thủy, hải sản chết hàng loạt, làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân nơi đây.

Gần đây, sự phát triển các loài tảo trong đầm Ô Loan là dấu hiệu cho thấy môi trường nước trong đầm, vịnh đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, hàm lượng ô xi thấp, tạo điều kiện cho các loài có hại phát triển, ảnh hưởng đến các loài sinh vật thủy sinh tự nhiên. Trong nhiều năm qua, vùng đất ngập nước này không chỉ là “vùng trọng điểm” của nghề khai thác bằng các ngư cụ mang tính hủy diệt, mà còn là nơi đang bị ô nhiễm do hậu quả của nghề nuôi tôm sú và người dân sống quanh đầm đã biến đầm thành nơi chứa chất thải. Trước đây, bình quân hàng năm người dân quanh đầm Ô Loan khai thác được 200 tấn tôm, 150 tấn cá, 20 tấn cua, hàng trăm tấn rau câu và các loài nhuyễn thể như hàu, điệp, sò huyết... Tuy nhiên,

hiện nguồn lợi tự nhiên này còn rất ít. Đáng chú ý, diện tích rừng ngập mặn ven đầm Ô Loan và vịnh Xuân Đài không còn do dân lấn chiếm làm hồ nuôi trồng thủy sản, làm mất dần các vùng sinh cư quan trọng của các loài thủy sinh tự nhiên.

Để khắc phục hiện tượng suy thoái, duy trì và phát triển bền vững vùng đất ngập nước ven biển Phú Yên, Chi cục BVNL thủy sản Phú Yên đã đề ra một số giải pháp, cụ thể:

Về cơ chế, chính sách: Cần quy hoạch hiện trạng sử dụng đất khu vực nuôi tôm và khu vực sinh sống của một bộ phận dân cư, khu vực gắn liền với sinh kế của người dân. Trong đó, chú trọng quy hoạch phát triển các vùng đệm ven đầm...

Giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội trong đầm, vịnh: Phát triển các nguồn sinh kế thay thế cho cộng đồng vốn sống dựa vào nguồn lợi tự nhiên; Khuyến khích cộng đồng địa phương chuyển sang các sinh kế ít gây hại, đồng thời bảo



vệ các loài thủy, hải sản quan trọng như cá hoặc tôm, nghêu, sò huyết và các sinh vật sinh sống trong đầm, vịnh. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, xây dựng và áp dụng các mô hình khai thác, nuôi trồng thủy sản bền vững, thân thiện với môi trường. Hiện tại, các thôn, xã ven đầm Ô Loan, vịnh Xuân Đài đã thành lập các tổ quản lý hoặc ban quản lý đầm, vịnh. Đây là mô hình quản lý dựa vào cộng đồng nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao, vẫn còn tình trạng lén lút đánh bắt thủy sản có tính hủy diệt. Vì vậy, nên thiết lập lại địa giới ngư trường theo từng xã và đặt dưới ban quản lý của mỗi xã; quy định thời điểm khai thác đối với từng loại thủy sản theo mùa vụ hàng năm, bảo đảm cho việc tái tạo nguồn lợi thủy sản trong đầm, vịnh.

Ngoài ra, cần xây dựng các khu bảo tồn hệ sinh thái đặc thù như cỏ biển, rạn san hô, rừng ngập mặn góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Việc trồng rừng ngập mặn sẽ tạo môi trường cho các loài sinh vật thủy sinh phát triển. Các loài cây ngập mặn phù hợp với khu vực này là đước xanh, đước đôi, vẹt dù, bần... Mặt khác, bảo vệ diện tích cỏ biển, rạn san hô ven đầm Ô Loan, Cù Mông, vịnh Xuân Đài hiện có để gia tăng nguồn lợi thủy sản.

Tăng cường kiểm soát và ngăn chặn các nguồn thải: Ô nhiễm nguồn nước không chỉ do hoạt động nuôi trồng thủy sản quá mức mà còn do sinh hoạt của cộng đồng dân cư ven đầm, vịnh gây ra. Do vậy, việc quan trắc thường xuyên chất lượng nước và sinh vật phù du là cần thiết, kèm theo đó là các biện pháp quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản và quản lý chất thải rắn, nước thải, điều kiện vệ sinh tại khu dân cư ven đầm, không xả chất thải độc hại xuống đầm, vịnh.

Đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết và hình thành ý thức BVMT, sử dụng, khai thác hợp lý tài nguyên trong đầm, vịnh. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven đầm về biến đổi khí hậu và các kỹ năng thích nghi, sống chung với biến đổi khí hậu. Vận động ngư dân không khai thác thủy sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thuộc danh mục cấm khai thác...■

Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm...

(Tiếp theo trang 11)

Trong khi đó, hoạt động thanh tra chuyên ngành còn bị ràng buộc bởi nhiều thủ tục hành chính theo quy định của Luật Thanh tra và chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời (phải có Quyết định thanh, kiểm tra; phải thông báo trước; chỉ làm việc trong giờ hành chính...) làm hạn chế việc phát hiện và xử lý các VPHC, đặc biệt là đối với hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường. Hoạt động thanh, kiểm tra, kiểm soát các DN, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ còn chông chéo giữa Bộ TN&MT với các Bộ, ngành liên quan và lực lượng cảnh sát môi trường các cấp; giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương... làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của DN. Mặt khác, lực lượng thanh tra chuyên ngành môi trường từ Trung ương đến địa phương còn yếu và thiếu. Mỗi Sở TN&MT có từ 5 - 6 công chức/thanh tra viên cho 6 hoặc 7 lĩnh vực chuyên ngành, trong khi số lượng đối tượng phải thanh tra rất lớn.

Mặc dù, thẩm quyền kiểm tra được quy định cho tất cả các cơ quan quản lý nhà nước, tuy nhiên, hiện chưa có hướng dẫn về trình tự, thủ tục, thời hạn kiểm tra dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất, chông chéo trong hoạt động. Việc thay đổi cơ cấu, tổ chức thanh tra nhanh gây lúng túng và ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra chuyên

ngành, trong đó có lĩnh vực môi trường.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT có hiệu quả, thống nhất và nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật, Tổng cục Môi trường xin đề xuất một số nội dung:

Chính phủ sớm ban hành Nghị định hướng dẫn hoạt động thanh tra, kiểm tra DN thay thế cho Nghị định số 61/1998/NĐ-CP của Chính phủ, để giảm bớt chông chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giảm phiền hà cho các DN.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 07/2012/NĐ-CP theo hướng bổ sung các cơ quan có chức năng thanh tra chuyên ngành phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực, trong đó, cần thiết phải bổ sung chức năng thanh tra chuyên ngành cho Chi cục BVMT thuộc Sở TN&MT.

Thanh tra Chính phủ sớm ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn kiểm tra để tạo hành lang pháp lý, hiệu quả và thống nhất cho hoạt động kiểm tra, phát huy sức mạnh công cụ hỗ trợ đắc lực để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực■



Hiệu quả xử lý nước thải bằng công nghệ vi sinh

ThS. NGUYỄN THANH NGÂN

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Công nghệ XMBR (Bể lọc sinh học bằng màng tiên tiến) là công nghệ xử lý vi sinh nước thải bằng phương pháp lọc màng và dựa trên nguyên lý cơ bản của công nghệ MBR nhưng khắc phục được những hạn chế của công nghệ MBR (Bể lọc sinh học bằng màng). Công nghệ được nghiên cứu và phát triển bởi các nhà khoa học Trung Quốc và đã ứng dụng thành công cho 500 dự án xử lý nước thải (XLNT) trong nhiều lĩnh vực tại một số quốc gia như Trung Quốc, Nga, Đức.

MBR là công nghệ tiên tiến kết hợp cả phương pháp sinh học và lý học (kỹ thuật tách sinh khối bằng màng lọc MF/UF với kích thước lỗ màng dao động từ 0,1-0,4 μ m), được ứng dụng thành công trên thế giới trong lĩnh vực XLNT từ những năm 1980. Tại Việt Nam, công nghệ MBR được ứng dụng trong XLNT sinh hoạt, bệnh viện, khách sạn, nhà cao tầng, nước thải khu công nghiệp, điển hình là Trạm XLNT của bệnh viện Chợ Rẫy (TP. Hồ Chí Minh) và Trạm XLNT của Khu công nghiệp Bắc Thăng Long (TP. Hà Nội).

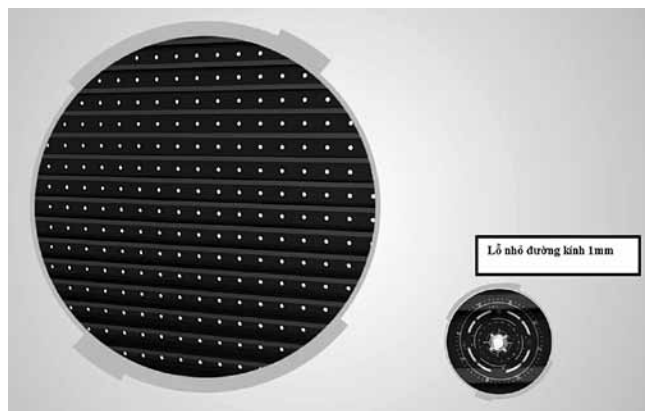
Theo công nghệ MBR, vi sinh vật, chất ô nhiễm, bùn bị giữ lại tại bề mặt màng, đồng thời, chỉ có nước sạch qua được màng và được bơm hút ra ngoài, phần bùn nằm lại trong bể và định kỳ tháo về bể chứa bùn. Vì kích thước lỗ màng MBR rất nhỏ (0,1 ~ 0,4 μ m) nên bùn sinh học sẽ được giữ lại trong bể, mật độ vi sinh cao và hiệu suất xử lý tăng. Do đó, nước sạch sẽ bơm hút sang bể chứa và thoát ra ngoài mà không cần qua bể lắng, lọc và khử trùng. Ưu điểm nổi bật của công nghệ MBR là không phụ thuộc vào khả năng lắng của bùn và hàm lượng bùn cao; xử lý tải lượng ô nhiễm lớn, kích thước công trình xử lý sinh học nhỏ; nước sau xử lý có khả năng tái sử dụng... Tuy nhiên, công nghệ MBR cần kinh phí đầu tư lớn, màng lọc phải nhập ngoại; dễ tắc màng do người vận hành không có

kinh nghiệm và nước thải có độ cứng cao. Vì thế, các nhà khoa học đã nghiên cứu công nghệ XMBR để khắc phục những hạn chế trên.

Bản chất của công nghệ XMBR là hoạt động với áp suất màng thấp khi đặt modul XMBR chìm dưới nước. Modul XMBR là màng lọc có áp suất thấp nhất so với các modul MBR hiện nay trên thế giới. Cấu trúc dòng chảy bên trong một tấm màng XMBR gồm: Tấm phim ưa nước chất liệu nhựa teflon (PTFE) hoặc PVDF có nhiều "lỗ chân lông" đường kính 0,4 μ m; 200 đường ống chạy song song đặt phía trong mỗi tấm phim, mỗi đường ống có chiều rộng 5 mm bên trong tấm phim và ống. Dọc trên 2 bên thành các đường ống có rất nhiều lỗ nhỏ đường kính 1mm để phân phối nước.



▲ Tấm phim ưa nước chất liệu PTFE hoặc PVDF có vô số "lỗ chân lông" đường kính 0,4 μ m



▲ Các lỗ nhỏ đường kính 1mm để phân phối nước

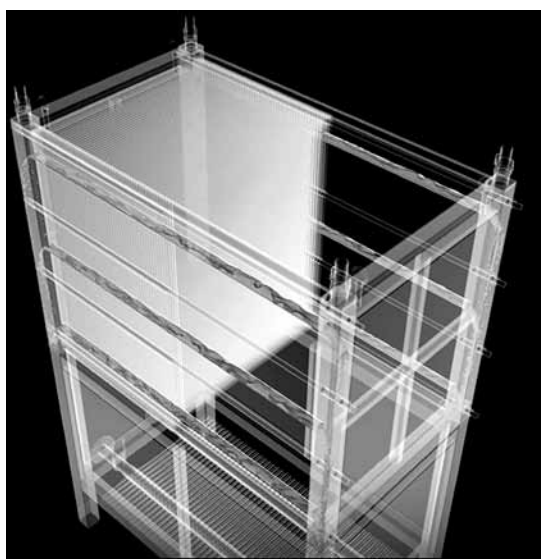
Khi modul hoạt động, nước thẩm thấu qua tấm phim và qua các lỗ phân phối nước để chảy vào các đường ống từ đó đổ ra 2 kênh nước ở dọc 2 bên sườn. Mỗi kênh có 3 cổng để thoát nước đã lọc với đường kính 25 mm. Các cổng thoát nước nối với nhau tạo thành

6 đường dẫn nước sạch ở 2 bên và cuối cùng nước sạch đổ ra 4 ống thoát nước có đường kính 50 mm ở 4 góc. Cấu trúc đường dẫn dòng chảy đặc biệt của modul

XMBR giúp nước thẩm thấu qua màng nhanh, giảm sức cản tới mức thấp nhất và giữ áp suất qua màng khi modul hoạt động ở mức dẫn thấp.



▲ Các tấm màng XMBR xếp liên tiếp nhau tạo thành cấu trúc của 1 modul XMBR



▲ Modul XMBR hoàn chỉnh với mô phỏng đường nước màu xanh

Đối với các loại màng tấm phẳng đang sử dụng hiện nay chỉ có 1-2 cổng để thoát nước đã được lọc sạch. Đường kính của cổng thoát bị

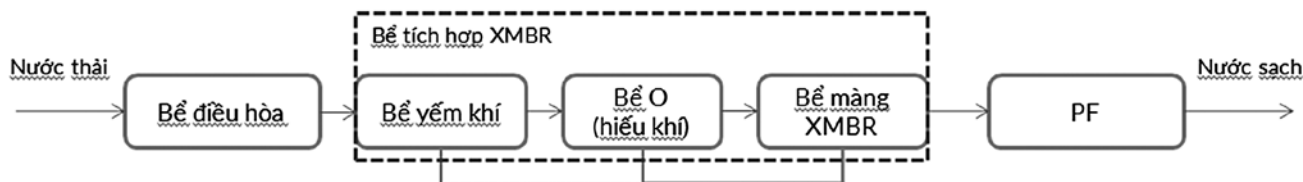
giới hạn bởi độ dày của khung bản. Khu vực càng xa cổng thoát thì lượng nước thấm thấu càng giảm, khu vực xa cổng thoát nhất có thể không có nước được lọc qua màng do dòng nước thấm thấu phân bố không đều, tắc màng thường xuyên xảy ra ở khu vực xung quanh cổng thoát nước. Tại đây màng lọc hoạt động trên mức dòng chảy tới hạn. Đối với màng sợi rỗng, tắc màng xảy ra đầu tiên ở nơi chân sợi kết nối với đường ống nước. Còn đối với màng tấm phẳng, tắc màng xảy ra ở thời điểm gần cổng thoát.

Sau đó hoạt động thẩm thấu liên tục sẽ làm cho khu vực tắc nghẽn lan rộng và hiệu quả lọc sẽ giảm. Để đảm bảo dòng chảy liên tục thì phải tăng lượng nước thấm thấu ở các khu vực khác để bù đắp lại, vì vậy có những hiện tượng tấm màng hoạt động trên mức dòng chảy tới hạn và phân phối dòng chảy không đều trở nên nghiêm trọng hơn, tắc nghẽn sẽ diễn ra với tốc độ nhanh hơn, kết quả là tấm màng không thể hoạt động.

Với thiết kế sáng tạo, XMBR giúp dòng chảy mở rộng dần dần, giảm việc tổn

thất xuống mức thấp và hoạt động với áp lực màng lọc thấp hơn. Nhờ giải quyết được nhược điểm nêu trên của màng lọc MBR truyền thống, XMBR ít gây tình trạng tắc màng giúp cho hoạt động lọc ổn định. Trong khi đó dòng nước thấm thấu qua màng đều nhau ở các khu vực, giá trị thông lượng trung bình có thể được đẩy cao hơn hoặc cường độ sục khí có thể đưa xuống thấp hơn. Do đó, công nghệ XMBR được ứng dụng cho các dự án với công suất xả thải khác nhau từ 20 m³/ngày đêm trở lên và áp dụng cho các lĩnh vực, ngành nghề như môi trường, nông nghiệp, công nghiệp...

Đặc biệt, công nghệ này đã được ứng dụng để XLNT dệt nhuộm tại Công ty Hangzhou Zhongqiang Print & Dye Co. Ltd (Hàng Châu, Trung Quốc), công suất xả thải 3.000 m³/ngày, diện tích bề mặt XMBR lắp đặt 120 m² (cần khoảng 40 modul XMBR200), tổng diện tích lắp đặt toàn hệ thống là 843 m², chi phí vận hành tương đương 11.823 đồng/m³ nước thải, tái sử dụng 80% nước thải sau xử lý.



▲ Sơ đồ công nghệ modul XMBR ứng dụng để XLNT dệt nhuộm

Như vậy, công nghệ XMBR có thể kết hợp hiệu quả với các công nghệ khác như kỵ khí, hiếu khí, SBR hay AB và kết hợp được các ưu điểm của màng sợi rỗng và màng tấm phẳng; không cần bơm hút, có thiết kế phân phối dòng chảy đã được cấp bằng sáng chế; tiết kiệm chi phí điện năng trong khi vận hành và có thể

kéo dài tuổi thọ của màng vi sinh. Đồng thời, XMBR tiết kiệm diện tích, mật độ vi sinh tăng gấp 3-4 lần, thời gian lưu nước chỉ cần 4 giờ và giảm chi phí vận hành của hệ thống XLNT. Đây là công

nghệ hiệu quả cho những doanh nghiệp đang tìm giải pháp thay thế công nghệ hóa lý và muốn ứng dụng công nghệ màng, công nghệ sinh học trong XLNT nhằm tái sử dụng nguồn nước■



Giá trị sinh thái của các bãi bồi...

(Tiếp theo trang 31)

hoang tự do; Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác cát, sỏi tại khu vực, đặc biệt tại các khu vực xung yếu;

Bên cạnh đó, ban hành quy định nghiêm cấm săn bắt chim, thú tại các khu vực trên, kiểm soát việc sử dụng súng săn, các loại bẫy; Tăng cường năng lực cho các cơ quan thực thi pháp luật và nâng cao kỹ năng nhận dạng mẫu vật các loài chim và động vật; Điều tra, phát hiện các thủ đoạn buôn bán các loài ở khu vực này;

Cần xây dựng các chiến dịch nâng cao nhận thức và giảm nhu cầu tiêu thụ các loài chim và động vật của khu vực bãi giữa sông Hồng; đồng thời, đẩy mạnh các nghiên cứu khoa học về sinh học, sinh thái, quần thể, xu hướng biến động của loài chim và động vật tại khu vực;

Ngoài ra, tuyên truyền đến người dân không săn bắt, giết hại động vật hoang dã; Nghiêm cấm người dân sống hai bên bờ sông Hồng thả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại như rùa tai đỏ, cá dọn bể, cá hỏa tiễn xuống sông.

Giao các cơ quan chuyên ngành như Kiểm lâm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học làm luận chứng thiết lập Khu bảo vệ cảnh quan bãi bồi, bãi giữa sông Hồng theo quy định của Luật Đa dạng sinh học 2008, Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004■

CÔNG TY CP PHÂN LÂN NINH BÌNH:

Sản xuất kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường

Năm 2003, Công ty CP Phân lân Ninh Bình (Niferco) là 1 trong 8 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trước tình hình đó, Công ty đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và năm 2006, Công ty đã được xác nhận hoàn thành việc xử lý ô nhiễm triệt để theo quy định. Từ đó đến nay, vấn đề BVMT luôn được Công ty quan tâm và ưu tiên thực hiện.

Công ty CP Phân lân Ninh Bình tiền thân là Nhà máy Phân lân Ninh Bình, được thành lập năm 1977. Công ty có 2 dòng sản phẩm chính là phân lân nung chảy (FMP), với công suất 300.000 tấn/năm, phân NPK có công suất 150.000 tấn/năm, được tiêu thụ trên 50 tỉnh, TP trong nước và xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaixia, Ôxtrâylia, Lào, Campuchia...

NỖ LỰC XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Trước đây, Công ty CP Phân lân Ninh Bình hoạt động với dây chuyền sản xuất không đồng bộ, công nghệ thiết bị máy móc lạc hậu, tiêu hao năng lượng lớn... làm phát sinh các chất thải, nước thải ra môi trường, gây bức xúc cho cộng đồng dân cư trong khu vực. Vì thế, Công ty CP Phân lân Ninh Bình đã bị đưa vào Danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và phải có biện pháp xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường.

Với quyết tâm phải sớm ra khỏi Danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Công ty đã thực hiện đồng bộ

nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Theo Phó Giám đốc Công ty Phạm Hồng Sơn, xác định BVMT cùng với phát triển sản xuất là nhiệm vụ then chốt của đơn vị, nếu làm tốt công tác BVMT sẽ mang lại lợi ích cho chính doanh nghiệp, đồng thời giữ vững được thương hiệu. Với phương châm đó, Công ty đã lập Đề án BVMT chi tiết được Bộ TN&MT phê duyệt năm 2013. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung của Đề án và được Tổng cục Môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình BVMT năm 2015. Để đảm bảo các tiêu chí về môi trường, Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Đồng thời, từng bước hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, nghiên cứu áp dụng khoa học công nghệ nhằm giảm tiêu hao vật tư năng lượng, hạn chế tác động đến môi trường. Cụ thể, để xử lý khí thải, tại lò cao, Công ty đã cải tạo hệ thống lọc bụi bằng cyclon để tách bụi ra khỏi không khí. Trong 2 năm 2013 - 2014, Công ty đầu tư hàng chục tỷ đồng xây lò đốt khí CO, sử dụng 3 lò đốt khí CO/1 lò cao thay cho 2 lò /1 lò cao để tận thu nhiệt trong quá trình đốt, giảm mức tiêu hao than và đầu tư hơn 3 tỷ đồng để lắp đặt 4 hệ thống lọc



▲ Khuôn viên Công ty CP Phân lân Ninh Bình

bụi túi, rũ bụi tự động nhằm thu lắng, lọc thu hồi bụi phân lân nung chảy trong quá trình sấy, nghiền, đóng bao. Ngoài ra, để xử lý khí thải, bụi phát sinh trong quá trình sản xuất, Công ty còn lắp đặt thiết bị chụp hút khí đỉnh lò, cửa ra liệu lò cao, hệ thống quạt hút, lắng lọc bụi và bố trí các thảm cây xanh trong mặt bằng sản xuất, xung quanh khuôn viên Công ty. Về nước thải, từ năm 2010, Công ty đã cải tạo hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải bằng sữa vôi, sau đó lắng lọc, đạt tiêu chuẩn mới thải ra sông Yên. Chất lượng nước thải qua kiểm tra, đánh giá của các cơ quan quản lý môi trường hàng năm đều bảo đảm các chỉ tiêu theo QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 14: 2008/BTNMT về nước thải công nghiệp. Hiện tại, Công ty đang chuẩn bị đầu tư mở rộng hệ thống bể lắng nước thải. Đối với chất thải rắn, bao gồm bột quặng vụn, phế liệu thu hồi từ các công đoạn sản xuất, cặn rắn thu hồi từ các bể lắng thu rửa bụi được Công ty tái chế 100% làm nguyên liệu cho sản xuất; các chất thải nguy hại được thu gom và hợp đồng với một đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định. Hàng ngày, Công ty luôn có cán bộ kiểm tra, giám sát vệ sinh môi trường, đảm bảo phát hiện kịp thời và xử lý triệt để các nguy cơ ô nhiễm môi trường.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Những năm gần đây, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn do giá nguyên, nhiên liệu tăng cao, nhu cầu sử dụng phân bón giảm, thời tiết hạn hán kéo dài, trong khi sự cạnh tranh trên thị trường phân bón ngày càng gay gắt...

Tuy nhiên, với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả khả quan, doanh thu của Công ty hàng năm trên 550 tỷ đồng.

Trao đổi với phóng viên, Phó Giám đốc Công ty Phạm Hồng Sơn cho biết, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, nhưng Công ty vẫn cố gắng tập trung nguồn lực thực hiện chiến lược phát triển bền vững theo hướng tăng trưởng sản xuất gắn với BVMT, trách nhiệm xã hội. Để đảm bảo không xảy ra sự cố môi trường, Công ty thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định BVMT tới cán bộ, công nhân và yêu cầu mọi công nhân thực hiện nghiêm túc quy định về vệ sinh lao động và BVMT. Công ty có quy chế xử phạt nghiêm khắc đối với cán bộ, người lao động không chấp hành quy định về BVMT, an toàn lao động và lồng ghép các quy chế này vào công tác thi đua khen thưởng trong toàn đơn vị.

Đặc biệt, Công ty có chính sách khen thưởng cho các ý tưởng, sáng kiến về tiết kiệm

năng lượng, cải thiện môi trường để ứng dụng vào thực tế sản xuất, kinh doanh của đơn vị. Với mỗi ý tưởng, Công ty thưởng 500.000 đồng/1 ý tưởng, những sáng kiến được Hội đồng khoa học của Công ty xét duyệt và công nhận đều được trích thưởng từ 30 - 40% giá trị làm lợi của sáng kiến. Với chế độ ưu đãi đó, phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được cán bộ, công nhân của Công ty nhiệt tình hưởng ứng. Mỗi năm, Công ty có hàng chục sáng kiến được áp dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, mang lại lợi ích thiết thực với giá trị hàng tỷ đồng. Không chỉ chú trọng vào công tác BVMT, Công ty còn quan tâm đến hoạt động an sinh xã hội, tham gia các chương trình cộng đồng, hỗ trợ tài chính, nguồn lực cho địa phương như ủng hộ đồng bào nghèo gặp khó khăn, thiên tai, bão lụt, nạn nhân bị chất độc da cam; xây dựng nhà tình nghĩa, phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng...

Với những nỗ lực không ngừng trong công tác BVMT, an sinh xã hội, trong nhiều năm qua, Công ty CP Phân lân Ninh Bình đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức trao tặng các danh hiệu, giải thưởng cao quý như: Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Lao động hạng Ba; Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt; Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao; Thương hiệu xanh bền vững... Những thành quả đó chính là minh chứng cho sự quyết tâm thực hiện chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, đem đến các sản phẩm phân bón có chất lượng, thân thiện với môi trường cho bà con nông dân.

G. HƯƠNG



Tăng cường vai trò của doanh nghiệp trong phát triển công nghiệp môi trường

TS. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Trường Đại học Luật Hà Nội

Theo khảo sát của Hiệp hội công nghiệp môi trường (CNMT) Việt Nam, trong 493 doanh nghiệp (DN) hoạt động trong ngành CNMT, tỷ lệ các DN thực hiện cung cấp dịch vụ xử lý chất thải, vệ sinh môi trường chiếm 43%; trong đó DN nhà nước chiếm 7%, DN cổ phần chiếm 24%, DN tư nhân chiếm 67%, còn lại 2% là các DN khác. Nhìn chung, các DN hoạt động trong ngành CNMT có nhiều thuận lợi như nhu cầu thị trường cao, chất lượng nguồn nhân lực dồi dào, tuy nhiên chất lượng của dịch vụ mà các DN mang lại chưa cao, một số công trình chưa đạt hiệu quả. Để hình thành và phát triển các DN trong ngành CNMT đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ môi trường, góp phần BVMT, đồng thời, tăng tỷ lệ đóng góp của các DN môi trường cho nền kinh tế, Nhà nước cần ban hành những cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng cho các DN phát triển.

VAI TRÒ CỦA DN TRONG PHÁT TRIỂN CNMT

Trong những năm qua, tăng trưởng kinh tế vẫn phát triển theo chiều rộng, tạo điều kiện để các DN sản xuất, kinh doanh phát triển nhanh chóng. Do đó, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ do khối DN tạo ra ngày càng phong phú, đa dạng về chủng loại, chất lượng hàng hóa, dịch vụ được nâng lên, đáp ứng cơ bản nhu cầu tiêu dùng của toàn xã hội.

Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng cũng là nguyên nhân gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường. Để giải quyết tình trạng này, trong thời gian qua, Nhà nước đã ban hành Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó xác định nghĩa vụ của các DN trong BVMT. Đây là một trong những tiền đề quan trọng để phát triển ngành CNMT.

Trước đây, lĩnh vực thu gom, vận chuyển và chôn lấp rác sinh hoạt được thực hiện chủ yếu bởi các DN nhà nước, tuy nhiên hiện nay



▲ Sản xuất phân compost từ chất thải tại Công ty CP Xử lý chất thải Việt Nam (VWS)

các DN này đang trong quá trình cổ phần hóa. Các mô hình công ty cổ phần dịch vụ vệ sinh môi trường đang phát triển rộng khắp ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Nha Trang... Bên cạnh đó là các mô hình công ty tư nhân như Công ty Huy Hoàng ở Lạng Sơn, Công ty Nam Thành ở Phan Rang, Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Hiệp Hòa (Bắc Giang), Ngô Mây (Bình Định)... Đây là những mô hình hiệu quả và đang được nhân rộng.

Thu gom, kinh doanh và tái chế phế liệu là một nghề đã có từ lâu đời ở Việt Nam và đang được nhìn nhận như một hoạt động kinh tế có hiệu quả và có ý nghĩa môi trường. Bên cạnh các loại

hình DN tái chế chất thải, có hàng trăm làng nghề thủ công hoạt động trong lĩnh vực tái chế phế liệu. Tuy nhiên cần tổ chức hoạt động kinh doanh phế liệu và kiểm soát các tác động xấu về môi trường.

Những năm gần đây, sự tham gia của DN trong sản xuất sạch hơn đã làm xuất hiện nhiều mô hình BVMT. Tiêu biểu là Công ty giấy Xuân Đức, Công ty giấy Linh Xuân, Công ty dệt Phước Long, cơ sở dệt nhuộm Thuận Thiên, Công ty thực phẩm Thiên Hương, Nhà máy Visan, Công ty Nestlé, Công ty Chanshin...

Tuy nhiên, những hoạt động trên mang tính "sáng kiến địa phương". Do đó cần



phải xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch tổng thể mang tầm quốc gia, khu vực, cấp địa phương trong thời gian tới. Trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, kế hoạch tổng thể mang tầm quốc gia, khu vực, cấp địa phương, các DN mới mạnh dạn đầu tư phát triển trong lĩnh vực CNMT.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA DN TRONG PHÁT TRIỂN CNMT

Nhà nước cần bảo đảm hoạt động tham vấn DN khi xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến CNMT; Bảo đảm sự bình đẳng giữa các loại hình DN; Tạo cơ chế thuận lợi trong chuyển giao khoa học CNMT; Có cơ chế ưu đãi tài chính (giảm thuế, phí, vay vốn với lãi suất ưu đãi), đất đai... đối với DN sản xuất phục vụ hoạt động BVMT, sản xuất chế phẩm, nhập khẩu thiết bị, dây chuyền CNMT.

Đồng thời, Nhà nước cũng cần có những chính sách ưu đãi phù hợp đối với các DN sử dụng các sản phẩm, dịch vụ CNMT và áp dụng các biện pháp BVMT nhằm đẩy mạnh việc hình thành và phát triển thị trường CNMT.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, các DN nâng cao tính tự lực trong phát triển sản xuất kinh doanh thông qua cải tiến, tiếp nhận những công nghệ hiện đại, chủ động tiếp cận với khoa học và công nghệ tiên tiến; tạo dựng môi trường kinh doanh, thị trường sản phẩm, khai thác các hoạt động liên kết khoa học và công nghệ; tạo sự gắn kết trong mối quan hệ giữa Nhà nước - nhà khoa học - DN. Đồng thời, cần xác định BVMT là trách nhiệm xã hội của DN; phối hợp với các cơ sở đào tạo nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ cho hoạt động sản xuất của DN■

Triển khai Cơ chế tín chỉ chung và cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam

ThS. TRƯƠNG VIỆT TRƯỜNG

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương

Ngày 2/7/2013, Việt Nam và Nhật Bản đã ký Bản ghi nhớ hợp tác về Tăng trưởng cácbon thấp và xây dựng cơ chế tín chỉ chung (JCM). JCM là cơ chế bù trừ phát thải cácbon song phương được Nhật Bản xây dựng, đề xuất triển khai nhằm khắc phục những hạn chế của Cơ chế phát triển sạch CDM, thúc đẩy đầu tư, chuyển giao công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, cơ sở hạ tầng phát thải cácbon thấp trong các lĩnh vực khác nhau tại Việt Nam. Đây là cơ hội cho các đơn vị, doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp và năng lượng, đổi mới, lựa chọn công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ Nhật Bản cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI CƠ CHẾ JCM TẠI VIỆT NAM

Để triển khai thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1292/QĐ-TTg ngày 1/8/2014 phê duyệt Kế hoạch hành động phát triển ngành công nghiệp môi trường và tiết kiệm năng lượng thực hiện Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam và Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, giao Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện cơ chế JCM Việt Nam và Nhật Bản; Bộ Công Thương làm đầu mối đơn đốc, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch hành động; tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Ban Chỉ đạo; định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Kế hoạch hành động, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Quyết định số 1292/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính

phủ, tháng 4/2015, Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 17/2015/TT-BTNMT quy định việc xây dựng và thực hiện dự án theo JCM trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam và Nhật Bản. Theo Thông tư, dự án JCM là dự án được xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với chiến lược, quy hoạch trong các lĩnh vực liên quan của Bộ, ngành, địa phương và góp phần đảm bảo phát triển bền vững của Việt Nam. Các lĩnh vực được thực hiện dự án JCM bao gồm: Sản xuất năng lượng, chuyển tải năng lượng, tiêu thụ năng lượng, nông nghiệp, xử lý chất thải, trồng rừng và tái trồng rừng, công nghiệp hóa chất, công nghiệp chế tạo, giao thông, xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất kim loại... Ngoài ra, Thông tư cũng quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Hỗn hợp Việt Nam - Nhật Bản về thực hiện JCM (UBHH), đây là cơ quan phê duyệt dự án JCM. UBHH có nhiệm vụ chỉ đạo, điều phối và quản lý các hoạt động thực hiện JCM theo Bản ghi nhớ hợp tác giữa Việt Nam và Nhật Bản.



▲ Lễ nghiệm thu và bàn giao thiết bị Dự án Thúc đẩy xây dựng bệnh viện xanh cho Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (Hà Nội)

HIỆU QUẢ CỦA MỘT SỐ DỰ ÁN THÍ ĐIỂM THEO JCM

Tính đến cuối năm 2015, đã có hơn 60 dự án trình diễn, thí điểm và nghiên cứu khả thi được thực hiện trong các lĩnh vực năng lượng, xử lý chất thải, BVMT, giao thông... Trong lĩnh vực năng lượng, các dự án trình diễn cơ chế JCM tập trung vào công nghệ tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trong ngành công nghiệp thép, vận hành tàu thủy, sử dụng điều hòa biến tần tại bệnh viện công, khách sạn; phát triển các dự án năng lượng tái tạo như điện gió, điện sinh khối, thủy điện nhỏ. Trong lĩnh vực xử lý chất thải/BVMT, các dự án JCM bao gồm dự án phân hủy yếm khí chất thải hữu cơ tại các chợ; dự án thu hồi, sử dụng biogas từ xử lý hỗn hợp chất thải và cặn bùn. Trong lĩnh vực giao thông là dự án lái xe sinh thái thông qua sử dụng bộ đo tốc độ điện tử.

Trong đó, Dự án Thúc đẩy xây dựng bệnh viện xanh (BVX) là một trong những dự án được triển khai theo JCM thành công, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và môi trường tại Việt Nam. Đây là Dự án thuộc lĩnh vực năng lượng được thực hiện từ năm 2014 - 2016, do Bộ Công Thương là cơ quan chủ quản, với sự hỗ trợ của Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI). Theo đó, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (Hà Nội) và Bệnh viện Nhân dân 115 (TP. Hồ Chí Minh) được lựa chọn để tham gia thí điểm.

Thông qua Dự án, Tập đoàn Mitsubishi (Nhật Bản) đã cung cấp cho Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức 526 máy điều hòa inverter, 4 tủ hệ thống quản lý năng lượng, 6 bộ thông gió tận dụng nhiệt thải và 6 bộ quạt đảo gió. Tổng vốn đầu tư trên 8,3 tỷ

đồng, trong đó Tổ chức Phát triển Công nghệ, Công nghiệp và Năng lượng mới (NEDO) tài trợ 63%. Tương tự, Bệnh viện Nhân dân 115 được hỗ trợ thay mới gần 500 máy điều hòa không khí hiệu suất cao có lắp biến tần, 2 tủ hệ thống quản lý năng lượng và 10 bộ thông gió tận dụng nhiệt thải.

Theo tính toán của Trung tâm Tiết kiệm năng lượng TP. Hồ Chí Minh và Tập đoàn Mitsubishi, Dự án sẽ giúp Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức tiết kiệm đến 830.000 kWh điện (tương đương 1,23 tỷ đồng), giảm phát thải 518 tấn CO₂/năm; Bệnh viện Nhân dân 115 tiết kiệm 498.715 kWh, tương đương 740 triệu đồng, giảm phát thải 310 tấn CO₂/năm. Qua đó, có thể thấy việc xây dựng mô hình BVX không chỉ giúp tiết kiệm năng lượng, đem lại lợi ích kinh tế cho bệnh viện, mà còn góp phần vào việc thực hiện cam kết của Việt Nam về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Để nhân rộng mô hình BVX, 44 bệnh viện khác trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục được xây dựng và triển khai trong thời gian tới.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT THúc ĐẨY CƠ CHẾ JCM

Mặc dù, việc triển khai cơ chế JCM vẫn còn mới tại Việt Nam nhưng đã đem lại những hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường. Với JCM, các cơ quan quản lý của Việt Nam có thêm một cơ chế tài chính - công nghệ hiệu quả để hỗ trợ doanh nghiệp và góp phần đạt được các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển cacbon thấp. Vì thế, cần thúc đẩy cơ chế JCM tại Việt Nam và nhân rộng mô hình dự án JCM trong thời gian tới.

Để thúc đẩy cơ chế JCM, đầu tiên cần phải nâng cao nhận thức của các bên liên quan như cơ quan quản lý, doanh nghiệp, tổ chức tư vấn... thông qua các chương trình hội thảo, hội nghị, diễn đàn cung cấp thông tin về cơ chế JCM. Đồng thời, phổ biến các kết quả của những dự án trình diễn, thí điểm JCM tại Việt Nam; thành lập tổ chuyên gia tư vấn kỹ thuật về cơ chế JCM, đặc biệt, phối hợp với các cơ quan của Nhật Bản hoàn thiện quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa, làm rõ cơ chế trao đổi tín chỉ giảm phát thải trong khuôn khổ Dự án.

Mặt khác, các tổ chức tư vấn cũng cần nhận thức rõ và cập nhật những thông tin về cơ chế JCM, các quy trình thủ tục và thông tin liên quan đến doanh nghiệp Nhật Bản để tư vấn cho doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp cũng cần chủ động nắm bắt thông tin và cơ hội mới, để mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp thông qua các cơ chế cacbon mới■



Công ty CP Xi măng Bim Sơn tích cực đổi mới công nghệ thân thiện môi trường

Là một doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, đặc thù thành phẩm xi măng, clinke... trong quá trình sản xuất phát sinh ra bụi, khí thải, ảnh hưởng tới môi trường, vì vậy, Công ty xác định chiến lược sản xuất chính là phát triển bền vững, sản xuất xanh, thân thiện môi trường, hướng tới mục tiêu "Sản xuất sạch hơn". Do đó, Công ty là luôn kết hợp đầu tư phát triển, áp dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại với việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa trong sản xuất, thực hành tiết kiệm để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm; quan tâm cải tạo và giữ gìn môi trường.

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của Bộ Công Thương, trong những năm qua Công ty CP Xi măng Bim Sơn đã tập trung nghiên cứu nhiều giải pháp quản lý, công nghệ nhằm giảm tiêu hao năng lượng nhiệt và điện trong các dây chuyền sản xuất xi măng theo hướng thân thiện với môi trường.

Công ty CP Xi măng Bim Sơn có ba dây chuyền sản xuất: dây chuyền I được Liên Xô giúp đỡ xây dựng từ năm 1982 theo công nghệ ướt, đến nay đã lạc hậu, tiêu hao nhiệt, điện năng lớn, ảnh hưởng đến môi trường nên đã từng bước được đầu tư cải tạo, thay thế và dừng hoạt động từ năm 2010 (sắp tới Công ty đang có phương án dỡ bỏ). Dây chuyền II được xây dựng cùng thời kỳ với dây chuyền I và được cải tạo, hiện đại hóa (vào năm 2003) từ công nghệ ướt sang công nghệ khô, công suất 1,2 triệu tấn. Năm 2003, tiếp tục đầu tư xây dựng dây chuyền mới theo phương pháp khô, công nghệ tiên tiến, công suất 2 triệu tấn/năm. Để giảm thiểu tác động tiếng ồn và bụi, Công ty CP Xi măng Bim Sơn đã áp dụng nhiều biện pháp quyết liệt nhằm BVMT.

ĐỐI VỚI CÁC GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH

Những năm qua Công ty luôn chú trọng đầu tư cải tạo và thay thế thiết bị công nghệ mới hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và ít gây ảnh hưởng đến môi trường. Lắp đặt và bảo dưỡng, thay thế định kỳ các thiết bị lọc bụi tĩnh điện, cyclon, lọc bụi túi ở tất cả các vị



▲ Công ty CP Xi măng Bim Sơn tăng cường trồng mới, chăm sóc cây xanh tạo cảnh quan môi trường

trí; trang bị thêm hệ thống cân bằng định lượng và các lọc bụi đi kèm cho các máy nghiền xi măng, cải tạo hệ thống lọc bụi cho các máy đóng bao.

Trang bị các thiết bị, dụng cụ, xe chuyên dụng thu gom xử lý chất thải, xe phun nước... và biên chế một đội ngũ chuyên trách công tác môi trường. Dọc các tuyến đường vận chuyển, khu vực kho bãi (những nơi có phát tán bụi) được phun nước chống bụi; vật liệu rơi vãi được công nhân thu gom quét dọn thường xuyên; các phương tiện vận chuyển đảm bảo chở đúng trọng tải cho phép, được che chắn phủ bạt kín hàng khi lưu thông và thực hiện đúng quy trình kỹ thuật bốc rót, vận chuyển hàng xuống phương tiện theo quy định; máy móc thiết bị, phương tiện được bảo dưỡng định kỳ (giảm phát thải khí độc do thiết bị hoạt động gây ra). Hệ thống công trình mương, rãnh dẫn nước thải các loại và trạm xử lý nước thải tập trung được tăng cường bảo trì, nạo vét đảm bảo luôn hoạt động bình thường.

CÁC GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH

Song song với các giải pháp trên, Công ty còn tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức cho toàn thể người lao động về công tác BVMT. Trang bị và có biện pháp buộc người lao động sử dụng đầy đủ các phương tiện phòng hộ cá nhân, đặc biệt là sử dụng nút tai chống ồn, khẩu trang chống bụi ở những nơi có độ ồn, độ rung cao. Duy trì và triển khai các hoạt động về vệ sinh công nghiệp trên mọi khu vực sản xuất, lưu thông và tăng cường trồng mới, chăm sóc cây xanh tạo cảnh quan, bóng mát, hạn chế phát tán bụi ra môi trường. Thực hiện tốt chương trình 5S, phát động vệ sinh môi trường tất cả các đơn vị vào chiều thứ 6 hàng tuần, thực hiện 5S xuống các bộ phận của đơn vị, xây dựng hoàn thiện bộ tiêu chuẩn môi trường ISO 14001:2015, được cấp chứng chỉ và duy trì hiệu quả, xây dựng bộ tiêu chuẩn về sức khỏe OHSAS 18001:2007.



▲ Đầu tư dây chuyền công nghệ mới thân thiện với môi trường

Là ngành rất dễ tác động đến môi trường, nên nhiều năm qua, Công ty CP Xi măng Bim Sơn đã chú trọng và không ngừng quan tâm đến công tác BVMT, từ việc đầu tư đổi mới công nghệ đến tăng cường xây dựng và thực hiện nhiều biện pháp BVMT, hướng sản xuất đến thân thiện hơn.

Do đặc thù sản xuất của ngành xi măng, Xi măng Bim Sơn tiếp tục cập nhật và đầu tư những công nghệ và thiết bị mới nhất phục vụ công tác BVMT, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và nhân dân; kiên quyết xử lý ngay những biểu hiện vi phạm về môi trường; có kế hoạch chi tiết cho việc duy tu, sửa chữa phòng ngừa những thiết bị, điểm phát tán bụi, tiếng ồn; cộng tác tích cực với các đoàn kiểm tra về môi trường để cùng xử lý những phát sinh nếu có. Đồng thời có biện pháp tích cực, thường xuyên hơn để giảm phát tán bụi tại khu vực đóng bao, xuất hàng và khu nguyên liệu...

Ngoài ra, Công ty còn “chú trọng tự tổ chức kiểm tra” việc thực hiện các quy định, quy trình về ATLĐ, vệ sinh lao động tại nơi làm việc, kiểm soát chặt chẽ về mang trang phục cá nhân để tạo thói quen, áp dụng các chế tài xử lý vi phạm lồng vào kết quả thi đua khen thưởng, đánh giá KPI hàng tháng.

Nhờ những chiến lược đúng đắn trong sản xuất kinh doanh cùng với sự đầu tư chiều sâu dây chuyền công nghệ, sản phẩm xi măng Bim Sơn đã, đang và sẽ luôn đồng hành cùng với các công trình trọng điểm của đất nước, với nhu cầu của thị trường, khẳng định một thương hiệu hàng đầu của ngành xi măng trong thời kỳ đổi mới.

PHẠM THANH TUẤN

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của phụ nữ Thủ đô trong công tác bảo vệ môi trường

LÊ THANH THỦY

Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội

Những năm qua, Sở TN&MT Hà Nội luôn chú trọng phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) các cấp trên địa bàn thành phố (TP) trong công tác BVMT. Với nhiều mô hình, cách làm hay, các cấp Hội phụ nữ đã có những đóng góp quan trọng trong việc tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, chung tay xây dựng Thủ đô văn minh - hiện đại, phát triển bền vững.

Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của phụ nữ trong công tác BVMT, những năm qua, Sở TN&MT đã phối hợp với Hội LHPN tổ chức thành công Chương trình “Ngày Chủ nhật không túi nilông”; triển khai nhiều hội thi “Phụ nữ tham gia BVMT”, “Đoạn đường phụ nữ tự quản”, hưởng ứng mạnh mẽ các sự kiện môi trường lớn như Giờ Trái đất, Ngày Môi trường thế giới... Đồng thời, tuyên truyền vận động nhân dân ký cam kết và thực hiện đổ rác đúng giờ, đúng nơi quy định; duy trì nếp nếp tổng vệ sinh vào sáng thứ 7 hàng tuần, hoặc các ngày lễ lớn; tăng cường BVMT nước và hạn

chế sử dụng túi nilông; xây dựng và áp dụng mô hình “trồng rau an toàn”, “phân loại rác tại nguồn”, “đoạn đường nở hoa”... Những hoạt động trên đã khẳng định vai trò của phụ nữ Thủ đô trong công tác tuyên truyền, thay đổi nhận thức, hành vi, tạo sức lan tỏa về BVMT trong cộng đồng dân cư.

Theo bà Ngô Thị Hồng Khánh - Phó Chi cục trưởng Chi cục BVMT Hà Nội, nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở TN&MT và Hội LHPN các cấp, các chương trình, hoạt động BVMT đã phát huy hiệu quả, tạo hiệu ứng sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường.



▲ Các sản phẩm tái chế từ vật dụng gia đình của hội viên Hội LHPN Hà Nội

Nhiều mô hình, sáng kiến trong BVMT đã ra đời và được áp dụng rộng rãi như mô hình “Sống xanh” thông qua việc rác thải hữu cơ được ủ với chế phẩm tạo thành phân hữu cơ, bón cho cây trồng được thí điểm thành công tại một số hộ gia đình phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy; mô hình “gấp và sử dụng túi giấy, hạn chế sử dụng túi nilông” của Hội LHPN quận Hoàn Kiếm... Bên cạnh đó, nhiều phong trào được phát động và hưởng ứng mạnh mẽ tại các quận, huyện trên địa bàn TP như “Vì môi trường trong sạch, phụ nữ và nhân dân Thủ đô không đổ rác, phế thải ra đường và nơi công cộng”, với các chương trình “Ngày xanh - Phố Xanh”, “5 không, 3 sạch”, “điểm xử lý, thu gom rác thải”, “đạp xe vì môi trường”... thu hút đông đảo cán bộ, hội viên phụ nữ, người dân và thanh niên tham gia. Với những hình thức hoạt động phong phú, các cấp Hội phụ nữ trong toàn TP đã góp phần quan trọng vào công tác BVMT, tạo khích lệ và truyền cảm hứng cho nhân dân thực hiện nếp sống văn minh đô thị.

Là một trong những quận có đội ngũ hội viên phụ nữ tham gia đông đảo, tích cực vào BVMT, Hội LHPN quận Cầu Giấy đã triển khai nhiều hoạt động, nhằm phát huy vai trò nòng cốt

của phụ nữ trong BVMT, xem đây là một nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động của Hội và mỗi hội viên phụ nữ. Hội đã chủ động xây dựng các văn bản kế hoạch để hướng dẫn cấp hội cơ sở triển khai thực hiện hiệu quả, phát huy tính sáng tạo, tự giác của hội viên với nhiều hình thức như tổ chức các buổi tọa đàm, tập huấn nhằm cung cấp các kiến thức, văn bản quy chế BVMT... cho tuyên truyền viên, cộng tác viên của cơ sở. Bên cạnh đó, Hội còn triển khai tuyên truyền trên diện rộng thông qua các chương trình giao lưu, hội thi - hội diễn, duy trì, phát triển các mô hình BVMT hiệu quả tại cộng đồng như “phụ nữ với sản phẩm tiết kiệm thân thiện môi trường từ giấy loại”, “sử dụng đồ tái chế trồng cây xanh”. Từ những hoạt động đó đã góp phần làm chuyển biến nhận thức, nâng cao ý thức BVMT của cộng đồng dân cư, diện mạo khu dân cư được xanh, sạch, đẹp hơn.

Bên cạnh Hội LHPN quận Cầu Giấy còn nhiều mô hình BVMT hay của Hội LHPN các quận, huyện khác trên địa bàn TP đã có đóng góp quan trọng vào nỗ lực BVMT của Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung, trong đó có nhiều mô hình, cách làm hay về BVMT, tái chế, tái sử dụng vật dụng gia đình, tiết kiệm tài nguyên. Tại Hội thảo Tuyên truyền tái chế và tái sử dụng vật dụng, giảm thiểu rác thải trong các hộ gia đình, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, BVMT do Sở TN&MT Hà Nội phối hợp với Hội LHPN Hà Nội tổ chức mới đây, Hội LHPN các quận, huyện của TP. Hà Nội đã giới thiệu, chia sẻ một số sáng kiến về tái chế, tái sử dụng rác thải. Tiêu biểu như mô hình “gấp và sử dụng túi giấy, hạn chế sử dụng túi nilông” của Hội LHPN quận Hoàn Kiếm; “phân loại, ủ rác làm phân hữu cơ” của Hội LHPN huyện Quốc Oai. Thông qua Hội thảo, các cán bộ hội viên Hội phụ nữ đã có thêm những thông tin bổ ích về cách thức phân loại rác thải, thu gom và tái chế, tái sử dụng vật dụng gia đình. Từ đó, tuyên truyền tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và những người xung quanh về ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, BVMT.

Có thể nói, sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở TN&MT Hà Nội với Hội LHPN Hà Nội trong công tác BVMT thời gian qua đã mang lại những kết quả tích cực, góp phần đưa Thủ đô Hà Nội phát triển bền vững, ngày càng hiện đại, văn minh hơn■



TRUNG TÂM CỨU HỘ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ HÀ NỘI:

Đẩy mạnh công tác cứu hộ, bảo tồn, nhân nuôi sinh sản các loài động vật hoang dã

Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã (ĐVHD) Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập từ năm 1996 tại Quyết định 2031/QĐ-UBND ngày 13/6/1996 và được tổ chức lại tại Quyết định 4018/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 của UBND TP. Hà Nội. Đây là đơn vị đầu tiên và duy nhất trên cả nước được Nhà nước thành lập thực hiện chức năng cứu hộ, bảo tồn, nhân nuôi sinh sản, tổ chức nghiên cứu khoa học, phục vụ thăm quan, học tập; quan hệ trong nước và quốc tế trong việc nghiên cứu, bảo tồn, trao đổi, cung cấp ĐVHD các thể hệ sau (F2).

Trải qua quá trình 20 năm hình thành và phát triển, Trung tâm luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Trung tâm đã tổ chức cứu hộ và thả về môi trường tự nhiên hàng nghìn cá thể ĐVHD, trong đó có nhiều loài ĐVHD nguy cấp, quý hiếm thuộc nhóm IB, IIB của Nghị định số 32/2006/NĐ-CP; Phụ lục 1 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP; Phụ lục 1, Phụ lục 2 của Công ước CITES, có nguy cơ tuyệt chủng cao. Mỗi năm, Trung tâm tiếp nhận, cứu hộ khoảng 50 vụ, với trên 1.000 cá thể và 290 kg rắn các loại, đồng thời tổ chức tiêu hủy động vật trong quá trình bắt giữ đã bị nhiễm bệnh hoặc có nguồn gốc từ nước ngoài để tránh lây lan dịch bệnh. Sau khi cứu hộ ĐVHD, Trung tâm đã trình cấp thẩm quyền tổ chức thả về môi trường tự nhiên như VQG Cát Tiên (Đồng Nai), VQG Ba Bể (Bắc Cạn), VQG Cát Bà (TP. Hải Phòng), VQG Xuân Sơn (Phú Thọ), VQG Xuân Thủy (Nam Định), VQG Bù Gia Mập (Bình Phước)... và chuyển giao cho các vườn thú, trung tâm bảo tồn, cơ quan khoa học phục vụ nghiên cứu, tham quan, học tập giáo dục cộng đồng trong lĩnh vực bảo vệ các loài ĐVHD.

Trong công tác bảo tồn, nuôi sinh sản ĐVHD, Trung tâm đã đạt được những thành công bước đầu. Trung tâm đã chủ động phối hợp với Vườn thú Hà Nội; Thảo cầm viên Sài Gòn... để trao đổi kinh nghiệm, đồng thời tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực nhân nuôi sinh sản ĐVHD. Sau một thời gian ghép đôi, cho giao phối, đến ngày 10/5/2010, 3 cá thể hổ đầu tiên được sinh sản



▲ Tổ chức thả động vật hoang dã về môi trường thiên nhiên

thành công tại Trung tâm, đánh dấu một bước chuyển mình, đột phá trong công tác nhân nuôi sinh sản ĐVHD nói chung và loài hổ nói riêng. Từ năm 2010 đến năm 2013, Trung tâm đã nhân nuôi sinh sản thành công được 19 cá thể hổ; 1 cá thể vượn đen má trắng; 10 cá thể khỉ đuôi dài. Sau hơn 5 năm thực hiện, Trung tâm đã nhân nuôi sinh sản thành công 76 cá thể ĐVHD các loại. Đến nay, các cá thể được sinh sản tại Trung tâm sinh trưởng và phát triển tốt. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, số lượng ĐVHD cứu hộ, bảo tồn ngày một tăng, trong khi diện tích chuồng trại chưa được mở rộng, vì vậy, Trung tâm đã chủ động trong việc giảm tỷ lệ sinh sản của ĐVHD bằng các biện pháp tách riêng các cá thể đực, cái; đặt que tránh thai; triệt sản một số cá thể không đủ điều kiện gây nuôi sinh sản...

Để nâng cao chất lượng cứu hộ, bảo tồn các loài ĐVHD, Trung tâm đã chủ động hợp tác với các tổ chức,

cá nhân trong nước và quốc tế thông qua việc ký kết các biên bản thỏa thuận hợp tác. Trung tâm đã hợp tác với các tổ chức như VQG Cúc Phương; Trung tâm cứu hộ Gấu Việt Nam thuộc Tổ chức động vật châu Á (AAF); Trung tâm cứu hộ ĐVHD nước Việt (FB Việt) thuộc Tổ chức quốc tế phi lợi nhuận FOUR PAWS... nhằm trao đổi kinh nghiệm và hỗ trợ tài chính cho Trung tâm thực hiện tốt công tác cứu hộ và bảo tồn ĐVHD.

Với những thành tích đã đạt được, Trung tâm đã nhiều lần được nhận Cờ thi đua, Bằng khen của T.Ư và TP. Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập, tập thể Trung tâm vinh dự được đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về những thành tích đạt được trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loài ĐVHD, thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

N. HẰNG



Bảo tồn và sử dụng bền vững rừng cây pơ mu di sản tại Quảng Nam

Rừng cây pơ mu nguyên sinh nằm trên đỉnh núi Zi'liêng, có tổng diện tích khoảng 450 ha (thuộc địa bàn 2 xã A Xan và Tr'hy, huyện Tây Giang, Quảng Nam), được người dân tộc Cơ Tu phát hiện, bảo vệ và gìn giữ từ nhiều đời nay. Khu rừng có 1.200 cây pơ mu, trong đó có 725 cây có tuổi thọ trên 1.000 năm tuổi được công nhận là Cây di sản Việt Nam. Đây được xem là khu rừng nguyên sinh có quần thể cây pơ mu nhiều nhất tại Việt Nam.

Pơ mu là một chi trong họ cây hoàng đàn, sinh sống chủ yếu ở độ cao gần 1.500 m so với mực nước biển. Trung bình, cây pơ mu cao từ 30 - 50 m, thân thẳng đứng, vỏ màu ánh nâu xám, lá hình vẩy, có 2 dạng: Lá dinh dưỡng và lá sinh sản. Lá dinh dưỡng có hai bên xòe rộng hình mũi mác, lá sinh sản nhỏ dạng vẩy gần như xếp lớp, mọc đối xứng từng đôi, lá vẩy giữa có đầu mũi lõ, lá vẩy hai bên đầu mũi tù hoặc nhọn. Mặt trên lá có màu xanh lục, mặt dưới có phần trắng bạc. Pơ mu ra hoa vào tháng 3-4. Hoa có nón đực mọc ở nách lá, hình trứng hay hình bầu dục dài 1 cm, nón cái mọc ở đầu cành, ngắn. Quả chín vào giữa tháng 11 đến đầu tháng 12 và tách ra làm nhiều vẩy quả. Khi quả chín màu vỏ quả chuyển từ màu xanh vàng sang màu nâu sẫm, chứa các hạt dài khoảng 4 mm. Tại Việt Nam, pơ mu là một loại gỗ quý do mùi thơm đặc trưng, vân gỗ đẹp và không bị mối mọt phá hoại. Vì thế, gỗ pơ mu được dùng để làm các đồ mỹ thuật, gia dụng. Hiện nay, pơ mu được xếp vào loài nguy cấp và nằm trong Sách đỏ Việt Nam năm 1996.

Với phương châm "gắn việc bảo vệ rừng với văn hóa làng, văn hóa giữ rừng", chính quyền huyện Tây Giang, lực lượng kiểm lâm, biên phòng đã phối hợp với nhân dân để gìn giữ rừng pơ mu nguyên sinh. Ngoài các chốt trực của lực lượng kiểm lâm trên địa bàn, huyện Tây Giang còn huy động lực lượng dân quân, người có uy tín của đồng bào bản địa cùng tham gia bảo vệ, tránh để rừng cây pơ mu bị xâm hại.

Đặc biệt, trước tình trạng lâm tặc liên tục chặt rừng trái phép, chính quyền huyện phải lập thêm tổ bảo vệ rừng gồm 30 người là những thanh niên, già làng đồng bào dân tộc Cơ Tu có uy tín thay phiên nhau tuần tra, canh giữ rừng. Mỗi cây pơ mu được đánh số, gắn chíp định vị để theo dõi, bảo vệ nghiêm ngặt.

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cũng vận động Hội Nông dân, Phụ nữ địa phương tham gia bảo vệ rừng, đưa tiêu chí bảo vệ rừng pơ mu như một trong những chương trình hành động, bình xét danh hiệu thi đua trong năm. Mặt khác, các hộ dân được



▲ Rừng cây pơ mu cổ thụ được chính quyền địa phương và đồng bào Cơ Tu quyết tâm gìn giữ, bảo vệ

giao khoán quản lý, bảo vệ, chăm sóc rừng, với sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

Để bảo tồn và phát huy giá trị du lịch sinh thái khu rừng nguyên sinh pơ mu, năm 2016, huyện Tây Giang đã tổ chức chương trình khởi động năm du lịch Tây Giang, với chủ đề "Tiếng gọi đại ngàn". Tại đây, du khách được trải nghiệm thực tế tại rừng cây pơ mu, tham gia lễ hội với các nghi thức truyền thống của người Cơ Tu như lễ hiến trâu, múa tâng tung - da dá, nói lý - hát lý... Đây là lần đầu tiên huyện tổ chức phát động năm du lịch nhằm quảng bá, kêu gọi đầu tư, phát triển du lịch sinh thái tại địa phương, vinh danh những giá trị độc đáo về cảnh quan môi trường sinh thái, góp phần nâng cao trách nhiệm BVMT, thiên nhiên, bảo tồn và phát huy giá trị hệ sinh thái rừng pơ mu.

Cùng với đó, các hoạt động tại lễ hội cũng góp phần giáo dục cho thế hệ trẻ, cộng đồng về truyền thống giữ rừng của đồng bào Cơ Tu. Theo truyền thống của người Cơ Tu, những cây to trong rừng, là chỗ trú ngụ của thần linh, hoặc là nơi linh hồn người chết trú ẩn. Việc chặt cây làm nhà phải có sự đồng ý của bản làng và phải làm lễ cúng để

xin chặt cây. Người làng khác cũng không được xâm phạm phần đất, phần rừng của nhau theo ranh giới đã quy ước. Nhờ đó, qua hàng trăm năm, khu rừng pơ mu vẫn xanh tươi bóng mát, minh chứng cho công sức gìn giữ của chính quyền và đồng bào dân tộc Cơ Tu ở Tây Giang. Trong tương lai không xa, khu rừng pơ mu sẽ là điểm đến của những người yêu rừng, quý rừng, xem rừng là sự sống.

Để bảo vệ rừng cây pơ mu quý hiếm, trong thời gian tới, UBND huyện Tây Giang đã đề ra các giải pháp như: Nghiêm cấm các hành vi chặt phá cây rừng và săn bắn trái phép các động vật hoang dã, gây tổn hại đến hệ sinh thái rừng; Tổ chức lồng ghép công tác bảo vệ rừng vào kế hoạch, chương trình và dự án phát triển có liên quan; Bảo vệ và duy trì, phát triển nguồn gen loài cây pơ mu, trong đó chú trọng phát triển du lịch sinh thái hài hòa với BVMT; Lựa chọn các loại hình, quy mô du lịch hợp lý, có quy hoạch cụ thể trong xây dựng chiến lược khai thác du lịch; Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về BVMT rừng đối với thế hệ trẻ■

MINH NGUYỆT



Sức hấp dẫn của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm

TRẦN THÀNH

Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm

Cù Lao Chàm - Hội An được Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới vào ngày 26/5/2009 với những giá trị đặc trưng về đa dạng sinh học, văn hóa lịch sử và đặc biệt là một minh chứng rất điển hình, rõ nét về sự giao thoa, tương tác giữa thiên nhiên và con người trong công cuộc bảo tồn, phát huy những giá trị mang tính toàn cầu.



▲ Cù Lao Chàm là một trong số ít đảo của Việt Nam còn giữ được thảm thực vật có độ che phủ lớn

Thiên nhiên đã ưu ái ban tặng Cù Lao Chàm nhiều cảnh đẹp thơ mộng, hiếm có, trong đó tạo ấn tượng đặc biệt với du khách là 9 bãi biển hoang sơ và quyến rũ với nước xanh, cát trắng, nắng vàng được che mát bởi hàng dừa xanh trĩu quả.

Rạn san hô là dạng đặc thù của vùng biển nhiệt đới và cũng mang nét điển hình tiêu biểu của vùng biển đảo cù lao, là nguồn tài nguyên quý hiếm của Việt Nam và khu vực. Với 31 ha rạn san hô, trên 300 loài thuộc 59 giống của 15 họ san hô cứng; 15 loài thuộc 11 giống của 6 họ san hô mềm là nơi sinh sống của 200 loài cá thuộc 85 giống 36 họ, sinh cảnh đại dương ở Cù Lao Chàm thật đa sắc màu và hấp dẫn.

Cù Lao Chàm là một trong số rất ít đảo của Việt Nam còn giữ được thảm thực vật có độ che phủ lớn, rừng nơi đây lưu giữ nhiều nguồn gen động thực vật quý hiếm. Trong đó có nhóm cây làm thuốc (116 loài), nhóm cây cảnh, tại sườn Đông Bắc có thảm phong lan với loài huyết húng tía thuần loại, tại sườn Đông Nam có những cây tuế sống vài ba trăm năm. Ngoài ra, còn có cây vòng nem đường kính gần 2m; một số loài đa có rễ bám sâu vào vách đá hoặc quấn quanh thân cây gỗ khác tạo nên hình ảnh sơ nguyên, lạ mắt, ưa nhìn. Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam đã công nhận danh hiệu Cây Di sản cho 3 cây đa ở sườn Đông cù lao, cây sáo và cây kén tại miếu Tổ nghề yến và rừng cây đặc hữu ngô đồng đỏ trên đảo.

Rừng nguyên sinh chiếm 95% diện tích trên đảo, có lớp phủ thực vật tương đối tốt

đã trở thành nơi cư trú của nhiều loài động vật quý hiếm: 12 loài thú, 13 loài chim, 130 loại bò sát, trong đó chim yến và khỉ đuôi dài là 2 loài đã được đưa vào Sách Đỏ động vật Việt Nam. Là nơi chim yến lưu trú, làm tổ, hang Yến nằm trên các đảo đá trở thành điểm tham quan lý thú đối với khách du lịch khi đến với đảo xanh Cù Lao Chàm nhiều năm qua.

Trải qua các thời kỳ văn hóa Sa Huỳnh, Champa, Đại Việt, Việt Nam, cư dân Cù Lao Chàm đã không ngừng giao lưu, phát triển tạo nên một sắc thái văn hóa biển đảo đa dạng và phong phú. Với 7 di tích quốc gia, những truyền thuyết, truyện kể dân gian; những làn điệu hát ru, hò khoan, bả trạo; những lễ hội sự kiện, phong tục tập quán cùng những kinh nghiệm xã hội, ngành nghề của cư dân biển đảo đã thể hiện tri thức bản địa, chất văn hóa tín ngưỡng mang đậm tính nhân văn sâu sắc.

Nằm trong tuyến trình du lịch Con đường di sản miền Trung gồm Huế - Đà Nẵng

- Hội An - Mỹ Sơn, Cù Lao Chàm đã và đang là điểm đến có sức cuốn hút mạnh mẽ, hằng năm có đến hàng trăm ngàn lượt du khách đến tham quan du lịch, lượng khách ngày càng tăng. Nếu như năm 2009, Cù Lao Chàm thu hút 26.691 lượt du khách thì đến năm 2015 đã thu hút 400.931 lượt du khách. Hiện nay, Cù Lao Chàm đang tiếp nhận những dự án đầu tư lớn, kiện toàn cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ xứng tầm là trung tâm nghỉ dưỡng cao cấp đồng thời là nơi nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, liên kết đào tạo, tổ chức hội thảo, hội nghị...

Không chỉ có cảnh quan sinh thái, Cù Lao Chàm còn tạo ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách với những điều khác biệt: đảo không sử dụng túi nilông, cua đá được dán nhãn sinh thái, bên cạnh đó vấn đề sức chứa du lịch đang được nghiên cứu thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu thưởng lãm, vui chơi, nghỉ dưỡng ngày càng cao của khách du lịch■



Tiềm năng phát triển nguồn dược liệu từ các loài sinh vật biển của khu vực Đông Bắc Việt Nam

CAO VĂN KHIÊN

Ban quản lý Dự án Biển và Hải đảo Việt Nam

Theo thống kê, Việt Nam có gần 12.000 loài sinh vật biển, bao gồm 2.000 loài cá, 6.000 loài động vật đáy, 653 loài tảo, 5 loài rùa, 12 loài rắn biển... Tuy nhiên, hiện nay trong phát triển kinh tế biển Việt Nam chủ yếu chỉ quan tâm tới những loài sinh vật biển có giá trị thực phẩm, mà ít chú ý tới giá trị cung cấp các chất có hoạt tính sinh học cao để làm thuốc. Trong đó, nhóm sinh vật có chứa các chất hoạt tính kháng viêm cao (hải miên, san hô mềm, da gai...), sinh vật có độc tố (cá nóc, rắn biển, xoang tràng...) là nguồn dược liệu quý để chế biến những loại thuốc mới điều trị các căn bệnh nan y. Để đánh giá tiềm năng về nguồn dược liệu biển, năm 2013, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (HKLH&CN VN) đã thực hiện Đề án Nghiên cứu các hoạt tính sinh học từ nguồn dược liệu biển vùng Đông Bắc, với mục tiêu phát triển nguồn nguyên liệu dược liệu quý và bảo tồn nguồn gen các loài sinh vật biển.

Sau 2 năm nghiên cứu, các nhà khoa học của Viện đã thu thập tổng số 310 mẫu sinh vật biển, trong đó xác định được 136 loài sinh vật, 77 giống, 13 chi và 66 họ thuộc 6 nhóm sinh vật (thân mềm, da gai, hải miên, san hô cứng, san hô mềm và rong, cỏ biển). Đây là các mẫu sinh vật biển quý giá, phục vụ cho công tác nghiên cứu khai thác các hợp chất thứ cấp có hoạt tính sinh học dùng làm thuốc chữa bệnh và bảo tồn nguồn gen vi sinh vật. Đồng thời, xác định 13 bãi dược liệu biển ở vùng Đông Bắc trong đó có Cô Tô - Thanh Lân; Bái Tử Long; Hạ Long - Cát Bà là những khu vực trọng điểm, tập trung nhiều đối tượng sinh vật biển thuộc các nhóm sinh vật biển trên. Kết quả bước đầu cho thấy, tiềm năng và triển vọng khai thác các loại dược liệu biển ở vùng Đông Bắc.

Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, các nhà khoa học đã phân lập và xác định cấu trúc hóa học của 329 hợp chất, trong đó 97 hợp chất phân lập từ 10 loài hải miên; 74 hợp chất từ 11



▲ Cá ngựa là một loại thuốc quý

loài san hô mềm; 65 hợp chất từ 12 loài da gai; 82 hợp chất từ 15 chủng vi sinh vật biển; 6 hợp chất từ 2 loài rong cỏ biển và 5 hợp chất từ động vật thân mềm. Trong số các hợp chất đã phân lập, phát hiện có 49 chất mới như steroid, tectenoid, axit amin, phenol, các axit béo có tính kháng khuẩn cao có thể dùng để sản xuất thuốc chữa ung thư, kháng viêm, điều tiết miễn dịch, kháng vi sinh vật kiểm định, kháng lao và chống ôxy hóa. Hiện nay, có một số hoạt chất có nguồn gốc từ sinh vật biển sản xuất thành thuốc, được Bộ Y tế cấp phép lưu hành trên thị trường như thuốc Ara-C và Trabectedin (chữa ung thư),

Ara-A (điều trị bệnh Herpes) và Ziconotide (thuốc giảm đau)...

Theo các nhà khoa học, khu vực Bắc Bộ có nguồn tài nguyên dược liệu biển phong phú và đa dạng. Do đó, nghiên cứu cơ bản về thành phần loài, mẫu sinh vật biển làm dược liệu đã đóng góp tích cực cho sự phát triển sản xuất hóa dược từ nguồn dược liệu sinh vật biển và bảo tồn nguồn gen. Tuy nhiên, những năm gần đây, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển trong khu vực này đang bị đe dọa nghiêm trọng, các loài sinh vật biển bị suy giảm, một số loài có nguy cơ tuyệt chủng như cá ngựa, rắn biển... do môi trường biển bị



ô nhiễm, tình trạng đánh bắt bừa bãi của ngư dân.

Để khai thác, sử dụng hợp lý nguồn được liệu từ các loài sinh vật biển, các nhà khoa học đã đề xuất triển khai một số giải pháp: Tiến hành khoanh vùng các khu vực có nhiều loài sinh vật biển quý hiếm, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết lập các chế tài quản lý, bảo vệ nguồn được liệu biển; Đồng thời, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trong công tác nghiên cứu, phát triển nguồn gen về các loài sinh vật biển; Triển khai các chương trình thả rạn san hô nhân tạo, trồng phục hồi san hô cứng tại các vùng suy thoái nghiêm trọng, nhất là tại các khu vực có quản lý nghiêm ngặt. Xây dựng và định hướng kế hoạch sinh sản nhân tạo, thả giống nuôi phục hồi và phát triển nguồn lợi trong tự nhiên phù hợp điều kiện sinh thái môi trường tại khu vực; Tiếp tục nghiên cứu xây dựng bản đồ các loài bị đe dọa, nghiên cứu các loài sinh vật biển, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ để khai thác và bảo vệ nguồn lợi được liệu hiệu quả; Đẩy mạnh hội nhập quốc tế để quản lý các loài di cư, giám sát buôn bán các loài sinh vật biển; Tăng cường tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng bằng các hình thức biên soạn tài liệu, phim ảnh về BVMT biển...

Phát triển sản xuất hóa được từ nguồn được liệu sinh vật biển của Việt Nam là một hướng đi quan trọng và cần thiết, đồng thời là một chiến lược lâu dài cần được Nhà nước quan tâm, đầu tư. Trong các năm tới, Việt Nam sẽ phát triển nền công nghiệp sản xuất hóa được từ nguồn được liệu sinh vật biển ở tầm quốc tế■

Thúc đẩy tín dụng xanh vì sự phát triển bền vững đất nước

NGUYỄN THỊ LIÊN

Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu tác động nhiều nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH). Tác động của BĐKH đe dọa tới tiến trình xóa đói giảm nghèo, thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững của đất nước. Do đó, tăng trưởng xanh (TTX) chính là phương thức thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế theo định hướng sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, góp phần giảm nghèo và tạo động lực tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững.

Một trong những mắt xích quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về TTX là hệ thống tài chính ngân hàng. Theo đó, hệ thống ngân hàng sẽ quyết định nguồn vốn đầu tư cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các khu vực kinh tế hoạch

định nhằm phát triển kinh tế bền vững. Vì thế, các chính sách tín dụng xanh là giải pháp quan trọng hướng nền kinh tế tới mục tiêu TTX.

HIỆU QUẢ TỪ CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) là một trong những kênh tín dụng “xanh”, mang lại hiệu quả thiết thực cho cộng đồng nhằm xóa đói giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Chương trình không nhằm mục tiêu kinh doanh mà giúp các hộ gia đình ở khu vực nông thôn vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp các công trình nước sạch và vệ sinh, bảo đảm theo tiêu chuẩn quốc gia nhằm



▲ Vốn tín dụng chính sách góp phần phủ xanh những cánh rừng



nâng cao sức khỏe, cải thiện điều kiện sinh hoạt, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn.

Theo NHCSXH, Chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã hỗ trợ các hộ gia đình vay vốn với lãi suất ưu đãi để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh. Mỗi hộ gia đình được vay tối đa 6 triệu đồng cho một công trình nước sạch hoặc một công trình vệ sinh, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân. Mức vay tối đa để một hộ thực hiện cùng lúc cả 2 công trình là 12 triệu đồng/hộ. Hiện tỷ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh trong cả nước đạt trên 84%. Số hộ gia đình nông thôn có công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn là trên 63%. Sau hơn 10 năm thực hiện, NHCSXH đã triển khai tới 63/63 tỉnh, TP với tổng dư nợ trên 21.343 tỷ đồng với gần 2,4 triệu khách hàng còn dư nợ. Tính từ khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình đến nay đã có trên 8 triệu công trình nước sạch, vệ sinh được xây dựng và đưa vào sử dụng.

Mặt khác, NHCSXH đang thực hiện cho vay theo Chương trình dự án phát triển lâm nghiệp giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới. Đây là một dự án cho vay trồng rừng thương mại đầu tiên tại Việt Nam, với 2 trọng tâm chính là: Phát triển trồng rừng sản xuất ở một số tỉnh miền Trung Việt Nam và bảo tồn thiên nhiên. Ngân hàng cho vay theo chương trình dự án phát triển lâm nghiệp được triển khai tại 6 tỉnh: Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thanh Hóa, Nghệ An. Tính đến hết tháng 4/2016, tổng dư nợ cho vay phát triển lâm nghiệp đạt hơn 516 tỷ đồng với gần 17 nghìn khách hàng còn dư nợ. Riêng trong 4 tháng đầu năm 2016, doanh số cho vay của chương trình đạt gần 11 tỷ đồng, doanh số thu nợ đạt hơn 30 tỷ đồng với 242 lượt khách hàng vay vốn. Đến nay, nguồn vốn đã giúp phủ kín trên 70 nghìn ha rừng trồng sản xuất. Chương trình đã có những tác động lớn về mặt chính sách trong chiến lược phát triển rừng trồng quốc gia đến năm 2020 thông qua những chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình vay vốn tín dụng trồng rừng với lãi suất ưu đãi, góp phần phát triển ngành lâm nghiệp của đất nước.

Bên cạnh đó, Chương trình đã góp phần cải thiện đời sống kinh tế - xã hội của người dân, xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động, tạo nguồn thu nhập và phát triển kinh tế hộ gia đình. Đồng thời, Chương trình góp phần BVMT, tăng độ che phủ rừng thông qua hoạt động trồng rừng, cải thiện chất lượng đất và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động nông nghiệp và chống BĐKH. Như vậy có thể thấy, chính sách tín dụng “xanh” đang là điểm tựa vững chắc, vì sức khỏe của cộng đồng, góp phần bảo tồn thiên nhiên và phát triển sinh kế cho người dân hướng nền kinh tế tới mục tiêu TTX.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH

Tín dụng xanh đã và đang chứng minh là hướng đi tất yếu của ngành tài chính toàn cầu. Từ năm 2012, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành hoạt động tín dụng theo hướng mở rộng tín dụng gắn với hiệu quả và ưu tiên đầu tư vốn tín dụng vào các lĩnh vực, dự án hỗ trợ TTX. Nhận thức được tầm quan trọng của tín dụng xanh, Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng chỉ rõ, hoạt động cấp tín dụng của ngành ngân hàng cần chú trọng đến vấn đề BVMT, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng; cải thiện chất lượng môi trường và bảo vệ sức khỏe con người, đảm bảo phát triển bền vững.

Theo đó, các tổ chức tín dụng cần rà soát, điều chỉnh

và hoàn thiện thể chế tín dụng cho phù hợp với mục tiêu TTX; tập trung nguồn lực để cấp tín dụng cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường và xã hội, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện TTX.

Đồng thời, xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh nhằm khuyến khích hoạt động kinh doanh thân thiện với môi trường và xã hội như nghiên cứu và phát triển sản phẩm tín dụng xanh, triển khai chương trình tín dụng có chính sách khuyến khích đối với các dự án, phương án sản xuất kinh doanh có mục tiêu TTX. Cải thiện chất lượng dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng trưởng tín dụng xanh, quan tâm tài trợ các dự án, phương án sản xuất kinh doanh thực hiện TTX.

Cùng với đó, tổ chức tín dụng cần tập trung ưu tiên cấp tín dụng xanh cho các ngành kinh tế thực hiện bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sử dụng công nghệ, thiết bị thân thiện với môi trường, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường. Chủ động nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng thông qua việc cải thiện các chính sách, nguồn lực, quy trình và thủ tục cấp tín dụng để tăng cường sự phối hợp trong công tác BVMT và quản lý tín dụng■



Cải thiện môi trường vì sức khỏe con người



▲ Cải thiện môi trường có thể cứu hàng triệu người

Lòai người đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc đẩy lùi bệnh tật, xóa đói giảm nghèo, duy trì tuổi thọ và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, sự bùng nổ về dân số, quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế nhanh cũng gây ra những rủi ro nghiêm trọng về sức khỏe mà nguyên nhân lớn nhất là do tình trạng ô nhiễm, tiếp xúc với hóa chất và BĐKH. Theo công bố của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) năm 2016, 12,6 triệu người thiệt mạng mỗi năm do sống hoặc làm việc trong một môi trường ô nhiễm, chiếm 1/4 tổng số ca tử vong toàn cầu. Các chuyên gia cho rằng, phần lớn số ca tử vong này có thể tránh được nếu như con người quản lý môi trường tốt hơn. Đây cũng chính là một trong số những mục tiêu mà Chương trình nghị sự phát triển bền vững 2030 và Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) hướng tới.

Tài nguyên thiên nhiên đã hỗ trợ con người trong quá trình tồn tại và phát triển, bao gồm cung cấp đất nông nghiệp, thủy sản, sinh kế, không khí, nước, năng lượng... nhưng tầm quan trọng của việc quản lý môi trường lại chưa được đánh giá cao như các vấn đề về y tế, giáo dục, kinh tế và xã hội. Vì vậy, Chương trình nghị sự 2030 ra đời, thiết lập 17 mục tiêu phát triển bền vững nhằm tạo ra một tương lai tốt đẹp hơn cho người dân và Trái đất, trong đó, các vấn đề liên quan đến môi trường được

để cập xuyên suốt các mục tiêu.

Ô nhiễm không khí gây ra cái chết cho khoảng 8,2 triệu người, nguyên nhân chủ yếu do các chất độc hại từ hoạt động sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Để khắc phục tình trạng này, hiện nay, nhiều quốc gia đang đẩy mạnh hệ thống giao thông đô thị bền vững, thay thế nhiên liệu truyền thống bằng các loại nhiên liệu sạch hơn và cho ra đời các loại xe tiết kiệm nhiên liệu. Nhiều sáng kiến công nghệ đang lan rộng trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt là các ý tưởng liên quan đến phát triển năng lượng tái tạo. Theo Báo cáo “Xu hướng toàn cầu về đầu tư cho năng lượng tái tạo năm 2016” của Liên hợp quốc công bố vào tháng 3/2016, vốn đầu tư của toàn thế giới năm 2015 vào năng lượng tái tạo để sản xuất điện đạt mức kỷ lục - 286 tỷ USD. Việc mở rộng các nguồn năng lượng tái tạo có thể giúp

chúng ta tiếp cận nguồn năng lượng sạch mà không gây ra ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe con người.

Bên cạnh đó, lượng hóa chất toàn cầu được sản xuất có giá trị khoảng 171 tỷ USD vào năm 1970, và tăng lên 4,12 nghìn tỷ USD vào năm 2010. Tuy nhiên, ngoài lợi ích mà ngành công nghiệp này mang lại đối với sự phát triển kinh tế và xã hội, nó cũng gây ra nhiều vấn đề đối với sức khỏe con người và môi trường. Theo WHO, việc tiếp xúc với chì gây ra khoảng 600.000 trường hợp khuyết tật trí tuệ hàng năm ở trẻ em, kéo theo thiệt hại về kinh tế hơn 900 tỷ USD mỗi năm. Trong năm 2002, chì được sử dụng trong nhiên liệu tại 82 quốc gia. Ngày nay, với sự can thiệp của UNEP và các tổ chức quốc tế, chỉ có 3 quốc gia còn nhiên liệu pha chì. Tuy nhiên, chì trong sơn vẫn còn nhiều bất cập - Đó là lý do UNEP và WHO đang tích cực làm việc với “Liên minh toàn cầu loại bỏ sơn pha chì” để giải quyết vấn đề này. Tại Philipin, luật pháp hiện nay cấm sử dụng, sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu và bán các loại sơn với tổng hàm lượng chì trên 90 mg/L. Đây là một trong nhiều nỗ lực để đảm bảo các hóa chất được sử dụng một cách an toàn vì lợi ích của người dân. Ngoài ra, sự ra đời của Nghị định thư Montreal về việc loại bỏ các chất làm suy giảm tầng ôzôn sẽ ngăn chặn khoảng 283 triệu trường hợp ung thư da vào năm 2100, cứu sống hàng triệu người (Theo Cơ quan BVMT Mỹ). Những bước chuyển biến tích cực trên tạo đà thành công



cho nhân loại khi đối mặt với các mối đe dọa với sức khỏe con người.

Theo Ủy ban Liên chính phủ về BĐKH, BĐKH làm phát tán một số bệnh truyền nhiễm, thay đổi sự phân bố theo mùa của một số loài hoa gây dị ứng và tăng số ca tử vong do nắng nóng. Hiệp định Pari về BĐKH đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tác hại của BĐKH, đảm bảo sức khỏe con người. Nếu chúng ta không làm giảm lượng phát thải khí nhà kính, các hiện tượng thời tiết cực đoan sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống và hoạt động sản xuất nông nghiệp. Chỉ riêng ở châu Phi, BĐKH có thể làm giảm năng suất cây trồng đến 20% vào năm 2050 trong khi dân số tăng gấp đôi gây ra tình trạng thiếu hụt lương thực trầm trọng.

Ngoài 3 yếu tố trên, sức khỏe con người cũng chịu tác động của nhiều yếu tố khác như đa dạng sinh học, hệ sinh thái, tình trạng ô nhiễm nhựa ở các đại dương và trong thức ăn, tình trạng tiếp xúc với các chất độc hại do lượng chất thải điện tử gia tăng... Việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên một cách hợp lý sẽ mang lại tác động tích cực đến sức khỏe của chúng ta. Thông qua Chương trình nghị sự 2030, UNEP, WHO, nhiều tổ chức, Chính phủ và các cá nhân cam kết cùng hợp tác giải quyết các vấn đề liên quan đến sức khỏe và môi trường.

LƯU TRANG
(Theo UNEP)

Cần bảo vệ môi trường sống cho loài hổ



▲ Một con hổ ở khu vực hồ Raj Bagh, bang Rajasthan, Ấn Độ

Trong họ mèo lớn (hổ, sư tử, báo đốm Mỹ và báo hoa mai), hổ là loài có nguy cơ bị đe dọa cao nhất, với khoảng 3.200 cá thể còn lại trong khu vực hoang dã tại các đầm lầy và rừng nhiệt đới, tập trung chủ yếu tại 13 quốc gia châu Á. Khai thác gỗ, phát triển nông nghiệp và cơ sở hạ tầng khiến cho môi trường sống của loài hổ dần bị thu hẹp. Ngoài ra, việc săn bắn và săn trộm nhằm lấy các bộ phận để sử dụng trong thuốc Đông y ở một số nước châu Á cũng gây áp lực không nhỏ lên sự sinh tồn của loài này.

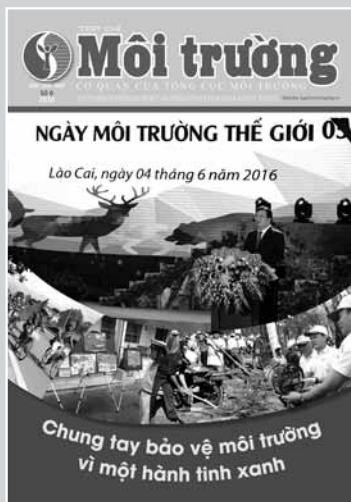
Để bảo vệ loài hổ, năm 2010, các nhà lãnh đạo trên thế giới tổ chức Hội nghị thượng đỉnh cấp cao tại Nga với mục tiêu tăng gấp đôi số lượng hổ hoang dã trên thế giới vào năm 2022 (mục tiêu Tx2). Theo đánh giá của các chuyên gia, mục tiêu Tx2 chỉ có thể đạt được khi môi trường sống hiện tại của loài hổ - các cánh rừng và khu vực hành lang được bảo vệ một cách nghiêm ngặt. Kể từ sau cuộc họp, đã có sự gia tăng số lượng quần thể hổ tại Nê-pan, Ấn Độ, Nga. Ngoài ra, tại vùng Đông Bắc Trung Quốc, có nhiều dấu hiệu cho thấy loài hổ đang trú ngụ và sinh sôi.

Thông qua hình ảnh vệ tinh Google Earth và công cụ Theo dõi

rừng toàn cầu, các nhà khoa học đã tính toán được những thay đổi trong môi trường sống của hổ tại 76 danh lam thắng cảnh trên thế giới, với mức độ chi tiết lên tới 30m. Theo đó, có khoảng 80.000 km² rừng bị mất, trong đó hơn 58.000 km² xảy ra tại 29 khu vực trọng tâm, nghiêm trọng nhất là tại Malaixia và Sumatra (Indônêxia) do ảnh hưởng từ ngành công nghiệp dầu cọ. Với công nghệ mới, các nhà bảo tồn có thể xác định chính xác nơi mất môi trường sống đang diễn ra hàng năm (thay vì thực hiện 10 năm 1 lần như trước đây) và kiểm soát tối đa thiệt hại trong tương lai. Đây đồng thời cũng là một công cụ hữu ích cho các quốc gia lên kế hoạch bảo tồn loài vật có nguy cơ tuyệt chủng cao này.

Các chuyên gia của trường Đại học Minnesota ở bang Saint Paul, Mỹ cho biết, BVMT sống, nỗ lực chống săn trộm và duy trì con mồi (nguồn thức ăn) là những yếu tố quan trọng nhất trong việc bảo tồn loài động vật này. Mục tiêu tăng gấp đôi số lượng hổ trong vòng 6 năm tới hoàn toàn khả thi và chỉ có thể đạt được nếu các Chính phủ, các tổ chức môi trường và cộng đồng địa phương chung tay hành động.

HỒNG ĐIỂN (Theo theguardian)



EDITORIAL COUNCIL

Dr. Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. Bùi Cách Tuyến

Dr. Nguyễn Thế Đồng

Dr. Hoàng Dương Tùng

Dr. Mai Thanh Dung

Dr. Hoàng Văn Thúc

Prof. Dr. Đặng Kim Chi

Prof. DrSc. Phạm Ngọc Đăng

Prof. Dr. Nguyễn Văn Phước

Dr. Nguyễn Ngọc Sinh

Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Danh Sơn

Assoc.Prof.Dr. Lê Kế Sơn

Assoc.Prof.Dr. Lê Văn Thắng

Prof. Dr. Trần Thục

Assoc.Prof.Dr. Trương Mạnh Tiến

Prof. Dr. Lê Văn Trình

Prof.Dr. Nguyễn Anh Tuấn

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (04) 61281438

OFFICE

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (04) 66569135

Editorial board: (04) 61281446

Fax: (04) 39412053

Email: tcbvmt@yahoo.com.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

*Launching the Month Committed to the
Environment in responding to WED 2016.*

Photo by: TTXVN

Processed & printed by:

T&V Trade Printed Design Co., Ltd

Nº 6/2016

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [4] • Joint efforts in environmental protection for green planet
- [6] • Note on the Month Committed to the Environment in responding to World Environment Day 2016
- [8] • Vietnam attending Global Green Growth Forum 2016



LAW - POLICY

- [9] HỒNG QUÂN: Ceasing investment project on hydropower Drang Phok – Dak Lac due to negative environmental impact
- [10] HOÀNG VĂN VY: Boosting environmental inspection and supervision
- [12] DƯƠNG VĂN HOẠT: Policies and measures for promoting renewable energy in Vietnam
- [14] LƯU TRỌNG QUANG: Thanh Hóa - environmental protection mainstreamed in economic development
- [16] NGUYỄN THỊ MINH QUỲ: Nghệ An: Enhancing state management of environmental protection



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [20] ĐẶNG HUY HUỖNH - ĐỖ LÊ THỊ MINH: Promoting awareness and responsibility of the elderly in biodiversity conservation
- [22] LÊ HOÀNG LAN: Environmental governance in new development period
- [24] PHẠM THỊ VUI - NGUYỄN ĐÌNH VIỆT: Promoting education and propaganda on environmental protection
- [26] NGUYỄN HỮU KHUÊ - LÊ TRẦN CHẤN: Assessing impact of conversion from deciduous forests to rubber plantation in Dak Lac
- [28] LÊ VĂN MINH: Potential for ecotourism development in Viet Nam



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [30] VƯƠNG TIẾN MẠNH: Ecological values of alluvial ground and mid river sand bank of Red River and proposed measures for conservation
- [32] NGUYỄN MINH HẠNH: Status and solutions for fishery protection in coastal wetlands in Phu Yen
- [34] NGUYỄN THANH NGÂN: Effectiveness of waste water treatment using microbiological technology



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [36] GIÁNG HƯƠNG: Ninh Binh Fertilizer Company: production and trade along with environmental protection
- [38] NGUYỄN VĂN PHƯƠNG: Strengthening enterprises' role in developing environmental industry
- [39] TRƯƠNG VIỆT TRƯỜNG: Joint Credit Mechanism and opportunities for Vietnamese business
- [41] PHẠM THANH TUẤN: Bim Sơn Cement Company's active transform to environmentally friendly technology



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [42] LÊ THANH THỦY: Increasing roles and responsibility of women in the capital in environmental protection
- [44] NGUYỄN HẰNG: Hà Nội Wildlife Rescue Centre: enhancing wildlife rescuing, conserving and breeding
- [45] MINH NGUYỆT: Conservation and sustainable use of heritage Fujian cypresses in Quang Nam
- [46] TRẦN THÀNH: Attractiveness of Cu Lao Cham world biosphere reserve
- [47] CAO VĂN KHIÊM: Potential for developing pharmaceutical resources from maritime creatures in Northeast of Vietnam
- [48] NGUYỄN THỊ LIÊN: Promoting green credits for sustainable development



AROUND THE WORLD

- [50] LƯU TRANG: Environmental improvement for human health
- [51] HỒNG ĐIỂN: Need for tiger habitat protection

CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN NHỎ QUẾ 3

Địa chỉ trụ sở: Số 36 - Tổ 8 - đường Lê Quý Đôn - phường Nguyễn Trãi
thành phố Hà Giang - tỉnh Hà Giang
Địa điểm Nhà máy: xã Lũng Pù - huyện Mèo Vạc - tỉnh Hà Giang



Trạm phân phối 220kV kiểu kín (GIS)



NM Thủy điện Nho Quế 3

Nhà máy thủy điện Nho Quế 3 được xây dựng trên địa phận xã Khau Vai, Lũng Pù, Sơn Vi và xã Cấn Chu Phìn, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang - thuộc vùng sâu vùng xa với điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội đặc biệt khó khăn. Nhà máy với công suất 110MW do Công ty cổ phần Bitexco Nho Quế (nay là Công ty TNHH MTV Thủy điện Nho Quế 3) làm chủ đầu tư là dự án nằm trong danh mục nguồn điện theo Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2006 - 2015 (Quy hoạch điện VI) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 110/2007/QĐ-TTg ngày 17/7/2007 và Quy hoạch Bậc thang Thủy điện trên nhánh sông Nho Quế thuộc hệ thống sông Gâm, được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) phê duyệt tại Quyết định số 2694/QĐ-BCN ngày 02/10/2006.

Công trình Nhà máy thủy điện Nho Quế 3 được triển khai vào tháng 10/2007, sau hơn 3 năm xây dựng, ngày 12/8/2012, nhà máy đã được khánh thành, có 2 tổ máy với tổng công suất 110 MW, đã chính thức đi vào hoạt động ổn định, hòa lưới điện Quốc gia, cung cấp sản lượng điện hàng năm đạt 437 triệu Kwh, góp nâng cao đời sống xã hội cho người dân nghèo vùng cao, phục vụ phát triển kinh tế địa phương. Nhà máy Thủy điện Nho Quế 3 cũng sẽ góp phần đáng kể tăng thu ngân sách cho tỉnh Hà Giang, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, mang lại hệ thống hạ tầng kỹ thuật - kinh tế - xã hội, đường giao thông thuận tiện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và phát triển kinh tế cho người dân vùng cao, cũng như tăng cường an ninh Quốc phòng khu vực biên giới.

Việc hoàn thành xây dựng và đưa nhà máy Thủy điện Nho Quế 3 đi vào hoạt động là bước tiến quan trọng và vững chắc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng của Tập đoàn BITEXCO, đồng thời là tiền đề chắc chắn để thực hiện thành công những dự án thủy điện tiếp theo trong khu vực và tạo ra nhiều cơ hội cho các dự án đầu tư thủy điện có điều kiện tự nhiên tương tự (trên nền địa chất đã vỡ).

Gờ đây, "Ước mơ mọc trên cao nguyên đá" của người BITEXCO đã trở thành hiện thực, một lần nữa thể hiện phương châm "Biến điều không thể thành có thể" mà BITEXCO đã và đang khẳng định ở nhiều công trình từ trước tới nay.

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT TỈNH YÊN BÁI

VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

HỢP TÁC XÃ VĂN THỊNH

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI DẦU TIẾNG PHƯỚC HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG VIỆT THANH HÓA

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẦN THỦA

Kỷ niệm 71 năm ngày Bác sĩ Cách mạng Việt Nam
(21/6/1925 - 21/6/2016)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM SƠN

Địa chỉ: Thôn Quảng Phú - TT. Phú Mỹ - Huyện Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu
Ngành nghề kinh doanh: thương mại - vận tải/cơ giới - dịch vụ kho - cảng



Chào mừng
Kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám
Và Quốc khánh 2/9



CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH ĐIỀN - NINH BÌNH

ĐC: KCN Khánh Phú - xã Khánh Phú - Yên Khánh - Ninh Bình

ĐT: 0303 899 903;

Fax: 0303 899 902

PHÂN BÓN ĐẦU TRÂU
CÔNG NGHỆ MỚI
SẢN PHẨM MỚI
HIỆU QUẢ VƯỢT TRỘI



VEDAN

YEAH!

NAY CÓ THÊM



LOẠI RAU CỦ

'BỔ SUNG VITAMIN A, C, D'



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
(Đầu cầu Cầu Lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái,
huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.)

Thực phẩm bổ sung: Hạt nêm xương hầm rau củ
Thực phẩm bổ sung: Hạt nêm nấm hương rau củ
Thực phẩm bổ sung: Hạt nêm tôm chua cay rau củ



giải pháp tốt hơn, môi trường tốt hơn

CHẾ PHẨM SINH HỌC

Xử lý mùi hôi.
Sản xuất phân hữu cơ vi sinh.
Vi sinh kỵ khí.
Vi sinh hiếu khí.

www.giaiphapxanh.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI



ĐỊA CHỈ: SỐ 72 ĐƯỜNG PHAN TRỌNG TUE,
THỊ TRẤN VĂN ĐIỀN, HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 04.38611019, 04.38611015 FAX: 04.38612549.



CÔNG TY TNHH MTV CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THỌ PHÁT



Địa chỉ: 78 Nguyễn Tri Phương, P.7, Q.5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 3924 6765 / 08 3922 5829

Email: thophatfood@yahoo.com



CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH KHÁCH SẠN TRUNG NHẤT METROPOLIS
Tọa tại: Room 401 - Opera Business Center - 401/7 Phan Dị - Hòa Kiều - Hà Nội
Số điện thoại: 04.382.9127 - 04.382.7239 Fax: 04.382.9128
Email: www.mhmetropole.com.vn



Cam nhận sự khác biệt duy nhất chỉ có tại
khách sạn Huyền Thoại
của thương hiệu Sofitel - Sofitel Legend.

Khách sạn Metropole Hà Nội là điểm đến
mang tên Sofitel Legend đầu tiên trên thế giới,
mang lại sự hài lòng tuyệt vời cho khách,
với phong cách Pháp tinh tế cùng chất lượng dịch vụ
hoàn hảo làm nên những trải nghiệm tuyệt vời.

SOFITEL
LEGEND

15 Ngã Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (0) 4 3826 6118 - Fax: +84 (0) 4 3826 6128
h155956@hanoi.com - www.sofitel-legend.com

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BÌNH ĐỊNH



Chúc mừng 91 năm
ngày Báo chí cách mạng
Việt Nam 21/6/1925 - 21/6/2016

Địa chỉ: Số 02D đường Trần Hưng Đạo, Phường Hải Cảng,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056.3892039

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT



Chúc mừng 91 năm ngày
Báo chí Cách mạng Việt Nam
21/6/1925 - 21/6/2016

Địa chỉ: Thị trấn Phú Mỹ - Huyện Tân Thành - Bà Rịa Vũng Tàu
Giám đốc: Nguyễn Vĩnh Lễ

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SẠCH PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: Số 84/2B CM18, P.Cái Khế, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ



Chúc mừng 91 năm ngày
Báo chí Cách mạng Việt Nam
21/6/1925 - 21/6/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Trụ sở: Đường CN7 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm,
Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm
Điện thoại: (84-4) 6295 9891 Fax: (84-4) 3780 5382

Là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng. Tiền thân của Công ty môi trường Từ Liêm là Xi nghiệp Môi trường đô thị Từ Liêm. Ngày 02/6/2015 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần dịch vụ Môi trường đô thị Từ Liêm (Theo quyết định số 2491/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội) và là Công ty con của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động chính đăng ký:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Tái chế phế liệu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



CÔNG TY TNHH KHIẾT AN PHÁT

ĐC: 223 Lý Thái Tổ, Xã Dambri, TP Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
ĐT: 0633 73 00 98 - 0633 98 00 98
Website: sanita.vn

Nước quan trọng là thể nên người sử dụng thông minh là người sẽ chọn lựa cho mình sản phẩm nước nào đủ tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng để bổ sung nước cho cơ thể, bảo vệ cho sức khỏe của bản thân mình và gia đình thương yêu. Vì mục tiêu "Chung tay vì sức khỏe" Sanita thật sự mong muốn đóng góp phần nhỏ bé của mình thông qua những sản phẩm nước đạt tiêu chuẩn, tinh khiết và an toàn để góp phần bảo vệ sức khỏe cho mọi người tốt nhất.

Tên công ty TNHH Khiết An Phát, với ước muốn của chúng tôi - những người sáng lập công ty, giá trị cốt lõi của ba từ này đã nói lên tất cả rằng: Với sự "Tinh khiết", "An toàn" Sanita sẽ được sự ủng hộ và tin tưởng của quý khách hàng để "phát triển".

Vì phương châm này, Công ty chúng tôi đã lựa chọn rất kỹ ngay từ ban đầu khi lựa chọn vị trí đặt nhà máy sản xuất tại xã Dambri, là một vùng đất vẫn còn hoang sơ, mọc mọc, khí hậu trong lành, hoa cỏ xanh tươi để có một nguồn nước trong lành và tươi mát. Trước khi quyết định đầu tư, chúng tôi đã kỹ càng lấy mẫu nước từ các giếng khoan kế cận và gửi đi kiểm nghiệm ở Hà Nội sau khi có kết quả kiểm nghiệm chuẩn ngay từ nguồn nước ngầm ban đầu mới quyết định đầu tư cơ sở vật chất, khoan giếng qua nhiều tầng đá với độ sâu >100m và đầu tư dây chuyền sản xuất nước tinh khiết hiện đại và phù hợp.

Được sự hỗ trợ và tư vấn rất nhiệt tình của Công ty Cổ phần và chuyển giao công nghệ Ohido. Dựa trên các chỉ tiêu nước nguồn chất lượng sẵn có, Công ty đã đầu tư cơ sở vật chất theo đúng quy chuẩn Quốc gia QCVN 6-1:2010, sản xuất theo nguyên tắc một chiều và cùng với sự kết hợp với Ohido, đội ngũ lành đạo và các kỹ sư đã tư vấn, thiết kế, thi công và chuyển giao công nghệ đầy chuyên nghiệp " Ohido drinking water system ".

Và Sanita rất tự hào với sản phẩm của mình khi ra đời và thâm nhập thị trường cũng đã nhận được sự quan tâm và phản hồi rất tốt của người sử dụng với một sản phẩm nước uống rất tinh khiết, có vị ngọt tự nhiên và dịu mát.

Qua hơn hai năm đi vào hoạt động, Sanita đã càng tự tin hơn khi Công ty chúng tôi liên tiếp nhận được sự bình chọn với các giải thưởng:

- Sản phẩm đạt Cấp vàng thương hiệu an toàn vì sức khỏe cộng đồng.
- Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn.
- Bằng vàng Doanh nghiệp phát triển bền vững.

Với những thành công đã và đang đạt được và sự tin tưởng sử dụng của Quý khách hàng, Sanita cam kết thực hiện sứ mệnh bảo vệ sức khỏe của người sử dụng. Kỹ càng và cẩn thận trong từng khâu sản xuất để mang lại một sản phẩm thật sự tinh khiết, thật sự an toàn để không phụ niềm tin người sử dụng đã đặt vào công ty chúng tôi.

CÔNG TY TNHH MTV DV KARAOKE - MASSAGE THIÊN ĐƯỜNG

Địa chỉ: 38 Nguyễn Văn Cừ - Kv 3 - Sông Hậu (Cồn Khương)
P. Cái Khế - Q. Ninh Kiều - TP. Cần Thơ
Chi nhánh Sóc Trăng: 258 Lê Duẩn - Khóm 1 - P.3 - TP. Sóc Trăng
Điện thoại: 0123 5015 051

Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Karaoke - Massage Thiên Đường với tên giao dịch CÔNG TY TNHH MTV DV KARAOKE - MASSAGE THIÊN ĐƯỜNG có lĩnh vực hoạt động trong ngành Dịch vụ (âm nhạc, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Hiện đang được điều hành bởi ông Võ Quốc Việt với nhiều hoạt động ngành nghề kinh doanh. Mọi chi tiết quý khách vui lòng liên lạc với chúng tôi theo địa chỉ: 38, Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 3 Cồn Khương - Sông Hậu, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ. Điện thoại: 0946435168

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Dịch vụ âm nhạc, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao).

- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống

phục vụ lưu động; Dịch vụ ăn uống khác.

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;

- Hoạt động vui chơi, giải trí khác.

* Với hệ thống phòng Karaoke & âm thanh hiện đại.

* Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, lịch sự.

* Sẽ đem đến cho quý khách

giờ phút thư giãn thoải mái

cùng dịch vụ tốt nhất.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý khách!

